

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NĂM THỨ BẢY ■ SỐ 174 ■ Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

BỘ MỚI ■ SỐ 18 ■ Chủ Nhiệm Chủ Bút: VIÊN LINH

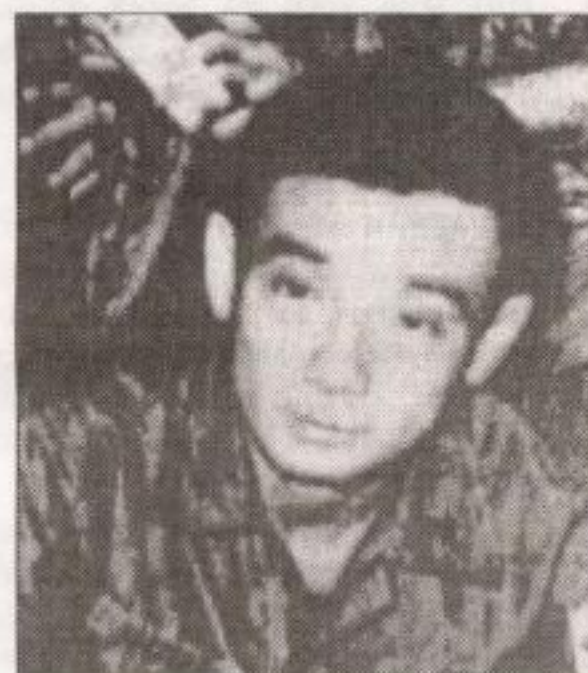
truy niệm 30 tháng 4

5 VỊ TƯỚNG TƯ LỆNH 22 TRUNG, LIÊN ĐOÀN TRƯỞNG 100 HƠN SĨ QUAN ĐÃ TỰ SÁT

VĂN TẾ CHIẾN SĨ / CAO TIÊU



Th. t. PHẠM VĂN PHÚ



Th. t. LÊ VĂN HÙNG



Th. t. NG. KHOA NAM



Ch. t. TRẦN VĂN HAI



HIẾU CHÂN (1919-85)

NHỮNG NGƯỜI VẮNG MẶT

VIÊN LINH

HIẾU CHÂN, CHẾT TRONG TÙ

MẶC THU / NHÃ CA

TẠP GHI / ký giả LÔ RĂNG

GIỮA DÒNG / NGUYỄN TÀ CÚC

TRUYỀN / TƯỜNG VŨ ANH THY

NGƯỜI TÌNH PASTERNAK

LÀ MỘT K.G.B.?



SỐ 18 ■ 15 THÁNG 4 - 1998



Cụ Bảo Văn Bùi Văn Bảo

NHÀ THƠ NHÀ GIÁO BÙI VĂN BẢO TỪ TRẦN

Nhà giáo nhà thơ Bảo Văn Bùi Văn Bảo đã mệnh chung vào ngày 25/3/98, tại thành phố Toronto, Gia Nã Đại, hưởng thọ 82 tuổi. Trong thời gian nằm nhà thương, bác sĩ cho biết cụ bị ung thư óc. Sau đó cụ bị liệt nửa người và không thể ăn uống được ngoài số nước biển được truyền vào cơ thể. Được biết, cụ bà Bùi Văn Bảo cũng gần 80 tuổi và hai cụ có tất cả 6 người con.

Cũng theo tin từ gia đình cho biết, sau khi làm lễ phát tang vào ngày Chủ nhật 29/3, thân nhân sẽ làm lễ hỏa thiêu ngày 30/3 rồi đưa cốt của cụ lên ký thác tại chùa Liên Hoa ở thành phố Montreal.

Nhà thơ Bùi Văn Bảo, sinh năm 1917 tại Thái Bình, Bắc Việt. Cụ tốt nghiệp lớp Sư phạm năm 1940, trường Bưởi ở Hà Nội, và dạy học ở Phú Thọ, Thái Nguyên, Hà Nội; sau đó làm hiệu trưởng trường Trần Quý Cáp ở Sài Gòn. Khi còn đi học, cụ có làm thơ, viết văn cho các báo Phong Hóa, Ngày Nay, Tiểu Thuyết, Thứ Bảy, Loa... Vào Sài Gòn, cụ viết thêm cho báo Tự Do (mục Dân Ngang Cung). Năm 1956, cụ tạm nghỉ viết báo, bắt đầu soạn sách giáo khoa tiểu học và xuất bản báo Tuổi Xanh cho thiếu nhi.

Năm 1975, cụ di cư sang Gia Nã Đại tiếp tục soạn sách dạy tiếng Việt cho trẻ em và viết thơ và văn cho nhiều báo ở hải ngoại. Trong bài thơ "Giữ Gìn Tiếng Việt" có hai câu mở đầu mà nhiều người biết là:

*Chỉ sợ đàn con quên
Việt Ngữ
Đừng lo lũ trẻ kém Anh Văn*

Cùng các họa sĩ, nhà văn, nhà giáo biên soạn bộ Việt Sử Bằng Tranh gồm 30 tập viết từ đời Hùng Vương tới nhà Nguyễn Quang Trung rất được giới phụ huynh tán thưởng. Bộ Việt Sử đã được Hội Chuyên Gia Việt Nam đưa vào CD rất công phu.

Ngoài ra, cụ còn soạn 14 cuốn băng thơ (có tiểu sử các tác giả) về Thi Ca Cổ Điển và nhờ các ca sĩ nổi tiếng về cổ nhạc, ngâm thơ theo các điệu Sa Mạc, Bồng Mạc, Đồ Đưa v.v.v...

Các tác phẩm tiêu biểu của cụ Bùi Văn Bảo như: Văn Việt Ngữ, Tập Đọc Một, Tập Đọc Hai, Câu Đố Vui, Câu Đố Vui, Thi Ca Tiên Chiến, Tục Ngữ Ca Dao, Thơ Nôm Yên Đỗ, Việt Nam Thường Thức, Cái Hay của Tiếng Việt, Luyện Tập Quốc Văn, Cổ Tích Việt Nam, Hương Hoa Đất Nước, Giai Thoại Câu Đối, Câu Đối Dân Gian, "I, Tờ Vui", Ngự Vượng Bằng Tranh, Tập Làm Văn, Văn Việt Ngữ tập 2, Bùi Viên: Một nhà nho sáng suốt, Thơ Tình Xuân Diệu, Thơ Tình Nguyễn Bình, Thơ Bàng Bá Lân, Thơ Tình Vũ Hoàng Chương...

Sự ra đi của cụ Bùi Văn Bảo là sự mất mát lớn lao đối với nền văn hóa, giáo dục Việt Nam.

TÂM HỒN ĐỨC HUY VÀ TIẾNG HÁT NGỌC LAN

Người nhạc sĩ nổi nhất tại hải ngoại trong những năm qua là Đức Huy, với những nhạc phẩm hầu như không ca sĩ nào không một lần trình bày, như Để Quên Con Tim, Như Đã Dấu Yêu, Bay Đi Cánh Chim Biển, Người Tình Trăm Năm, Và Con Tim Đã Vui Trở Lại, Trái Tim Ngục Tù hay Đừng Xa Em Đêm Nay. Anh còn một bản nhạc hay khác: Khóc Một Dòng Sông, là bản nhạc có cái tên không dính dáng gì đến con tim, đến trái tim, đến dấu yêu hay đêm nay cả. Đó là bản nhạc được chọn để trình bày trong cuốn video thứ 18 của Asia, đã khởi công quay tại Montréal vào ngày 15



tháng 3-1998 trên một sân khấu dựng lại nhiều cảnh của thành phố Saigon trong quá khứ. Nghe nói sân khấu này tốn cả chục ngàn mỹ kim.

Bản nhạc mới của Đức Huy, Khóc Một Dòng Sông, tuy vậy lại không quay ở Gia Nã Đại được, vì ca sĩ Ngọc Lan không thể rời Nam Cali trong thời gian này. Cô không bệnh như tin đồn sai lạc, vì người viết bài này vừa được thấy Ngọc Lan xuất hiện trước ống kính máy quay của đạo diễn Brian Nuzzo. Cô trình bày ca khúc Khóc Một Dòng Sông của Đức Huy. Cô không theo Thanh Thúy, Thanh Tuyền, Khánh Ly, Khánh Hà đi Montréal hôm thứ sáu. Do đó, cô hát Khóc Một Dòng Sông ngay trong phim trường của Asia Entertainment.

Brian Nuzzo lấy cận ảnh Ngọc Lan nhiều lần, khác với Đặng Trần Thức tung Ngọc Lan ngoài bãi biển thướt tha trong áo trắng mỏng và cát vàng năm nào. Ông kính của chàng đạo diễn trẻ tuổi trình bày một Ngọc Lan da thịt hơn, và trong đêm khóc thương của những giông lệ trời ngoài khung cửa kính, cô ngồi nhìn những hình ảnh xưa của Sài Gòn Văn Mai Trong Tim: chủ đề cuốn video đang thực hiện của Asia.

Nhạc Đức Huy phần lớn dùng "ton" trường, là loại nhạc tương đối khó hát. Nó không phải loại dễ dãi làng nhàng, cho nên hát Đức Huy còn cần một cái vẻ. Nếu không sang lắm, thì cũng phải sang vừa vừa. Ngọc Lan thích hợp với Đức Huy, có lẽ là thích hợp nhất, nhờ vẻ mặt u buồn và dáng điệu dằng dặc của cô. Mới nghe qua một lần, song hình như tôi thấy giọng Ngọc Lan khỏe và dày hơn xưa, khác hẳn với những tin đồn về bệnh người ca sĩ.

NHỮNG NGƯỜI THÍCH DẤU HUYỀN CỦA ĐẶNG TRẦN HUÂN

Những Người Thích Dấu Huyền là một thu tập các bài văn phiếm của tác giả Đặng Trần Huân, một cây bút nổi



tiếng sở trường với thể văn tản mạn dí dỏm, nhưng lại sâu sắc. Những Người Thích Dấu Huyền là cuốn sách thứ 8 của ông, trong có những cuốn bán rất chạy như Chuyện Cầm Đàn Bà I và II, Hải Đảo Thần Tiên, truyện dịch.

Cuốn Những Người Thích Dấu Huyền có những bài sau đây: Huyền Thoại Tự Lực Văn Đoàn, Hai Chữ HO Từ Dấu Mà Có? Những Hạt Sạn Văn Chương, Không Có Xe, Năm Đọc Hồi Ký... trong số nhiều bài khác.

Nhan đề cuốn sách khiến người ta tò mò. Bạn sẽ hết tò mò, một cách thích thú, khi thấy tác giả viết tại sao dân ta hay thêm dấu huyền vào các tiếng nói. Ví dụ: bilingual: bai linh gồ, pizza: pít dà, busy: bí đi, cabbie: kê bô v.v. Ông cũng không ngại khi phải nói sự thật. Trong bài bàn về Huyền Thoại Tự Lực Văn Đoàn, Đặng Trần Huân trích dẫn nhiều tài liệu, để đi đến kết luận chắc chắn thì chỉ có sáu người, là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ và Tú Mỡ. Các trường hợp không rõ ràng có họa sĩ Nguyễn Gia Trí, và nhà văn Đỗ Đức Thu thời tiền chiến. Còn những người khác sau này (ông Đặng Trần Huân có ghi rõ là Nguyễn Thị Vinh và Duy Lam) là tự nhận mà thôi.

Muốn mua sách liên lạc: Đặng Trần Huân, P.O. Box 3022 Industry, CA 91744. Sách bán với giá 10 mỹ kim.

NG. THẠCH KIÊN VÀ DỰ ÁN KHÁI HƯNG

Trong một thư ngỏ vừa phổ biến, nhà văn Nguyễn Thạch Kiên cho biết dự án Khái Hưng của ông, gọi là Kỷ Vật Đầu Tay và Cuối Cùng, là một tuyển tập dày trên 1100 trang, gồm bài viết "của trên 50 văn nghệ sĩ gồm thượng tọa, linh mục, giáo sư, học giả, thân hữu và chiến

NGUYỄN QUAN HÀ

MĂNG ẢNH II

Này hồi thằng kia mày dày mặt dạn,
Mày về xin hàng giặc nước rồi ư!
Mày quên cha anh! Mày quên bè bạn!
Mày quên cả rồi nước mắt Tháng Tư!

Mày đã quên rồi tay con tay bị,
Khánh Hội Phi Trường nhớn nhác cơn mê!
Mày cũng quên luôn Bình Long Quảng Trị,
Năm tháng hiên ngang sanh tử đi về!

Mày nhớ không mày sắn, ngô, nước mắt,
Nuốt xuống cho trôi giữ lấy thân tàn,
Đợi một ngày mai tiếng reo dậy đất,
Góp sức toàn dân đòi lại giang san?

Cô chú anh em nhọc nhằn rên xiết,
Lăn vế roi da, nát mặt gót giày
Cho chúng quang vinh (!) bắt tay tài phiệt
Bóc lột nhân dân. Mày biết không mày?

Thôi thế coi như giờ mày đã chết,
Nhắc nữa trung cang, liêm sỉ, đã thừa.
Vẫy sóng hô quân oanh oanh liệt liệt
Ngẩng mặt cao đầu, đã chuyện ngày xưa.

THƠ ĐEN THƠ VỊNH



THÁI CUỒNG

VIỆT NGỮ HẢI NGOẠI

I. Việt ngữ ngày nay loạn quá rồi!
Hưởng dương mới được chín mươi thôi!
Trung thu Bính nguyệt thường ăn mãi
Phụ mẫu chỉ dân vẫn nhận hoài
Sinh sống, thương buồn nghe đã nản
Nghĩ hưu, khai mở, bóc thêm mùi
Ăn in, cướp đoạt, bóc theo nữa
Vỡ bụng thẳng nghe, bởi quá... cười!

II. Chữ nghĩa ngày nay lắm quá rồi
Văn vần đọc mãi hóa văn xuôi
Chửi chổng, nữ sĩ kêu hồi ký
Nịnh chủ nhà văn phải viết hồi
Đám cưới chia vui đau đớn nhĩ
Một mình tuyên cáo cũng đồng thời
Trời làm một trận lãnh nhắng gớm
Độc giả, người xưa, đã vắng rồi?

III. Xéo phân ngựa Mỹ mặt vênh vang
Vọng ngoại vọng nô vốn một phường
Giả thạo Anh văn chêm giọng ngọng
Vờ quên Việt ngữ đem lời ngang
Theo đuổi mỗi lái tài xoay sở
Học thối con buôn giở lật lường
Ủy / yet / woao / zee thêm kiểu đọc
Àm à như thế... nuốt nhắm xương.

HẾT KHÔN

Mỹ quốc văn minh quá cỡ rồi
Người mang lốt thú nhẩy khơi khơi
Hết khôn, nẩy lăm trò nhắng nhit
Dồn đại, sinh bao chuyện nực cười
Thiếu nữ nằm kênh ồm chó đực
Mẹ giồng động cõn bế đuôi uơi
Tự do phóng túng đám cuồng loạn
Thị dục làm tiêu bản tính người.

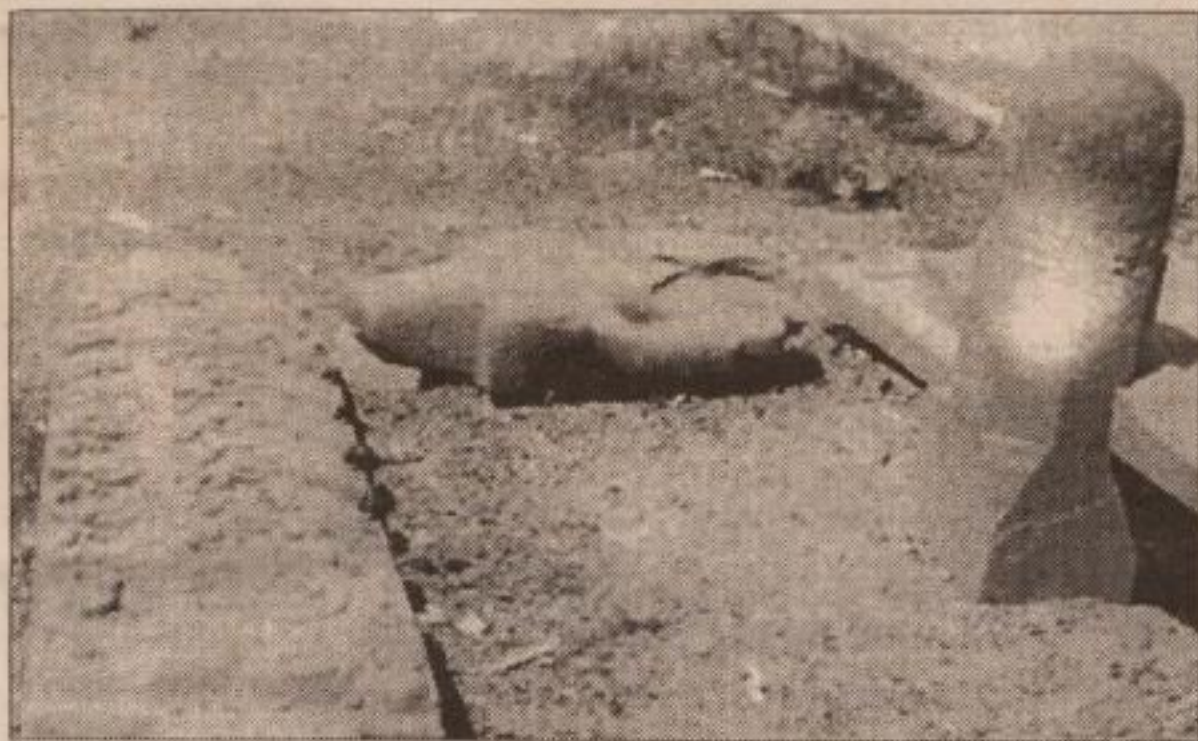
hữu" của Khái Hưng sắp hoàn tất.

Ngoài các bài viết, Tuyển Tập còn in trọn 3 tác phẩm của Khái Hưng là Hồn Bướm Mơ Tiên, Bóng Giai Nhân và Khúc Tiêu Ai Oán, với tranh ảnh của nhiều họa sĩ tên tuổi. Trị giá ấn phẩm lớn lao này là 40 mỹ kim, tuy nhiên nếu đặt mua trước, chỉ có 22 mỹ kim, nếu đặt mua trước ngày 31 tháng 5-98. Ngoài ra ngày phát hành sách sẽ có một dạ tiệc, nếu bạn muốn dự, đóng thêm 13 mỹ kim.

Đây là một công trình cả năm mới biên soạn xong, và ấn phí rất nặng nề, nhất là nhà văn Nguyễn Thạch Kiên không phải là nhà xuất bản chuyên nghiệp, lại có tuổi, ông làm sách là làm một việc văn học, và thương nhớ một chiến hữu, một việc làm chúng tôi rất cảm kích, hy vọng bạn đọc hãy góp một tay với ông.

Thư từ, chi phiếu gửi cho:
Phượng Nguyễn &
Nguyễn Thạch Kiên,
P.O. Box 2311
Westminster, CA. 92684.

Yêu Văn Học
Độc Khởi Hành
Nhiều Tin, Hình
Bà Vỡ Chọn Lọc



Vật tổ Linga-Yoni, di vật của vương quốc Phù Nam (thế kỷ VI-VII) vừa được khai quật tại Cát Tiên, Lâm Đồng.

LINGA-YONI LỚN NHẤT NƯỚC VỪA KHAI QUẬT Ở LÂM ĐỒNG

Tại huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng, do một tình cờ, người ta mới phát hiện nhiều di vật cho thấy đây là một thánh địa của vương quốc Phù Nam.

Năm 1996, người ta tìm thấy 113 lá vàng yếm trong một tháp cổ, nét chạm rất tinh tế. Từ 1985, khi một người dân đào giếng, đã tìm thấy vàng. Nhiều người lập tức đào bới, thấy nhiều vàng, và xung đột với nhau bằng vũ lực, do đó mà chuyện phải đưa lên cửa quan. Cửa quan liền cho lính tới canh giữ, và cho nhân viên khảo cổ tới khai quật.

Hiện nay, nhiều đền, tháp

đã hiện ra. Những đền tháp này được xây trên đồi, đều quay mặt về hướng chính đông. Chính giữa đền đều có thờ vật tổ: bộ sinh dục đàn ông, đàn bà, và đặc biệt, lớn nhất nước, và có thể là lớn nhất hoàn vũ. Chiều cao của dương vật là 2 mét 1, đường kính 70 phân mét.

Nhiều linga bằng vàng, hoặc vàng bịt bạc. Có một linga bằng đá thạch anh, nặng đến 3 kilô rưỡi, độ cứng 8 mohs. Tính chung, phạm vi thánh địa này rộng 15 cây số vuông. Những nơi có di tích là Đức Phổ, Gia Viễn, Phù Mỹ, Quảng Ngãi (tên làng). Người ta tin rằng bên kia

sông, nơi rừng cấm Cát Tiên, còn một trung tâm, có thể là trung tâm hành chính của vương quốc Phù Nam.

Theo giáo sử sử học Trần Quốc Vương, một nhà nghiên cứu di sản dã, thì "Phù Nam đã bị tiêu diệt bởi Chân Lạp khoảng thế kỷ thứ VI hoặc thứ VII." Như vậy những cổ vật và di tích trên đã tồn tại ít ra là 1500 năm nay. Có điều khó hiểu là các di chỉ này có cùng nguồn gốc với các di chỉ Óc Eo ở Nam Bộ. Không hiểu nó lan tỏa tới Lâm Đồng, hay như thế nào, chưa rõ.

MỘT KINH NGHIỆM VỀ TỰ XUẤT BẢN

Tự xuất bản không có nghĩa là làm chơi ăn thiệt, hay tin rằng sách mình hay, để tài hấp dẫn, đương nhiên ăn khách. Nghĩ thế là nghĩ sai và xa sự thực nhất. Đó là kinh nghiệm của ông bà Anne và Jerrold Jenkins, chủ trương hai tạp chí Nhà Xuất Bản Nhỏ và Kỹ Nghệ Xuất Bản. Theo ông bà, tác giả phải tích cực rao hàng cho sách của mình, phải nghiên cứu thị trường và mang nó tới tay độc giả. Tim Smith viết một cuốn sách về nghệ thuật câu cá dạy trẻ em. Hai năm đầu bán không bao nhiêu. Ông nghĩ ra cách mang sách mình tới các cây xăng, hay các tiệm dân di nghỉ mát phải vào mua xắm các thứ đi cắm trại: sau 4 tháng ông bán được hơn 40.000 cuốn.



**Kiểu Áo Bơi
 SAIGON 98**

Người mẫu trong tấm hình này đang trình diễn một kiểu áo bơi Lan Hanh, 1998, là cửa tiệm nổi tiếng chuyên sản xuất các mẫu áo bơi ở Sài Gòn hiện nay. Chất liệu là vải bóng và bông, có đến 4 chiều. Các cô ưa vải bông, vì khi gặp nước, loại vải này bó sát thân thể hơn. Giá từ 58 đến 178.000 một chiếc (một mỹ kim tương đương 13.000 đồng V.N.).

**PHÁP TỔ CHỨC
 TRIỂN LÃM HỘI HỌA
 V. N. THẾ KỶ XX**

Nhân Ngày Quốc Tế Pháp Ngữ, chính phủ Pháp tổ chức một cuộc triển lãm hội họa Việt Nam quy mô nhất từ trước tới nay với hơn 130 tác phẩm giá trị. Cuộc triển lãm mang tên "Paris-Hà Nội-Sài Gòn: Cuộc phiêu lưu của hội họa hiện đại Việt Nam" đã được khai mạc vào tối thứ Năm 19-3-1998.

Ngay từ giờ mở cửa, khách thưởng lãm đã phải xếp hàng chờ đợi và chen chúc nhau trong khắp các gian hàng triển lãm. Đây là lần đầu tiên Paris có một cuộc triển lãm quy mô về nghệ thuật hội họa Việt Nam. Quy mô không những về sự lựa chọn các tên tuổi mà còn về cả những tác phẩm tiêu biểu của họa sĩ.

Cuộc triển lãm đặt dưới bối cảnh trình bày hành trình lịch sử hội họa hiện đại Việt Nam, khởi điểm từ khi thành lập Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương (1925) cho đến ngày nay. Hành trình này được chia làm 3 thời kỳ:

(1) Thời kỳ Đông Dương, 1925-1945, với tác phẩm của những bậc thầy như Victor Tardieu (Giám Đốc sáng lập từ 1925 đến 1937), De Joncherre (Giám Đốc kế tiếp từ 1938 đến 1944), và các giáo sư như Jopseph Incomberty, Nam Sơn, Alex Aimé, v.v. đến thế hệ họa sĩ đầu tiên của Việt Nam như Nguyễn Văn Khánh, Lê Phổ,

Nguyễn Cao Đàm, Mai Thứ, Trần Văn Cẩn, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Tạ Tỵ, Hoàng Tích Chù.

(2) Thời kỳ chiến tranh từ 1946 đến 1975 với Bùi Xuân Phái, Vương Bích Liên, Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Trần Trung Tín, v.v.

(3) Thời kỳ đổi mới từ 1988 đến 1998 với Trần Lương, Trương Tân, Đinh Nghi Nghi thuộc thế hệ trẻ, và một vài họa sĩ thuộc thế hệ trung niên như Nguyễn Trung, Ngô Quang Em.

Tổng cộng khoảng 130 tác phẩm vẽ tại Việt Nam trong vòng 70 năm nay. Phần lớn những tác phẩm triển lãm đều thuộc những sưu tập tư nhân và có những bức lần đầu tiên được trưng bày cho quần chúng hội họa Paris như bức tranh sơn mài hoành tráng "Những Cô Tiên" của họa sĩ Nguyễn Gia Trí, tiêu biểu tài năng và nghệ thuật của một trong những họa sĩ tài ba nhất của Việt Nam trong thế kỷ này. (Tin Thụy Khuê, RFI, 20-3-1998).

**KỸ NGHỆ XUẤT BẢN
 HOA KỶ VĂN
 LỚN MẠNH**

Nhân vụ công ty xuất bản Đức Bertelsmann mua lại công ty Random House, một nhà xuất bản lớn của Mỹ, người ta mới được biết những con số vĩ đại về thương vụ sách ở Bắc Mỹ.

Thương vụ hàng năm của các công ty xuất bản này như

sau, theo tờ New York Times số ra ngày 24-3-98, tính bằng đơn vị tỷ mỹ kim:

- Simon & Schuster: \$2.3
- Thompson Corp.: \$1.5
- McGraw-Hill: \$1.3
- Random House: \$1.3
- Pearson: \$1.2
- Time Warner: \$1.1
- Harcourt General: \$1.1
- Bertelsmann: \$1.0

Nay, sau khi mua Random House, thương vụ của nhóm sau cùng này sẽ là \$2.3, tức là lên ngang với vô địch Simon & Schuster.



**KẾT QUẢ
 OSCAR 98**

Trong khung cảnh huy hoàng tráng lệ của Giải Oscar năm thứ 70, từ quan khách tới tài tử và khán giả, năm nay người ta chờ đợi rất nhiều ở cuốn phim được mệnh danh là Gone With The Wind (Cuốn Theo Chiều Gió) của thập niên '90. Gone With The Wind không những đoạt nhiều giải Oscar mà còn được nói đến, được yêu mến nhất, phổ thông nhất một thời. Titanic cũng được dự đoán như vậy. Và kết quả đã đúng như vậy.

Titanic được trao giải phim hay nhất trong năm, và James Cameron, đạo diễn Titanic, cũng đoạt giải đạo diễn xuất sắc nhất. Ông là người đã làm cuốn phim tốn tiền nhất lịch sử điện ảnh, cuốn phim cũng mang về số tiền lớn nhất từ trước tới nay, trên 500 triệu chỉ ở Mỹ, hiện đứng đầu 10 phim thu nhiều tiền nhất thế giới, dù mới chiếu có 14 tuần lễ.

Cuốn phim còn đoạt các đoạt giải sau đây, trong tổng cộng 11 giải: Thời trang đẹp nhất cho Deborah L. Scott; âm thanh hoàn hảo nhất cho Gary Summers và Mark Ulatamo; hiệu ứng hình ảnh hay nhất cho Robert Legato, Mark Lasoff, Thomas L. Fisher và Kanfer; hiệu ứng âm thanh hay nhất cho Tom Bellfort và Christopher Boyes; bản nhạc hay nhất cho James Horner và Will Jennings (My Heart Will Go On); hoà âm hay nhất cho James Horner; ráp nối hình ảnh hay nhất cho Richard Harris; Chỉ đạo nghệ thuật hay nhất cho Peter Lamont và Michael Fort; giải thu hình trao cho Russell Carpenter

VŨ ĐOÀN PARIS BY NIGHT VÀ VIDEO "ĐÀN BÀ"

Đàn Bà là chủ đề của băng hình video số 43 của Trung tâm Thúy Nga, một đại nhạc hội do Nguyễn Ngọc Ngạn và Nguyễn Cao Kỳ Duyên điều khiển, với các ca sĩ Ái Vân, Như Quỳnh, Lưu Bích, Thanh Lan, Hương Lan, Don Ho, Thế Sơn, ban nhạc M.F.L. và Vũ đoàn Paris By Night. Hình : một cảnh trong băng với Linda Trang Đài. Liên lạc: P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683. Tel: (714) 893-2860.



thời sự văn nghệ

HỒ TÙNG NGHIỆP phụ trách



Đạo diễn James Cameron

Sau đây là các giải khác:

—Nữ diễn viên xuất sắc nhất: Helen Hunt trong phim As Good As It Gets.

—Nam tài tử xuất sắc nhất: Jack Nicholson trong As Good As It Gets.

—Nữ diễn viên xuất sắc nhất trong vai trò phụ: Kim Basinger (L.A. Confidential).

—Nam tài tử xuất sắc nhất, vai trò phụ: Robin Williams trong phim Good Will Hunting.

—Phim Hoạt Họa ngắn: Geri's Game của Jan Pinkava.

—Phim tài liệu ngắn: A Story of Healing cho Dona Dewey và Carol Pasternak (một phim về đoàn y sĩ thiện nguyện ở An Giang, Việt Nam).

Một cảnh tại An Giang trong phim đoạt Oscar



—Phim hoạt động ngắn: Visas and Virtue.

—Hóa trang tài tình: Men In Black.

—Giải Danh Dự: Đạo diễn Stanley Donen.

—Giải Kỹ thuật khoa học: Don Iwerks.

—Giải phân cảnh truyện phim: Brian Helgeland và Curtis Hanson của L.A. Confidential.

—Giải Truyện phim nguyên bản: Ben Affleck và Matt Damon với phim Good Will Hunting.

—Một trong những giải quan trọng dành cho phim ngoại quốc đã được trao cho Hòa Lan với phim The Character.

Chương trình Oscar năm thứ 70 khởi sự lúc 6 giờ chiều tại Đại hội viện Shrine Auditorium ở Los Angeles và chấm dứt lúc 9 giờ 42 phút.

TONI MORRISON: KHÔNG CÓ THIÊN ĐƯỜNG ĐEN

Thế là sau 4 năm im hơi lặng tiếng kể từ khi được trao giải Nobel văn chương vào năm 1993, nữ văn sĩ người Mỹ da đen Toni Morrison đã trở lại với độc giả bằng cuốn tiểu thuyết mới nhất — Paradise (Thiên Đường) 320 trang do nhà xuất bản Knopf ấn hành. Cho ra đời một tác phẩm sau khi nhận được một vinh quang lớn nhất trong đời cầm bút quả là một việc không phải dễ dàng. Càng đáng khâm phục khi Paradise cũng theo chủ đề mà bà đã khai thác ngay từ cuốn tiểu thuyết đầu tay "Con Mất Xanh Nhất" (1970) và liên tiếp trong nhiều cuốn tiểu thuyết sau đó: Sula (1973), Chú Bé Hắc Ấn (1981), Dứa Con Yêu Dấu (1987) Jazz (1992) là những vấn đề của người Mỹ da đen trong một xã hội đa chủng tộc - một chủ đề mà theo các nhà phê bình đánh giá là "vô cùng tế nhị" và "hết sức khó nuốt".

Thực vậy công việc tìm lại cội nguồn, phát hiện lại những nỗi đau đớn, ô nhục của người da đen, lý giải những nguyên nhân khiến người da đen bị nhấn chìm trong lửa, máu và nước mắt... là một nỗi đam mê khôn cùng của Toni Morrison. Bằng một giọng văn buồn buồn, êm đềm như tiếng suối chảy nhưng chất chứa một đại dương bão tố là nghệ thuật cầm bút của nhà văn nữ da đen này. Hình như Toni Morrison luôn ám ảnh bởi hình ảnh của một vườn địa đàng đang bị mất dần do bị những con người với lòng hận thù làm ô uế.

Nếu trong Dứa Con Yêu Dấu (Beloved) - tác phẩm đã làm đảo lộn nước Mỹ - một bà mẹ tự tay giết chết con để đứa bé này thoát đời nô lệ và khát niệm "home, Sweet home"

(ngôi nhà êm ấm) đối với người Mỹ da đen đã không còn, hay như trong Jazz, Toni Morrison đã viết về một cộng đồng da đen thuần túy sống trong khu Harlem thập niên 1920 nhưng lòng hận thù và ghen tuông đã khiến những người một thời yêu thương nhau phải ly tán và sống trong nỗi hối hận dày vò, thì giờ

đây với Thiên Đường, tác giả đã tiếp tục đề cập chủ đề không hề có một "thiên đường dưới đất" cho những con người không phải là người da trắng.

"Thiên đường ảo tưởng" ở đây là thị trấn Ruby nhỏ bé tại bang Oklahoma vào thập niên 1970.

VĂN BÚT QUỐC TẾ KHÔNG THỪA NHẬN KẾT QUẢ ĐẠI HỘI 3-98 Ở VIRGINIA

Trong văn thư đề ngày 30 -3-1998 gửi Bà Minh Đức Hoài Trinh về Hộp thư 6203, Falls Church, Virginia (bà Trinh hiện ở Calif.) - bản sao gửi cho ký giả Đặng Văn Nhâm, chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại- TTK Văn Bút Quốc Tế Alexandre Bloch cho biết Đại Hội họp hôm 22-3-98 tại vùng Virginia "không phải là giải pháp" và cũng "không thỏa mãn các điều kiện mà Đại hội đồng Văn Bút Quốc Tế Edinburgh đã đặt ra" cho VBVNH. Đại hội ở Virginia đã bầu bà MDHT làm chủ tịch. Cả tháng trước ngày Đại hội, Ông A. Bloch đã gửi thư cho biết sẽ không thừa nhận, song nhà văn Đoàn Quốc Sỹ, chủ tịch Hội đồng Nhân sĩ (không nói rõ thuộc địa phương nào), vẫn gửi thư mời đi, và vẫn tới giám sát Đại hội. Trong thư ngày 30-3, ông TTK Văn Bút Quốc Tế nhấn mạnh chỉ khi nào đại diện của phía bà Minh Đức thỏa thuận được với đại diện của Ban Chấp Hành Đặng Văn Nhâm, lúc ấy VBVNH mới có thể được mời tham dự Đại Hội Văn Bút Thế Giới ở Helsinki vào cuối năm nay. ■Nhiều "nhân sĩ" như nhà thơ Hà Thượng Nhân, Nguyễn Chí Thiện được mời đã không tới dự. Chủ tịch trung tâm Văn Bút Miền Đông, ở ngay Virginia, cũng không đi dự. Ông Alexandre Bloch còn gửi kèm một đề nghị do nhà thơ Trang Châu, chủ tịch Văn bút Quebec viết. Chưa rõ nội dung.



MORALITY TALE: Director Lyne, left, offers a version with Swain and Irons, above, that is more faithful to the Nabokov novel than Kubrick's film, which starred Lyon and Mason, right

PHIM LOLITA Ở MẠC TƯ KHOA: ĐẠO ĐỨC ĐÃ ĐỔI VAI ?

Hãy xem thế giới đổi thay như thế nào, xét qua trường hợp phim Lolita, cuốn phim phỏng theo tác phẩm cùng tên của nhà văn Vladimir Nabokov, về mối tình của một nhà giáo trên 50 tuổi với cô bé 12 tuổi, mà cái tên đã trở thành một danh từ chung. Phim hiện đang chiếu tại Mạc Tư Khoa, song lại chưa tìm ra nhà phân phối tại Hoa Kỳ. Điều này có giá trị như đạo đức đã đổi vai, hay Hoa Kỳ ngày nay đáng kính hơn Nga về phương diện xã hội? Chắc là không phải như vậy. Cái khó khăn đến từ các nhóm chống đối: ở Mỹ, các nhóm chống đối tổ chức chặt chẽ hơn, các vụ kiện tụng đòi bồi thường nhiều hơn, trong khi ở Nga, vô trật tự hơn. Hình : Dominique Swain (Lolita) và Jeremy Iron (Humbert Humbert). Phía dưới bên trái là đạo diễn Adrian Lyne người làm Lolita hiện nay và một cảnh Lolita 1962 do Stanley Kubrik làm với Sue Lyon và James Mason.



Hình ngã ba sông Nhà Bè

HOÀNG NGỌC HIỂN

NGÃ BA SÔNG NHÀ BÈ

Tôi qua ngã ba sông Nhà Bè
 Một tối mùa khô
 Phố mới lên đèn
 Đèn đối đèn...
 Thuyền nổi thuyền...
 Cả một vùng sông nước sáng lên
 Cả một vùng sông nước bừng lên
 Tôi nghe vọng về đây
 Tiếng ai hò thuở trước:
 "Nhà Bè nước chảy chia hai
 Ai về Gia Định Đồng Nai thì về..."

Thì ra... đây là Phù gia Tam giang khẩu?
 Thì ra... đây là ngã ba sông Nhà Bè?
 Ngày xưa, trên bến này đây
 Nhà phú hộ Thủ Hườn
 Kết tre làm bè
 Dựng nhà trên bè
 Giúp khách đi sông

Ngày nay, còn lại gì đây?
 Nhà phú hộ Thủ Hườn
 Với nhà bè trên sông
 Đã đi về đâu tá
 Cùng với khách đi sông?
 Mới có bao năm
 Mà tên sông Cam Thủy đã phai mờ?
 Mới có bao năm
 Mà tên sông Đạm Thủy đã xoá đi?
 Mới có bao năm
 Mà Bến Nghé đã không còn vết cũ?
 Ôi cảnh cũ, người xưa không còn nữa
 Không còn lại gì sau một thế kỷ thôi!

Ôi tôi qua ngã ba sông Nhà Bè
 Đâu có phải để khóc than, thương cảm
 Mà tự nhiên lòng bỗng dựng thành sầu?
 Tôi chỉ ghé qua đây
 Trong một cuộc hành trình
 Trong một lúc vô tình
 Thấy đèn sáng, thuyền nhiều, sông rộng
 Mà dừng chân ngắm cảnh ngắm người...
 Ôi một phút nhớ thương về dĩ vãng
 Bao nhiêu người muôn năm cũ
 Đã về đâu?

Ôi một phút nhìn ra sông rộng
 Mà ngỡ như có bóng dáng những nhà bè?

Ôi có phải khách xưa lỡ đường
 Thiếu gạo, thiếu cơm
 Thiếu điều thuốc, thiếu nụ cười
 Ngồi trên bè xuôi về đâu
 Mà dòng sông thì mênh mông
 Mà đêm trên dòng sông thì mênh mông
 hơn...

Và nhà bè thì lênh đênh
 Giữa trăng sao trời nước
 Ôi người xưa như thế ấy
 Cũng qua một đời người...
 Mà người xưa như thế ấy
 Mới để lại cho ta câu hò tình tứ:
 "Nhà Bè nước chảy chia hai
 Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về"

Cò lái dò dàu?
 Cho tôi về Đồng Nai với
 Có phải xưa kia Đồng Nai là Cam Thủy?
 Tôi muốn đi về Cam Thủy
 Xem một dòng sông con nước lớn
 Từ một ngã ba gặp gỡ
 Bằng Nhà Bè trên sông ấy mênh mông...

Đâu cò lái dò dàu?
 Tôi hoài nhớ hay là tôi hoài niệm
 Những tích xưa thơ mộng đó làm gì?
 Xin nhớ ơn ông Thủ Hườn nhân nghĩa
 Đã một thời nhân nghĩa với nghĩa nhân
 Đứng với quên...những nhà bè thuở ấy
 Những con người
 và những nhánh sông xưa!
 Họ đã dệt nên câu hò trác tuyệt
 Cho cuộc đời gian khổ biến thành thơ!

Họ đã dệt nên bản tình ca dân tộc
 Cho ba giòng hội ngộ ở Nhà Bè!

Chỉ một lần
 Tôi qua ngã ba sông Nhà Bè
 Mà như tôi đã sống trên bè
 với khách đi sông!
 Và như tôi đã được tỏ bày
 Lòng ngưỡng vọng ông Thủ Hườn
 ngày trước!
 Đêm ở ngã ba sông Nhà Bè
 Vẫn còn đây trăng sao trên trời dưới nước
 Và dòng sông rất đổi mênh mông
 Vẫn thơ mộng như câu hò tình tứ ấy...

NGUYỄN THANH CHÂU

HOẠT CẢNH SAU ĐÊM RA ĐI

Riêng tặng anh TTY sau lần
 vượt biên cuối năm 1988

Kể từ đêm ấy đêm không trăng
 căn nhà xưa tuyệt tích một người thân
 có lẽ ra đi không trở lại
 thêm lạnh mặc tình bông mận rơi
 tưởng còn nghe sóng ì ầm dàu đó
 mười năm lay lắt cõi đời tàn...

Kể từ đêm ấy đêm không trăng
 cánh cửa mục khép hờ rệu rã
 xó bếp lạnh tanh những bụi nhang tàn
 con chó nằm đau thềm hơi chủ
 ngoài hiên gió rợn những tiếng rên
 âm âm nổi nhớ...

Kể từ đêm ấy đêm không trăng
 con đường xa trải nặng mặt bằng
 người khách quen chẳng còn lai vãng
 biết chừng đâu gởi chút hơi tàn
 sau chấn song lạnh tràn cơn bão rớt
 ký ức treo ngành những trái hư
 chấp chùng cảnh mộ...

Kể từ đêm ấy đêm không trăng
 nàng sương phụ thôi không cầu nguyện
 thần thờ rồi bỏ chiếc giường không
 chân bước vô tình vào quán bệnh
 giữa một trường sinh kiếp mang mang
 ngầy ngật lữ đông say chuếnh choáng
 diễn mãi trò ngông...
 sóng rượu tràn bờ ly sóng sánh
 mảnh trăng khô vỡ vụn mặt người...

Kể từ đêm ấy đêm không trăng
 nàng sương phụ đáng buồn như tượng
 dăm dăm cội nào những hố mắt sâu
 tiếng cười như băng chột thẳng thốt
 tay vờn chân huyệt bước lao đao
 canh tà hiu hắt mờ hư ảnh
 người đâu? người đâu?...



VƯƠNG ĐỨC LÊ

CHÚT BỀ BÀNG

Giấc mộng thanh xuân đã ố vàng,
 Ta ngồi gập nhặt mảnh hồn tan,
 Thấy em nhuộm tóc bên bàn phấn
 Từng sợi sương pha chút bề bàng!

BÓNG CHIM TÂM CÁ

Một mình thao thức suốt canh thâu
 Biết sẽ cùng ai một gối sầu?
 Cá biệt tâm rồi, chim khuất bóng
 May còn tiếng guốc gõ đêm sâu!

NỖI NHỚ

ký giả LÔ RĂNG

Tay

Trong những năm tù cải tạo ngoài Bắc ấn tượng nào sâu đậm nhất còn ghi lại nơi anh? Đối với tôi đó là cái đói. Đói ngày, đói đêm, đói triền miên, đói mờ mịt cần khôn, đói trơ xương lộ dít. Bấy năm trời đi gần khắp các trại miền Bắc, tôi nhận thấy không phải tù đói mà thôi, trừ một số rất ít cán bộ, đảng viên ra, cả bàn dân thiên hạ ngoài Bắc này đều đói hết. Đói đến nỗi có đám cưới đám hỏi, ai được mời cũng phải đem suất gạo của mình đến góp cơm. Đến trại Thanh Phong này một hôm đi ra ruộng thấy trên mộ người chết có bát cơm, quả trứng cứng mở cửa mả cho người nằm xuống, tôi cà rà lẫn lộn thì mới hay đó là bát cơm quả trứng bằng "xi măng", sơn trắng - đồ standard của thôn bản làm sẵn phục vụ cho tang gia. Mấy tên tù hình sự ngoài Bắc thấy tình trạng "tưởng bở" của tôi như vậy cứ tay che miệng mà cười rúc rích.

Đầu năm 1981, "nhà nước ta" đã khoan hồng cho phép gia đình tù nhân gửi quà mỗi 3 tháng 1 lần từ 3 ký lên 5 ký. Chỉ những cải tạo viên nào "lao động, học tập tốt" thì mới nhận được phiếu quà. Anh nào thuộc hạng A vượt chỉ tiêu được 2 phiếu, hạng B trung bình 1 phiếu, hạng C yếu kém bị cắt phiếu quà. Cơm (hay cái gọi là cơm như sắn, ngô, khoai), cũng có 3 hạng; hạng A ăn 15 ký/tháng, hạng B 12 ký, hạng C có 9 ký. Ăn uống như vậy nên có một việc hết sức nhàn nhả; đó là việc rửa chén. Có cái gì mà rửa rửa dầu. Có tí khoai tí ngô tí sắn thì không cần phải học "Vệ sinh giáo khoa thư" ai cũng nhai thật kỹ, nhai từ vỏ cho đến lõi, vét sạch như lau như li cho nên cái chén, cái đĩa hay cái gỗ sạch bóng việc gì mà phải rửa. Hoặc có rửa cũng chỉ tráng qua một tí nước cho phải đạo mà thôi. Một việc nữa cũng tỏ ra thừa thãi. Cái việc xĩa răng. Đồ toàn là đồ bột, lại nhai quá kỹ, quá cẩn thận nên không còn cái gì nó vướng mắc vào răng được. Người ta cần xĩa răng vì ăn cá, ăn thịt, ăn rau có nhiều xơ (fibre) nên mới mắc răng. Bây giờ có tí chất bột, nhai nhuyễn như chưa tới cổ đã trôi phăng ngay vào dạ dày. Ăn uống, nhai nuốt đúng phép "ăn rồi mà như chưa ăn" cái miệng cứ chóp chép hoài như thạch sùng nên có còn lại cái vụn sắn, ngô, khoai nào trong miệng nó cũng cứ bị hút luôn vô bao tử. Chả cần phải xĩa răng làm gì. Nhưng mà trước khi vào buồng khóa trái cửa, quàng xích sắt, cài then ngang bằng sắt để cho tù vào ăn, ngủ, la, dãi trong đó suốt đêm, tù có khoảng 20 phút tản bộ trong sân. Ai cũng theo thói quen ngậm tằm, xĩa răng. Ngậm tằm cho đẹp thôi, có còn gì trong kẻ răng nữa đâu mà xĩa.



Một người lính già di tản. Pacific Daily News, Guam, 14-5-1975.

Chiều chiều, tôi thường ra đầu lán ngoi mông ra rững, ra suối, mà kiếm một chút thiên nhiên. Có một cái cây đổ ở đó. Ngồi trên thân cây, tay vơ mấy cọng cỏ "mần trâu" mọc loạn xạ ở chung quanh làm cái tằm xĩa răng. Vừa xĩa vừa mút đầu ngọn cỏ, như một phản xạ. Cỏ "mần trâu" là thứ cỏ có cọng cứng và cao, trên đầu ngọn có hoa cỏ chia ra 3 nhánh, mọc từng gié. Vì cọng cỏ hơi cứng nên làm tằm tằm xĩa răng cũng được. Nhưng vì mút đầu ngọn cỏ hoài nên tôi nhận ra cái phản trắng trắng, non non ở dưới nó có phảng phất một chút vị ngọt... Vị ngọt mơ hồ như sương như khói... nhưng nó đáp ứng phần nào cái khô hạn của thân thể tôi đang thiếu chất đường. Vì vậy nên tôi không phải là xĩa răng bằng cọng cỏ nữa, mà cứ vơ, cứ bắt, cứ nhắm nháp cái phần đầu của cọng cỏ non. Bạn tôi, Mai Thảo trước đây có viết một cuốn truyện mà tôi rất thích THẮNG GIỀNG CỎ NON. Ở đây rừng xanh núi biếc, không phải thắng giềng, lúc nào cỏ cũng mọc đầy. Vừa vơ hết khóm cỏ này, khóm cỏ kia đã tiếp tục mọc lên. Cái gì cũng thiếu ở đây, riêng cỏ là không thiếu.

Tôi có một người em nó kịp đi tản hôm 29 tháng 4.75 nên bây giờ nó đang ở Mỹ. Thương tôi bị tù đầy gian khổ, nó viết thư về bảo anh có cần em gửi thư gì về không? Mình đói triền miên, mờ mịt nhưng đầu dám nói là đói. Viết thư về nhà (thư trước khi gửi phải trình cán bộ quản giáo đọc trước) nếu than là đói là thư ấy chắc chắn không được gửi đi, mà sau đó còn phải "lên làm việc". Tôi phải nói xa xa là "anh đạo này bao tử hơi yếu, bị nó hành hoài em có cách nào làm yên được cái dạ dày không?" Thằng em tôi xưa nay học hành cũng được coi là sáng dạ mà sao lần này nó tối dạ quá thể. Nó lại gửi về cho tôi thuốc đau bao tử chính cống bà lang Trọc... của Pháp.

Chiều chiều cứ nhắm nhắm, nhai nhai hoài cọng cỏ non, tôi trở thành quen. Có lúc đói quá trong đêm, ợ lên thấy trong miệng có mùi cỏ... Tôi ở trong rừng, nghe nói bên Mỹ bây giờ vẫn minh tiến bộ lắm, nhất là về y khoa. Cơ phận trong người, hông cái nào thay cái này. Ở ngoài tiệm có bán cơ phận người ta lên khên, muốn mua thử gì cũng có. Tôi mới nảy ra ý kiến là bảo thằng em tôi mua gửi về cho tôi một cái bao tử loại "nhai lại" kiểu trâu bò. Có cái bao tử ấy lắp vô thay cái bao tử người của mình, thế là khỏe. Có ở đây thiếu gì, chạp đây một dạ dày rồi tối về, như bây giờ, ợ ra "nhai lại".



Vì dối quá cho nên anh tù nào cũng mong ngóng ngày quà về. Những gói quà mang sức sống và mang cả tình thương của gia đình gửi đến. Phải cảm ơn những gói quà kia cũng như người gửi biết chừng nào. Nhưng "Trời làm một trận làng nhàng..." cho nên có anh mong quà dài người mà càng mong càng mất. Thư từ cũng biệt tăm luôn. Đừng có hỏi. Có thương bạn thật tình thì tặng cục đường, cái kẹo. Đừng có động đến nỗi thương tâm không nói ra được của anh ta. Vợ anh ta như thế là đã "ôm con bước sang thuyền khác".

Tôi, may quá thuộc loại vẫn còn nhận được quà. "Mẹ cháu" ở miền Nam xa xôi, vẫn còn nhớ đến. Chưa bao giờ lại "nhớ vợ thương con" như lúc này. Cảm ơn Trời Phật, tôi vẫn còn vợ, vẫn còn con. Mấy chục năm nay, tôi có làm thơ làm văn gì nữa đâu. Ngày trước lúc còn trai trẻ cũng có làm đôi ba bài "chim gỏi". Nhưng bỏ lâu rồi. Bây giờ thì bắt buộc phải làm vội một bài gọi là ghi ơn vợ ở nhà. Tôi thường nhật ở tòa soạn trước đây, vẫn thường nói với Hà Thượng Nhân rằng "ngoài cha mẹ ta, người ta phải ghi nhớ công ơn nhất chính là vợ ta". Hà Thượng Nhân gật đầu đồng ý.

Sau một cơn sốt rét rung giường chuyển chiếu rồi sốt nóng li bì, thức dậy trong đêm, tôi viết bài Nhớ gửi cho mẹ cháu

NỖI NHỚ

Có nghĩa gì chia xa
Có nghĩa gì cách trở
Anh sống bằng tình xưa
Anh sống bằng nỗi nhớ

Anh nhớ em buổi sáng
Anh nhớ em buổi trưa
Nhớ em khi trời nắng
Nhớ em khi trời mưa
Nhớ em trong giấc ngủ
Thấy em đây trong mơ
Nhớ em đêm thức giấc
Từ quy hót rừng xa
Nhớ em trong cơn sốt
Gọi tên em bất ngờ.

Nhớ gay gắt mùa Hạ
Nhớ âm trầm mùa Thu
Nhớ se lạnh mùa Đông
Nhớ nồng nàn Xuân qua

Nỗi nhớ như cỏ mọc
Đầy đồi xanh núi xa
Nỗi nhớ là lương thực
Nuôi anh sống trong tù. ■

CUNG TRẦM TƯỚNG

BÓNG MẸ CHIỀU THU

Mẹ gầy guộc đến thăm con hấp tấp
Quả gánh về, chiều sập ở non Tây
Mưa gió quất lưng tre cong phần phật
Bóng mẹ lẩn lẩn khuất giữa mù mây

Đất lầy lội, đường quê trơn khắp khếnh
Mẹ long dong lặn dạn dáng lưng gù
Mảnh trời xám kềm gai rào bầu nát
Mẹ đi rồi, sao xác cả trời thu

Mẹ là mẹ chú em nào hình sự
Dáng lưng gù làm nhớ đến mẹ tôi
Mẹ nẻo xa, mưa nắng ất bồi hồi
Ai đỡ mẹ đi nghiêng sầu goá bụa

Mưa gió quất lưng tre càng vất vả
Vóc mai kia na ná nét hao mòn
Của mẹ ruột quần đau cho tiếng khóc
Đến cuối đời lại chong bóng chờ con

Con của mẹ giờ nằm trong ngực thất
Vận nước nghèo lại gặp phải thời xui
Bao thanh xuân hảo vọng bị chôn vùi
Đồng lúa mới chết non từng nhánh mạ

Trời Nam ấy, huyền rơi vàng mấy lá
Chiều nơi đây, trời giá phủ sương đầy
Xin thử hỏi lòng con như tắc cổ
Sao báo đến tình mẹ ngắt tòi mây

Con xin hứa, lại một lần nữa hứa
Nợ đời sẽ trả trọn nay mai
Đỡ mẹ đi thư thái nốt đường dài
Để có một lần vì con mẹ ngẩng mặt

NGUYỄN QUAN HÀ

KHÚC CA TRUY NIỆM

Ôi những người xưa đã từng vang bóng,
Nam Bắc tung hoành trời đất dọc ngang,
Thần chiến sĩ cát Trường Sơn Đông Hải,
Áo chinh nhân bùn Đồng Tháp
Hậu Giang!

Ôi những ngày xưa tung mây lướt gió,
Mặt Thái Bình Dương cười sóng dề Kinh,
Lửa Cổ Thành đốt tan mây giặc nước,
Biên giới Hạ Lào nát gót trường chinh!

Cờ chánh nghĩa từng dương cao
bách thắng,
Túi kinh luân mở khép cuộc hơn thua,
Đạp nước phá thành oai hùng lẫm liệt
Sức thù nào ngăn nổi bước chân đi!

Vận nước hời ôi, cơ trời tuần mật,
Hân mã công lao uống sức vẫy vùng,
Thần vô địch đang tuyển đầu phá giặc
Chợt bàng hoàng đao bạn chém sau lưng!

Người đầu chết khôn cười nơi chín suối,
Sức xô thành bạt núi cũng eo tay,
Nỗi uất hận nuốt sâu vào tim phổi,
Nước Cửu Long khôn rửa xót xa này!

Đau đớn nhẽ không thua mà bại trận
Hùm thiêng kia móng nhọn tước đi rồi
Mắt đã khoét chân đã vòng xiềng xích
Đành cho bấy dề chó đẻ người thôi!

Nhưng bóng dáng của Trường Sơn
vẫn thấp,
Chiến công người Đồng Hải
cũng chưa sâu.
Ôi những anh hùng sa cơ ngã ngựa,
Biển mực nào nói hết nỗi thương đau!

TỰ SỰ

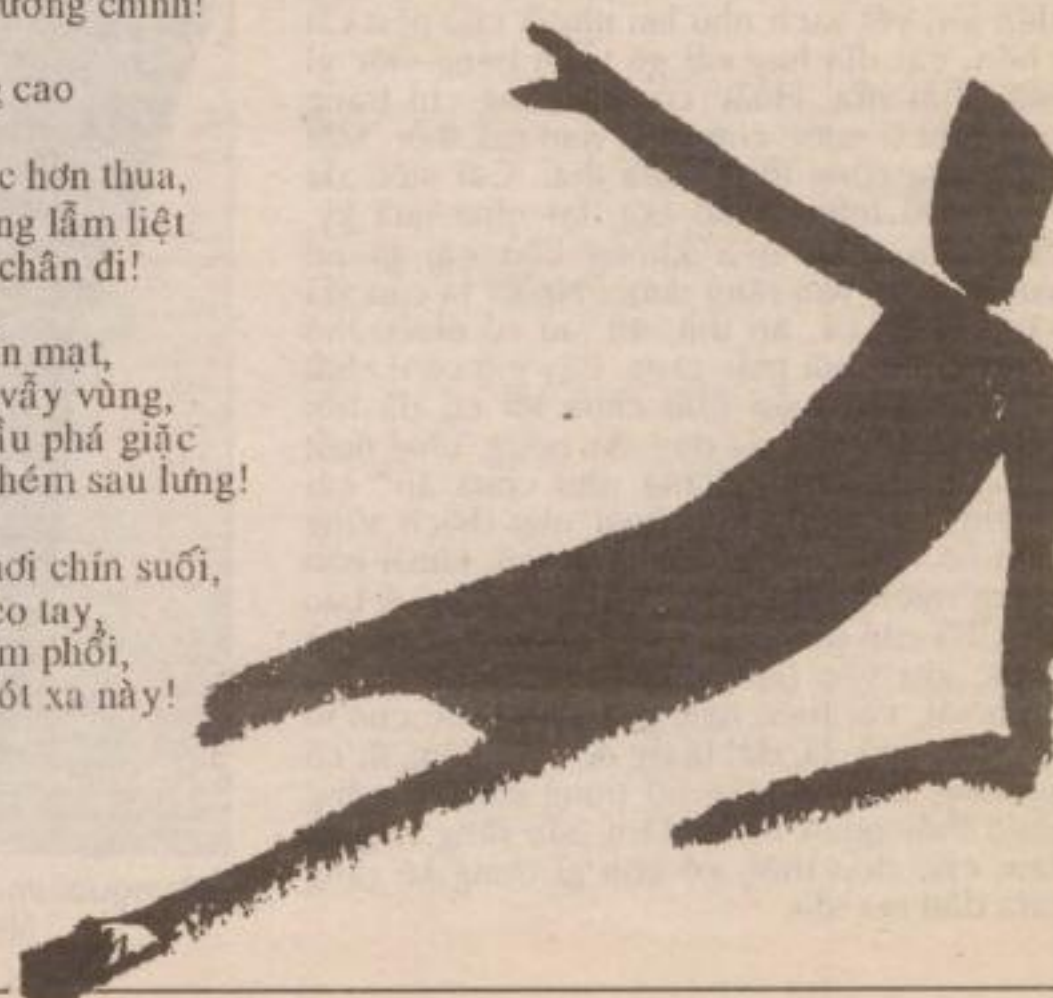
Hai mươi mốt tuổi lên đường
Như chơi mái tóc bạc sương bao giờ
Rắp phong kiếm lui về quy ẩn
Ruộng vườn xưa thơ thần tiêu dao
Bỏ khi đạn thét lửa gào

Tên xung pháo đội ra vào tử sinh
Dấu khiêm nhượng nghiệp danh đã đủ
Thôi công hầu áo rũ đai treo
Ham chi ngày tháng hiểm nghèo
Đứng lên nữa kiếp tiêu vèo như không!

Cuối mùa Xuân chợt bùng bão tố
Chợt đau lòng thành vỡ quân tan
Núi cao xác đồng thân hàng
Sông sâu máu đỏ trộn vàng nước xanh
Ban Mê Thuật Quảng Thành Xuân Lộc
Nỗi đau này thịt lóc xương pha
Bỗng đứng mất nước tan nhà
Anh hùng tử sĩ thoát là hư không

Gà eo óc kèn đồng vang vọng
Thấy ráng chiều tường bóng cờ xưa
Hỡi ơi gìn cõi giữ bờ
Bắc xung tây đột bấy giờ uống công!
Bằng hữu kẻ chim lồng cá chậu
Sốt tháng ngày ruột nấu gan sôi
Người đành tuần quốc quên đời
Lòng trung nửa mảnh trăng trời treo cao

Hồn nước cũ mưa gào gió thét
Đời lê dân khôn xiết lắm than
Tỉnh ra chỉ thấy điêu tàn
Chìm trong giấc ngủ mơ màng vẫn đau.



MYSTERY SPOT *Truyện*

TƯỜNG VŨ ANH THY

Tôi đi bên cạnh vị Sĩ-Quan-Mùa-Xuân. Con đường vắng người, đầy hoa lá. Rừng núi Santa Cruz tràn ngập mùi ngái nồng của thiên nhiên đang bật nở. Gió xuân lạnh lạnh, dù nắng rất huy hoàng ở trên cao. Chúng tôi ăn mặc chỉnh tề, đủ ấm, và đều đội mũ. Tôi bỏ hai tay trong túi, lững thững. Vị Sĩ-Quan-Mùa Xuân băng qua ngắt những đóa hoa bên đường. Đường như mỗi đóa hoa ông đều đưa lên mũi rất tận tình. Trong con mắt không còn trong của ông là một nỗi dăm đuối. Rờn rợn như những nét nhăn ở hai bên thái dương.

- Không hiểu sao tôi bỗng nhớ mấy đứa cháu quá anh ạ.

Tiếng ông trầm như lời tôi về một thời rất xa ở miền Bắc. Tôi cũng ngắt một nụ hoa. Không ngửi. Chỉ nhìn rất sâu vào cánh và nhị. Tôi nói vu vơ đáp lời ông:

- Trẻ con mới thật là những nụ hoa.

- Thế còn đàn bà? Ông hỏi đùa.

Tôi cười lớn:

- Đàn bà là những cái lá!

Ông cười theo. Tôi nghe được tiếng vang của giọng cười tôi lớn quá, át cả tiếng cười rất âm của ông. Tôi vội ngậm. Ngượng ngùng. Chúng tôi dừng bước giữa khoảng trời đất quang đãng. Cỏ xanh mới chúng tôi ngồi xuống. Trời mới quá trưa. Tôi nói như ngậm nga:

- Chẳng phải hoàng hôn cũng nhớ nhà.

Ông ngả lưng xuống cỏ. Co cánh tay làm gối. Nắng không chói nên mắt ông mở lớn. Khuôn mặt thư giãn. Tôi ngồi gần quá nên nhìn được cả những đường rãnh li ti chằng chịt trên da mặt ông. Mũi bầu bĩnh. Lông bên trong sợi nâu sợi trắng. Nhân trung sâu và dài vừa phải. Cánh mũi không đỏ. Nếu ông để râu thì râu sẽ thưa, và không đẹp. Chân râu lấp lánh. Trong một thoáng, tôi nghe được cả người ông đang thở hoang mang. Và một mùi vị lạ lùng, vừa thân vừa sợ. Mùi ấy từ con người ông thoang thoang tỏa ra. Mùi của rừng, của núi, của đồng, của đất. Cộng với mùi rơm rạ, củi gỗ pha lẫn với nắng mưa. Hốt nhiên cả cánh rừng Miên Việt ùa về theo ký ức. Đại đội chia làm ba tiến vào một ngôi làng. Tiếng súng nổ chát chúa. Tôi không thấy khói. Chỉ ngửi thấy mùi chiến tranh. Người lính bên tôi kêu rú và ngã chúi. Máu vọt ra rất nhanh. Trong nhấp nháy đã đỏ thắm đầu và mặt hắn. Màng óc tôi như ống kính màn ảnh ghi chụp rất rõ khuôn mặt meo meo máu đỏ. Máu da tái xanh rồi tím ngắt. Và điều không thể ngờ, là ngay lúc đó, dù tim tôi



Mình họa PHẠM HOÀN

đang đập loạn, dù tai mắt tôi đang căng cứng đối phó với sự chết lặng vắng; tôi vẫn nghĩ đến câu thơ của Đoàn Phú Tứ: "Màu thời gian không xanh. Màu thời gian tím ngắt". Và gập gù một mình. Tôi kinh dị nhìn tôi. Nhìn xác thân người lính vừa trúng đạn đang được tải đi. Nhìn đồng đội từng khuôn mặt lấp ló màu tím đang nghiêm trọng tiến quân. Cổ cao gấn thắt lưng. Rừng lá xanh khô khốc. Nắng đỏ trong thân thể nhấp nháy mồ hôi. Hình như tôi đang mất rất nhiều cảm giác. Kể cả cảm giác về sự đói, và khát.

- Trời thế này thì nhớ nhà thật.

Giọng nói ấm áp của ông kéo giật tôi. Vang trong tiếng ông là những tiếng động thấm thía của dĩ vãng. Tôi hỏi:

- Bây giờ, ở đây, anh nhớ nhất cái gì?

Ông khẽ đáp, cả bằng ánh mắt nhìn trời:

- Nhớ nhất vẫn là mấy đứa cháu.

Tay ông đang giữ một bó hoa dại đã ngắt vu vơ bên đường. Vị Sĩ-Quan-Mùa-Xuân ấy đã từng xông pha nhiều mặt trận. Là phóng viên chiến tranh, tình cờ tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Buổi tối hôm ấy tôi ở đảo Guam. Đài BBC loan tin: "Một tấm bia vừa dựng lên: Nơi an nghỉ của chế độ Cộng Hòa sau 30 năm chiến đấu". Trong bóng tối lều bạt căng gió, tôi không nhìn thấy gì ngoài nước mắt. Nước mắt khi tràn ra thật khó mà ngăn chặn.

Nước mắt cũng đã đổ chan chứa trên chiếc trục thẳng bốc rời đất Sài Gòn. Tiếng quạt động cơ xé toang, tung tóe. Chúng tôi

nhìn thấy dưới đất nhỏ bé... nhỏ bé... và mất hút. Trong phút chốc, toàn thân tê dại...

- Còn anh? Anh nhớ gì ở quê nhà?

Tiếng ông lại kéo giật tôi lần nữa. Nhưng lần này tôi nổi giận. Tôi toan nói mấy câu gắt gỏng khó chịu. Tiếng quát động cơ rít lên và gầm gừ. Tôi nhớ một sợi cổ. Cổ căng cười. Rồi tôi thấp giọng hỏi ông:

- Chắc anh chẳng bao giờ quên được cái ngày đầu tiên theo xe tăng ủi sập cổng Dinh Độc Lập? Thế lúc ấy anh có cảm giác gì? Anh có thể nhớ mà tả thực cho tôi nghe được không?

Ông nghiêng mình nhìn tôi rồi lại ngửa ra nhìn trời. Mắt ông nhắm lại. Tôi ngại gây tiếng động nên ngồi yên. Rất yên. Chờ đợi.

Tôi và ba người lính ngồi rất yên trong hố đất thấp ven rừng. Rừng lá vẫn khô khan. Không gió. Những khẩu súng cũng rất yên. Chờ đợi. Lệnh của Đại Bàng. Nhưng bụng chúng tôi không yên. Nó réo lên vì đói. Một người ra mặt hiệu sẽ nấu cơm. Hẳn lúi húi bỏ gạo vào nồi sắt. Tồn hơi bị đông nước mới đủ nấu. Tất cả không gây tiếng động. Trời và rừng vẫn im phăng phắc. Ba người chúng tôi ôm súng canh chừng. Lâu lắm. Tôi liếc thấy hán ném mấy hạt cơm. Mùi cơm thơm kỳ lạ; làm tỉnh mọi giác quan. Khuôn mặt hán đỏ hồng và mếu máo vì khói lửa. Hán vừa buột miệng: "Chín rồi!" vừa bê nồi sắt cơm đứng lên. Đoàn một cái. Tiếng nổ chát chúa bành hoàng. Tiếng kêu nắc của hán rất ngắn. Lập tức máu ứa loang trên mặt. Tràn vào nồi sắt cơm còn ghì ôm trên ngực. Máu cơm trắng. Máu nồi sắt xanh cứt ngựa. Máu đỏ màu tía. Cùng với hơi, khói mờ đục tỏa bay. Trong hầm đất thấp. Giữa rừng khô thưa lá. Và tôi kịp nhận ra đoàn kiến vẫn lặng lẽ đi thành hàng.

- Thực tình thì bây giờ mình rất đói, và rất khát.

Giọng ông chùng và thân mật. Tôi vội thu ánh mắt niềm man. Thật sự nhìn ông. Ông nói tiếp:

- Anh bảo, mấy ngày đi bộ như thế. Mệt lắm chứ!

Chữ "chứ" kéo dài và hát cao. Nửa như phân trần. Tôi tần ngần nhìn cây cỏ. Con người ấy, mười năm trước tôi còn thấy trên màn ảnh truyền hình của Mỹ, trả lời câu phỏng vấn! Chiếc xe tăng lừng lừng húc đổ cổng Dinh Độc Lập. Trong vụ Thiên An Môn 1989 ở Trung Quốc, chiếc xe tăng bị một thanh niên cản đường. Hai hình ảnh cùng xuất hiện trên màn hình tivi.

Đại đội đi theo sát những chiếc xe tăng. Bánh xích sắt nghiền nát mặt đất. Cỏ khoai ngô sẵn bắn tung tóe. Tầm đạn AK khi cao khi thấp vẫn trả lời loạng choạng. Tôi thấy bóng người thấp thoáng ở rất xa. Lập tức hàng loạt đạn M16 tuôn nổ như bắp rang. Một chiếc tăng gầm rú, phóng lên như trâu điên. Những bụi tre gai quằn quại đổ. Đất đỏ quắn lại như những mảnh thịt vụn. Nhưng... rồi cuộc chúng tôi không tìm thấy một vết máu nào.

Chống tay ngồi dậy, gió núi lùa theo bao nhiêu mùi hoa lá, ông khều tay tôi, giọng tâm sự:

- Anh biết không, khi vào đến cổng Dinh Độc Lập tôi mới thấy rằng mình đã quá mệt. Mặc kệ hết. Tôi nằm bừa xuống cỏ. Tôi ngửa nhìn trời. Qua tầng lá me hay

phượng vĩ gì đó, tôi thấy trời xanh lơ. Và những cụm mây trắng lững lờ. Trong đầu tôi chỉ có một ý tưởng là: "A, chiến tranh đã chấm dứt!" Anh không thể nào hiểu được chúng tôi lúc đó. Chiến tranh đã chấm dứt! Nghĩa là... từ đây / chúng tôi sẽ / không còn đói khát - cực khổ - và... day dứt.

Khuôn mặt ông biểu lộ sự thành thật trong khi nói. Tôi nhìn và tôi tin. Chúng tôi từng đi bộ. Ba lô, đạn dược và ngay cả trang phục nặng nề. Nắng hoặc mưa. Rừng núi sinh lý hay đồng ruộng. Đoàn quân phải bước theo lệnh. Mặc kệ phổi ai, bụng ai và tìm ai dấu thế nào! Đã nhiều lần tôi không điều khiển được đôi chân. Miệng há hốc. Đầu óc rối toang. Chẳng biết cao hay thấp! Chỉ muốn nằm thẳng cẳng. Ra sao thì ra! Thì vừa may có lệnh ngừng. Tôi còn cố đứng. Cố nhìn chung quanh. Cố làm ra vẻ bình tĩnh, ra vẻ chu đáo cẩn thận, trước khi lần quay xuống đất hay cỏ! Con người tôi thường chống chọi với bản năng. Thành ra



trong cuộc chiến, tôi luôn phải chiến đấu song trùng. Nhưng dù cố gắng đến đâu tôi vẫn kém xa một người anh họ. Anh cùng binh chủng và tác chiến như tôi. Thế mà suốt thời gian ấy anh vẫn học và viết đề hoàn tất luận án tiến sĩ. Còn tôi, chỉ có mấy bài thơ và tiểu luận làng chàng! Xấu hổ biết bao! Xấu hổ nhất là anh lại luôn luôn khen tôi. Cứ làm như tôi sẽ là người đứng đầu... thế kỷ 21! Hồi đó chúng tôi đang qua tuổi hai mươi - ngật ngào lý tưởng và... tràn đầy tự phụ! Vì kém Anh văn, Pháp văn, tôi bèn lập dị bằng cách học Hán Văn. Thế là trong ba lô, trong túi quần tôi đầy chữ Nho. Học nhồi học nhét những nét sổ nét móc chỉ để bớt mặc cảm tự ti về sự ít học của mình. Gặp anh, tôi được dịp khoe kiến thức cổ văn, và ba hoa về chiến trận. Dĩ nhiên để nhận lời khen ngợi. Hồi ơi! Sang Mỹ mấy năm sau tôi mới được tin anh bị tù, và bị bắn chết ngay chân rào trại giam! Tên anh là Vũ Tiến Đạt. Anh từng viết lên tường, bên giường ngủ: "Sống để trở thành... linh hồn Việt Nam". Cuối tháng 3 năm 1975 chúng tôi còn chờ nhau trên chiếc vélo solex đen, giữa Sài Gòn, để ngắm "thành phố đang đi vào lịch sử". Lời anh tiên đoán. Chiếc vélo solex đen mong manh của chúng tôi nếu húc vào cổng Dinh Độc Lập thì chắc chắn là xe cong đổ chứ cổng Dinh vẫn... thân nhiên.

Tôi chắc rằng khi chiếc xe tăng ủi sập cổng Dinh Độc Lập thì đoàn quân Cộng Sản hả hê reo hò. Họ hò reo trên bao nỗi đau đớn của người bại trận. Chuyện ấy từng lập đi lập lại trong lịch sử. Nhưng không hiểu sao tôi vẫn tức tối hỏi quau:

- Đã thế, sao các anh không từ tốn mở cổng Dinh đi vào? Làm oai làm tướng cho xe tăng húc đổ cái cổng để làm gì? Hành động ấy có khác gì quân thảo khấu?

Ông khoát tay cười xòa:

- Anh thừa biết mà. Lính tráng họ hứng lên, có trời mà cản!

Tôi giận dỗi đứng lên. Cũng có hơi bất lịch sự với ông. Nhưng trong tôi đang vừa sôi nổi, vừa buồn bã. Tôi bước hụt hẫng, bơ vơ. Trời không có khói. Chỉ có mây đàn hàng ngang. Và hơi thở tôi dồn nén theo hàng dọc. Đợi người mấy khi hơi thở được tương thông. Có lúc ta thở dài. Đợi khi ta thở ngắn. Nhiều khi ta thở không ra hơi và... nắc cục. Rồi một ngày đẹp trời ta... không còn thở nữa!

Tháng 4 năm 1972, tôi bỏ ăn bỏ ngủ vào bệnh viện Cộng Hòa ở Gò Vấp nhìn bạn tôi nằm... thở. Anh được chở từ Kampuchia về vì mảnh B40 lọt xuống phổi. Người ta đục ngực, gắn ống cao su để nước dơ và mủ trong phổi có chỗ thoát ra. Dĩ nhiên anh phải thở bằng ống oxygen. Tuy không nói được, nhưng mắt anh hiểu. Ngực anh vẫn đều đặn nhô lên, thụt xuống! Đêm ấy, dưới đèn điện, tôi một mình dăm dăm theo dõi ngực anh. Đến khi thấy ngực anh thụt xuống, rồi... không nhô lên nữa! Tim tôi rối loạn như nghe những tràng đạn AK bắn xối xả. Anh chết trẻ quá, mới vừa tuổi 23. Trong cuộc chiến, bấy giờ chúng tôi chỉ là những thanh niên hăng say, lý tưởng và... ngờ nghệch! Chiến tranh làm cái chết mất đi vẻ thần bí và lãng mạn. Nó vội vã, bất ngờ, trắng trợn và tàn nhẫn. Nó dựng đứng trước mặt, sau lưng. Tuy thế, mộ anh ở nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi vẫn khắc hai câu thơ của chính anh:

*Ngày đang đôi cánh trần hoang PHÉ
Tha ma về PHỤ bóng chiều mê*

Tên anh là Nguyễn Mạnh Hùng. Bấy giờ nhắc đến, tôi còn lòng bùng nổ tai.

Bao nhiêu năm sau cuộc chiến, ở Mỹ tôi liên lạc được với người bạn cũ cùng đơn vị. Anh bị cùm kẹp tra tấn hơn 10 năm ở Việt Bắc. Tội của anh là đeo lon Thiếu Tá và làm thơ! Thân anh rũ liệt. Sang đến Mỹ phải vào ngay bệnh viện. Nửa người tê và phù thũng. Anh nói qua ống nghe: "Tao biết Chúa Phật dạy từ bi bác ái. Nhưng mà xin lỗi. Để kiếp sau. Kiếp đời này tao không thể quên được hận thù!" Tôi nghe tê tái quá. Anh là một nhà thơ, thỉnh thoảng mới viết văn. Chúng tôi vừa chiến đấu vừa chơi trò đố thơ với nhau để giải trí, hoặc để... bớt sợ. Trò chơi đơn giản: người đố đọc bữa một chữ như "đau" hoặc "bụi". Kẻ kia rón tìm ra câu thơ có chữ ấy với tên bài, tên tác giả. Chỉ có thế, chúng tôi chơi dưới giao thông hào. Trên vòng hành quân và ngay cả trong chiến trường! Y hết những đứa trẻ con nhà nghèo, say mê chơi nút chai và... lõi cuộn chỉ.

Tôi nghe được tiếng ông đứng lên. Nặng nhọc. Tôi dừng lại. Nhìn mãi một bụi cây hoa trắng. Mùi ông mỗi lúc mỗi gần. Tiếng ông chợt cất lên:

- Mình không biết anh có ở quân đội không. Chiến tranh nó kỳ cục lắm. Thế thảm, bất công, man rợ đã đành. Nhưng cái đáng sợ nhất là nó làm ta day dứt. Trong cuộc chiến ở Kampuchia từ năm 1979, nó khủng khiếp ngoài sự tưởng tượng. Đồng thời nó day dứt quá sức chịu đựng.

Tôi cố lạnh lùng hỏi:

- Chẳng hạn như?

Tay ông hái thêm đóa hoa trắng. Nhỏ giọng:

- Chẳng hạn những xác phụ nữ Việt bị lính Miên hiếp rồi cho nổ nát âm hộ...

Tôi lại cầu:

- Tôi đọc báo hồi đó, đảng và nhà nước các ông la toáng lên vì những chuyện ấy rồi. Tôi cũng xúc động. Nhưng tình cờ sau này tôi quen một thanh niên giang hồ. Anh ta từng dự trận ở Kampuchia. Phần lớn đoàn quân là những người còn trẻ, tuổi từ 16 đến 30. Họ tình nguyện hoặc bị cưỡng bách. Bấy giờ anh ta đúng 17. Vì tưng quẫn nên tình nguyện. Chuyện khát máu và man rợ nhất mà anh ta kể là những cuộc lùng bắt đàn bà con gái Miên. Họ hiếp xong hoặc bắn hoặc cài lựu đạn cho nổ tung âm vật! Anh ta tâm sự: "Chẳng hiểu sao bấy giờ không ai thấy kinh tởm. Tụi em hành động như lên cơn điên. Để sau này, cứ chớp mắt là em thấy máu. Hồi hận vô ích anh ạ. Chẳng có cách nào tha thứ được cho sự dã man tàn bạo lúc ấy!" Anh ta sang Mỹ, nửa điên, nửa dại; đi đánh lộn; đi ăn cắp; ăn cướp và... ngồi tù. Thành ra chuyện anh biết không đủ.

Ông gật gù, yên lặng. Tôi tự hỏi: ta có nên tự tử hay tự tôn trong cuộc chiến của ta vừa qua không? Có nên kể lể với các thế hệ sau không? Có nên bào chữa rằng tự vệ là bản năng sinh tồn không? Có nên thần thánh hóa, lãng mạn hóa, hay phóng đại cuộc chiến nữa không? Tôi định bảo: "Thôi anh ạ, dù gì cỏ xanh cũng đã phủ kín những nấm mồ, và nhất là che mất hăm hố bom đạn xác máy bay xe tăng... Như thế mặt đất bị thương giờ đang kéo da non. Địa cầu này đang cần rất nhiều màu xanh. Anh trưởng cỡ đó, húc đổ cổng tường. Rồi anh nằm lên cỏ xanh. Nhìn lên trời xanh. Và mơ mộng về cõi xanh, chắc lòng anh rồi sẽ... xanh lại". Nhưng nhìn kỹ lại ông, trong không gian rực

rỡ nắng vàng, và rừng núi Santa Cruz, xanh ngát, tôi... băng khuâng. Trong khoảnh khắc, tất cả bỗng xa vắng đến... rỗng không.

Bất thần tôi hỏi:

- Tại sao anh cứ nghĩ và nhớ những cháu của anh thế?

Ông nhìn bó hoa trên tay, đáp:

- À. Nếu anh già và có cháu, anh sẽ hiểu thấm thía tấm lòng tôi. Xin lỗi, tại nom thấy anh còn trẻ quá! Biết anh là bạn của Tâm. Nhất là còn thân với Vương. Tôi không ngại mà nói rằng, rồi cuộc, chúng ta chỉ là con người. Tôi rất kính nể anh Vương. Nhờ anh, có dịp, chuyển lời thăm của tôi.

Tôi đùa:

- Ấy chết! Các anh cùng chiến tuyến mà bây giờ đẩy tôi ra làm giao liên à?

Tiếng người bạn y sĩ chợt oang oang:

- Thù ra các ông trốn cả ở đây. Này, tìm các ông vất vả lắm đấy nha!

Chúng tôi cười với nhau. Vị y sĩ nói:

- Tâm sự đủ chưa? Này, phải vào xem xong cái Mystery Spot rồi còn đến cái "Lâu đài... tình ái" gì đó của anh Thủy ở Saratoga cho kịp giờ chứ?

Ông đáp nhỏ nhẹ:

- Vâng! Anh bạn đây nói chuyện rất lý thú!

Tôi lấy giọng kịch sĩ nghiêm trang:

- Kịp hay không kịp. Lý thú hay không lý thú. Các anh có biết trái đất đang rất mong manh không?

- Ông lại văn thơ triết lý gì đấy?

- Chẳng văn thơ triết lý gì. Có thể sau 10 giờ sáng ngày 26 tháng 10 năm... 2028, trái đất sẽ tan tành và biến mất. Lúc đó, xin lỗi, xương các anh đã mục, đã thành nấm rồi. Tôi tuy già, nhưng vẫn còn sống, còn khỏe. Tôi phải tìm cách di tản, tị nạn sang một vì sao khác. Bởi hôm ấy, tôi có hứa sẽ tổ chức tiệc sinh nhật cho một người bạn nhỏ vừa tròn... 60 tuổi. ■

Khởi Hành

Tạp chí Sáng Tác Sinh hoạt Văn học Nghệ thuật



Sáng lập:

Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

Chủ nhiệm Chủ bút:

VIÊN LINH

Toà Soạn: 9306 Bolsa Ave

Westminster, CA. 92683

Thư từ: P.O. BOX 670

Midway City, Ca. 92655

ĐT: (714) 897-2599 / 894-4950

FAX: (714) 894-7333

ĐẠI DIỆN CÁC NƠI:

PHÁP:

■ Mme Phạm Thu Hương/An Tiêm

14 Villa des Acacias

202 Rue d'Epinay

95360 Montmagny, France

Tel: 01 39 84 00 84

■ Mme Vũ Lan Phương/Đào Viên

82 Rue Baudricourt

75013 Paris, Metro Tolbiac

Tel: 01 45 85 20 70

Báo có dự từ số 1 bày bán tại

Nhà sách Nam Á

ĐỨC: Thế Dũng

Mellensee Str. 43

10319 Berlin, Germany

Tel: 49 30 512 29 74

VIRGINIA: Nhà Sách Minh Văn

2808 Graham Rd, Falls Church

Tel: (703) 698-8490/8491

SEATTLE, WA: Trần Thế Phong

SAN DIEGO, CA: Vũ Đức Trường

Nhà sách Thủy Anh

4745 El Cajon Blvd # 101

SAN JOSE: Sương Mai

ATLANTA, GA: Cô Thủy Đông

3146 Dunwoody Rd # 203

Chamblee, GA. 30341

PHOENIX, AZ: Vũ Thành

ALABAMA: Lê Nguyễn

Bài vở gửi cho báo khác vui lòng đừng gửi cho Khởi Hành. Toà soạn không trả lại bản thảo. Bài được đăng không nhất thiết phản ánh chủ trương của tờ báo. Muốn trích đăng bài vở đã đăng trên Khởi Hành phải có thỏa thuận trước với Toà soạn và phải ghi rõ xuất xứ, số báo.

GIÁ BÁO:

Giá \$3.50 mỹ kim một số

Mua dài hạn \$24 mỹ kim một năm

12 số. Thư từ bài vở liên lạc:

Khởi Hành

P.O. BOX 670

Midway City, CA. 92655

PHIẾU ĐẶT MUA DÀI HẠN

tạp chí Khởi Hành

Tên.....Đ. th.....

Địa chỉ.....

Tôi muốn mua 1 năm 12 số từ số 1 đến số 12/ (hoặc 2 năm 24 số

từ sốtới số)

1 năm: 24 mỹ kim/ 2 năm: \$45.00 mỹ kim. Ngoài Hoa Kỳ thêm \$1.50 MK một số cho cước phí bưu điện. [Giá dài hạn chỉ áp dụng cho bạn đọc mua từ 1 năm trở lên. Mua lẻ tính theo giá ngoài bìa, cộng thêm 78 xu cước phí một số.].

Kèm đây là ngân phiếu.....

Phiếu mua báo và ngân phiếu để tên Khởi Hành và gửi về:

Khởi Hành

P.O. BOX 670

MIDWAY CITY, CA. 92655

VIẾT NHỮNG GÌ 2 NƠI ĐỀU THẤY

TRẦN VĂN NAM

Thời chiến tranh Việt Nam, có khuynh hướng văn chương tách rời, không đá động gì đến thời thế. Đó chỉ là phần diện của khối lửa, biểu hiện sự vùng vẫy ra ngoài cái lưới lồng lộng của chiến tranh. Thời kỳ lưu vong và hải ngoại cũng có khuynh hướng muốn vượt lên, không viết những khúc khoải lưu vong biệt xứ. Chủ trương viết bằng Việt ngữ tinh luyện với những đề tài ngoài chiến tranh, ngoài quê hương, ngoài sự hội nhập, ngoài sự giao thoa văn hóa, đó chẳng qua chỉ là một hình thái của chủ nghĩa dân tộc, hình thái của cuộc săn tìm độc đáo, không muốn viết trùng hợp với những điều đã có quá nhiều người nói đến.

Ta vẫn ở trong dòng ý thức có một khoảng cách giữa người ở hải ngoại và người nơi cố quốc. Nếu đề cao làm văn chương bằng Việt Ngữ tinh luyện mà viết những gì hoàn toàn xa lạ với đất nước thì mới tạo ra sự bất thông cảm (ví dụ viết về nếp sống chỉ có nơi ta đang ở, viết về những cách điều hành tân tiến nơi công ty nơi ta đang làm). Vì vậy ta nên viết những gì hai nơi cùng thấy, thấy một cách rất cụ thể bằng mắt, cảm một cách cụ thể qua tạo vật thiên nhiên ở nơi nào cũng ảnh hưởng giống nhau vào tâm hồn:

*Trời Cali, trời Paris, trời nào cũng thế
Phố xá thênh thang, nắng dút mưa sang,
hoa nở lại tàn
Đời Cali, đời Paris, đời nào cũng thế
Có những hân hoan, có những u buồn,
có đời hợp tan
(Chợt Nghĩ Về Hai Nơi - Nhạc và lời
Trần Từ Thiêng)*

Ngoại cảnh thiên nhiên hòa điệu cho tình yêu trai gái nơi nào cũng thế. Họ chỉ khác nhau về trang bị, còn trái tim thì vẫn như nhau. Ở hải ngoại vào mùa thu, mùa nai vàng gọi nhau tình tứ, có những cặp nam nữ lái xe "sport" mui trần băng qua sa mạc trên đường đi du ngoạn Las Vegas hay hồ Lake Tahoe, như trong bài "Mùa Thu Yêu Đương" (Nhạc và lời: Lam Phương). Quang cảnh ta nên thi hóa là "Cây xăng 24 giờ", là "quán Motel giữa đường". Trong khi đó ở Việt Nam có những đôi trai gái rủ nhau đi bằng xe đạp; chờ nhau bằng xe gắn máy; những bước chân học trò e ấp đi theo "Tà Áo Tím" (Nhạc và lời: Hoàng Nguyên) ven bờ Hương Giang đi lên chùa Thiên Mụ. Đi bộ về miền quê qua cầu tre lắt lẻo như trong bài "Lý Con Sơn - Lý Chim Quyên"

ca ngợi tình keo sơn gắn bó; hoặc di thuyền về quê hương hát quan họ với những bài văn chương bóng bảy "Bèo Giạt Mây Trôi - Người ơi Người ở đừng về..." Trang bị văn minh hay "dễ thương kiểu làng xóm" không thêm hay bớt tình cảm đã tràn ngập trong mùa yêu đương.



Cái gì hai nơi cùng cảm thấy, sau chuyện tình, phải kể tới vòm trời tinh tú. Dẫu xa cách hàng ngàn quang niên, nhưng các vì sao lấp lánh là thiên nhiên thân giao với loài người. Nơi nào cũng thấy, chỉ trước sau 15 tiếng đồng hồ, vì tất cả người Việt đều đang ở dưới vòm trời Bắc Bán Cầu (chỉ người Việt ở Úc Đại Lợi hay Tân Tây Lan mới ở dưới vòm trời Nam Bán cầu). Nhưng vòm trời tinh tú là chất thơ phơi bày đã có quá nhiều thi sĩ nói tới rồi. Riêng về văn học Việt Nam, đã có vòm trời tinh tú trữ tình trong ca dao, vòm trời tinh tú huyền diệu phối hợp mỹ cảm với thần cảm trong thơ Hàn Mặc Tử:

*Đang khi mầu nhiệm phủ ban đêm
Có thứ gì rơi giữa khoảng im
Rơi tự thượng tầng không khí xuống
Tiếng vang nhẹ nhẹ dội vào tim*

Hàn Mặc Tử nghe hay không nghe chẳng phải bằng giác quan mà bằng tâm hồn chan hòa ánh sáng huyền diệu của tôn giáo, khi một mình đi dưới vòm trời sương mù Đà Lạt:

*Không một tiếng gì nghe động chạm
Dẫu là mảnh vỡ của trăng sao*

Thời chiến tranh Việt Nam, vòm trời tinh tú trở thành ghê rợn phản chiếu vào vùng nước trong chiếc nón sắt của người tử sĩ, cái nón sắt bị bỏ lại bên lau sậy:

*Trong cái nón sắt của anh
Mặt trời vẫn còn đỏ ban ngày
và ban đêm, mặt trăng hoặc
muôn muôn triệu triệu vì sao,
vẫn còn đó*

...
*Con ẽnh ương vẫn gọi tên anh
trong mịt mịt đêm
Tên anh nghe như tiếng thờ dài
của lòng đất mẹ
Đạo thánh ba, tên anh lẫn trong
tiếng sấm dẫu mùa mưa
Nghe như tiếng gấm phần nộ
dền từ cuối trời.*

...
*Hỡi người chiến sĩ đã bỏ lại cái nón sắt
Bên bờ lau sậy này
Anh là ai? Anh là ai?*

(Người Tinh Không Chân Dung. Nhạc:
Hoàng Trọng; Lời: Dạ Chung Hoàng Vĩnh Lộc)

Ra hải ngoại, vòm trời tinh tú hiếm thấy trong thơ vì quá cũ mòn, nhưng lấp lánh trở lại như một lời nhắn cuối cùng cho người còn ở nơi trần thế, và đã được nữ tài tử Kiều Chinh đọc trước khi tác giả là nhà văn Mai Thảo được an táng vào lòng đất:

*Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao, khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi.*

Đó là chất thơ phơi bày đã cũ mòn, nên viết thêm điều đó mới cho hai nơi cùng thấy có lẽ là vòm trời tinh tú của những khám phá về vật lý thiên thể. Những khám phá khoa học này không còn là phạm vi chuyên môn của các nhà bác học thông thái, mà rất thường thấy thông tin trên các nhật báo lớn của Mỹ như Los Angeles Times, Orange County The Register, Washington Post, New York Times, và Newsweek. Hai nơi cùng hướng mắt tò mò nhìn lên vòm trời khi một khám phá được nhắc tới. Ví dụ như về những luồng năng lượng mạnh mẽ rất rõ ràng phát ra từ chòm sao Thiên Nga và chòm sao Bình Trà (còn có tên là Sagittarius); về những tảng đá trời tin chắc có chứa sắt, vàng, platinum, đang bay trên một quỹ đạo chỉ cách trái đất khoảng 16 triệu dặm, quãng cách mà loài người có khả năng tới khai thác. Ví dụ về những làn vô tuyến bí ẩn phát xuất từ vòm trời sâu thẳm,

Có thể là các làn vũ tuyến thiên nhiên, có thể là vũ tuyến của những sinh vật ngoài trái đất. Đem hiểu biết về khoa học mới phối hợp với mỹ cảm xưa về vòm trời tinh tú.

Điều gì hai nơi cùng thấy một cách cụ thể nữa, chính là biển, biển rất gần gũi với ta. Chẳng có gì lạ vì biển là một thực thể ngàn năm rêu gọi loài người, biển chiếm tới hai phần ba diện tích trái đất. Dù ở New York hay Sydney, dù ở Long Beach hay Rach Giá hoặc là Nha Trang, nơi nào cũng thấy biển. Mênh mông của biển gợi sự thương nhớ mịt mờ: ta muốn nhắc lại thời kỳ "di tản buồn" đối với một số nhà thơ, biển là chất thơ của nghìn trùng xa cách. Đây là thời kỳ tuyệt vọng của "Sài Gòn Vĩnh Biệt", khởi đi từ "Đêm, Nhớ Trăng Sài Gòn", nhớ vết xe lăn, lúc thất thểu nơi một thành phố viễn xứ:

*Tìm tôi đèn thấp hai hàng
Lạc nhau cuối phố, sương quàng cổ cây.*

Thời kỳ này, các nhạc sĩ và thi sĩ như bị ám ảnh về cái chết buồn rầu nơi xa xứ, phản ánh một tình thế tuyệt lộ đường về quê hương, và phản ánh một cộng đồng đang sống phân tán lạc lõng chưa đồng vui như bây giờ. Ví dụ trong bài "Người Di Tản Buồn", nhà nhạc sĩ có ý nghĩ khi chết ước gì được chôn cất nơi một bờ kinh quê hương, bên mộ người chiến hữu xưa. "Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển", lại một lời ước nguyện thân xác xin được trôi về an giấc ngàn thu bên rặng tre già thiên thu hồn đất nước:

*Bên kia bờ là quê hương tôi đó
Rặng tre xưa muốn thuở vẫn xanh rì.*

Cũng nói về cái chết, nhưng là cái chết trên biển Đông của những người vượt biển bị đắm tàu: xin tóm gọn chủ đề nguyên thi tập của một nhà thơ khác. Đây là tác giả tập truyện "Mã Lộ", một nghĩa trang dưới đáy biển. Cảm hứng về biển không phải là hiểm thời kỳ vượt biển di tản, nhưng phối hợp huyền sử dân tộc với dữ kiện thời thế là độc đáo của tập thơ, ví dụ:

*Nhân loại giống tàu tới biển Đông
Tin đồn thêm biển có kim cương
Nếu không ngọc quý,
không vàng quặng
Sao đây sáu nghìn kẻ liệm xương*

*Sinh ở đâu mà giạt bốn phương
Trăm c... cười nói tiếng trăm giòng
Nghe... ai nếu trở về quê cũ
Hy vọng ta còn tiếng khóc chung.*

Nói về biển như các nhà thơ nhạc kể trên nằm trong lẽ tất yếu của thời thế, biển gợi hứng của văn chương lưu vong và hải ngoại. Ngoài điều này ra, ta đừng nghĩ dễ tài về biển đã quá cũ mòn. Cũ mòn, vì ta không bắt mạch đúng cảm quan thường ngoạn của thời đại. Ví dụ phim truyện "Tàu Titanic" nay vẫn cần những chuyện tình cao đẹp, hy sinh, không giai cấp, thần tiên như trong phim truyện. Nó đi song song với dàn cảnh hoành tráng vĩ đại, có thể còn có triết lý con người đừng quá tin tưởng vào máy móc, như "Tàu Titanic không thể nào chìm".

Bài này giới hạn ở việc "Thấy" một cách cụ thể, nguồn thơ thiên về mỹ cảm và tình cảm. Thiết nghĩ nếu đặt vấn đề "Viết những gì hai nơi cùng biết" thì sẽ bàn không biết bao nhiêu là lãnh vực khác. ■

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, sau khi nghe Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn II kiêm Quân khu II, tự sát tại nhà riêng. Cùng ngày, Chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ, Tư lệnh Sư đoàn 5 Bộ Binh, tự sát tại sân cờ bằng súng lục. Ngày 1 tháng 5, hôm sau, ba vị tướng lãnh khác chọn cái chết vinh. Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh Quân đoàn IV kiêm Quân khu IV, tự sát bằng súng lục ngay tại sân cờ Bộ Tư Lệnh tại Cần Thơ. Cũng tại Quân khu IV, vị Tư lệnh phó là Thiếu tướng Lê Văn Hưng, lúc ấy đang ở tư dinh, làm y như vậy, bằng một phát súng lục khác. Một vị Tư lệnh Sư đoàn khác cũng tuân tiết, là Tư lệnh Sư đoàn 7, Chuẩn tướng Trần Văn Hai. ■ 30 Tháng Tư 1975 còn ghi thêm, qua những tin tức lược lặt không đầy đủ tại Hải ngoại- cuộc tự sát của 22 sĩ quan cấp Tá Trung đoàn trưởng, Liên đoàn trưởng, Chiến đoàn hay Lữ đoàn trưởng, cộng với khoảng hơn 100 sĩ quan cấp Ủy trong các chức vụ chỉ huy như Tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng. ■ Nhân ngày tang lớn của Miền Nam, của Tự Do, Khởi Hành xin nghiêng mình trước những cái chết lẫm liệt của các Anh hùng Dân tộc kể trên, và đăng tải dưới đây Bài Văn Tế chung soạn bởi nhà thơ Cao Tiếu.

VĂN TẾ TRẬN VONG CHIẾN SĨ QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

Than ôi!
Biển dâng nước, trống chuông gầm sóng
Trời xa quê, hương khói ngời mây
Bước chinh nhân đang dồn dập dấu dầy
Hồn tử sĩ xin giáng đài chứng giám.

Người chiến sĩ Quân lực Việt nam Cộng hòa
Sống đã từng dũng cảm,
thác vẫn mãi anh linh
Tình đồng đội Hải Lục Không quân gắn bó
Công thù gắng đua tranh, thủ thì lo tương trợ.

Khen thay đời chiến binh
sống chết lẽ thường
Quý thay danh liệt sĩ khắc ghi thanh sử.

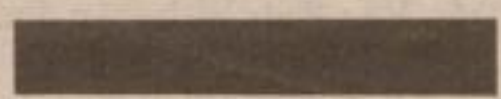
Nhớ linh xưa:
Ra trận xung phong dưới cờ phục vụ
Nào Pháo binh Thiết giáp,
Thủy quân lục chiến tấn công
Nào Biệt động Nhảy dù,
Phóng pháo Phòng không yểm trợ.
Đánh dư trăm trận, từ Cửu Long Đồng Tiến
đến Rừng Sát Miền Tây

Thu súng hàng kho, lúc Đức Lập Pleime
khí Vũng Rô Vạn Giã.
Vượt ruộng đồng sông rạch,
nào ngại gió sương.
Băng rừng núi sinh lầy, chẳng nề gian khổ.

Đất làm giường, mũ làm gối,
Nơi trú quân tấn thủ thất thường.
Súng là vợ, đạn là con,
Chôn đồn ải canh phòng tử thủ.

Này Binh long Anh dũng
Ta đã chiến thắng nêu cao.
Này Quảng trị Kiều hùng
Dịch phải rút thành bỏ chạy.

Ấy là nhờ binh sĩ chiến đấu can trường
Ấy là bởi toàn quân hy sinh hăng hái.


thiếu hình
Ch. t. LÊ NGUYỄN VỸ

Muôn người như một:
Những tướng Việt nam Cộng Hòa chiến
thắng, thanh bình an lạc nhân dân
Nào ngờ Cộng sản Bắc Việt xâm lăng,
ly loạn dạn dày xứ sở

Ta không chiến bại mà thua đau
Dịch chẳng binh hùng mà thắng đại
Nửa triệu quân đội ngọt tan hàng
Bao đơn vị bằng hoàng rã ngũ.

Quyết không hàng giặc,
đồng đội nhiều người tử chiến đến cùng
Thế chẳng làm tù,
chỉ huy lăm vị hiên ngang tự xử.
Cảm thương cho anh hùng bất khuất,
phải giam lỏng "cải tạo" dã man
Xót xa cho chiến sĩ kiên cường,
lọt tròng bẫy bọ vô thần hung dữ.

Hôm nay
Chúng tôi nhân ngày Quốc Hận
Đốt nén tâm hương dâng hồn tử sĩ
Sống từng chiến đấu gian nan
Thác được tôn thờ tưởng lệ
Dù hồn đang oai linh hiển hiện
chiến trường xưa
Hoặc còn ẩn khuất nơi núi non hùng vĩ
Hay phải thác tại trại giam nước độc
rừng thiêng
Hoặc đi tìm Tự Do mà thuyền chìm đáy bể

Xin phù trợ cho đồng bào
châu cứng đá mềm
Xin dẫn dắt các đồng đội vững tâm bền chí
Để Đất Nước được thực sự dân chủ tự do
Để toàn dân thoát khỏi ách độc tài đảng trị. ■

Thượng hưởng.

CAO TIẾU

VỚI HIẾU CHÂN NGUYỄN HOẠT

MẶC THU

*Cố hữu như hoàng diệp
Lạc địa nhất vô thanh*

*(Bạn cũ như lá vàng
Rụng chẳng chút âm vang)*

Từ vùng kháng chiến chống Pháp (Liên Khu Việt Bắc) trở về quê cũ, thị xã Phúc Yên vào năm 1951, tôi được gặp lại gia đình tôi, gia đình mẹ vợ tôi (cụ Long Hồ), các em, các cháu đông đủ. Thị xã Phúc Yên xưa, nay chẳng còn dấu cũ, chỉ còn những vết chém ngang dọc khắp thân thể, những đồng gạch ngói ngổn ngang đã lớp lớp rêu phong.

Người cũ, đã phiêu dạt những nơi nào, thay vào đó là lớp người mới từ tứ xứ đổ đến. Lạ mặt, lạ người, lạ tên, lạ cảnh, lòng tôi xốn xang bao nỗi xót xa.

Ba tháng, sau khi hồi cư, gia đình tôi được tòa tỉnh trưởng cấp cho căn cước mới, do sự tận tình giúp đỡ của ông tỉnh trưởng Nguyễn Văn Sửu và ông phó tỉnh trưởng Hoàng Khánh Tấn. (Ông Tấn trước kia đã cùng Đàm Quang Thiện, Nguyễn Doãn Vương, Lê Ty v.v... di Hong Kong đóng phim Cảnh Đồng Ma, là người có nhiều tính nghệ sĩ).

Ở lại thị xã quê hương, nay đã quá sức điêu tàn, tôi không thể chịu nổi, nên đã quyết định một sớm dứt áo ra đi. Đi Hà Nội với vợ và hai đứa con nhỏ, (Mặc Lan, Thu Lan) mặc dầu chưa biết sống bằng gì, nhưng lòng tôi đã quyết định.

Ra Hà Nội, gia đình tôi tạm trú ở nhà người anh vợ (tên: Quách Cự Nghiên) tại một con hẻm, phố Ngõ Gạch.

Trong lúc chờ đợi, một bữa đọc tờ nhật báo *Giang Sơn* của bác sĩ Hoàng Cơ Bình, thấy ở cột rao vặt có đăng mẫu tin: Đoàn ca kịch Ái Liên cần một họa sĩ trang trí sân khấu, tôi liền tới ngay phố Hàng Bạc, nơi đóng thường trực của đoàn hát này. Tôi gặp người chủ đoàn hát: ông Hà Quang Định, cũng là chồng của nữ nghệ sĩ Ái Liên.

Tại rạp này, rạp chiếu bóng Mỏ-Độc cũ, tôi vẽ thử hai ngày, được ông Định thỏa thuận: mỗi ngày vẽ từ 8 giờ sáng tới 12 giờ trưa, được trả công một trăm đồng bạc. Tiền được trả hàng ngày, vào buổi tối tại ghi xê bán vé, khi người bán vé đã thu đủ một trăm đồng. Tiền lương được trả hằng đêm như vậy là do tôi yêu cầu vì gia đình tôi mới hồi cư, cần tiền tiêu mỗi ngày. Ông Hà Quang Định, một người rất lịch sự, nhã nhặn, đã cười mà cảm thông chấp nhận.

Những buổi sáng tiếp theo, tôi miệt mài vẽ ở hành lang rạp hát. Mấy cô con gái của Ái Liên - Hà Quang Định, đều còn nhỏ thường say mê ngồi xem tôi vẽ. Đôi khi các em nghịch ngợm, lấy cây cọ chấm vào màu

quét bữa cả lên bức tranh tôi đang vẽ. Tôi không hề giận vì thấy các em đều xinh xắn, vừa bằng tuổi các con gái tôi. Các cháu gái đó, sau này đều thành những nghệ sĩ nổi danh của sân khấu. Đoàn hát lúc này còn có các kép Ngọc Toàn, Sỹ Toán cùng diễn mỗi đêm với nghệ sĩ Ái Liên. Các "Ái tiểu thư" lúc này còn nhỏ cả, chưa ra sân khấu được.

Thế là, theo thỏa thuận, mỗi tối vợ chồng tôi dẫn hai đứa con nhỏ, quần áo chỉnh tề, đưa nhau tới rạp Ái Liên coi hát. Nói là coi hát chứ thực ra là để đợi người bán vé đủ một trăm đồng, gọi ra lĩnh tiền lương ngày.

Lĩnh tiền xong chẳng cần xem hát, chúng tôi lại kéo nhau ra phố hàng Buồm ăn cơm tấm giò chả. Mỗi bữa đầy đủ thức ăn ngon lành chỉ mất chừng 7, 8 đồng bạc.

Một tuần lễ sau khi ra tới Hà Nội, lại có cả công ăn việc làm, tôi tới thăm gia đình Cụ Trần Văn Phúc, ở phố hàng Bông. Cô Lưu, anh Hải, con cụ Phúc, trước đây là diễn viên trong đoàn kịch kháng chiến Phủ Vĩnh Tường, do thẩm phán Lê Giáp Đệ và tôi điều khiển. Hai cụ giữ tôi ở lại ăn cơm, ân cần hỏi han công việc làm ăn của tôi. Tôi thấy cụ ông có vẻ trầm ngâm nghĩ ngợi.

Lúc tiễn tôi ra cửa, Lưu cho tôi biết cụ Phúc hiện đang giữ chức Đồng Lý Văn Phòng Phủ Thủ Hiến Bắc Việt, làm việc bên cạnh Thủ hiến: Bác sĩ Nguyễn Hữu Trí.

Chỉ hai ngày sau, Lưu đã tới nhà tôi báo tin cho biết cụ Phúc đã giới thiệu tôi vào làm việc tại Nha Thông Tin, trong Phủ Thủ Hiến. Lưu tỏ vẻ rất vui mừng thấy tôi đã có công việc mới ổn định hơn.

Vợ chồng tôi lúc ở Phủ Vĩnh Tường (quê hương nhà Cách Mạng Nguyễn Thái Học) vẫn quý mến cô bé ngây thơ, trong sáng này và vẫn coi cô như em gái của mình. Lưu rất yêu thích Mặc Lan, thường đòi bế ẵm Mặc Lan mỗi khi gặp.

Lúc này gia đình tôi đã dọn về ở số 4 đường Trương Hán Siêu (Robert cũ) gần khu Chợ Hôm.

Hôm sau tôi tới phủ Thủ Hiến Bắc Việt, được cụ Trần Văn Phúc đích thân đưa tới Nha Thông Tin (nằm trong phủ Thủ Hiến) giới thiệu với Nguyễn Trọng Trạc (Xích Đạo) giám đốc nha này. Tôi được Trạc và Như Phong Lê Văn Tiến tiếp đón niềm nở. Tiến là cánh tay mặt của Trạc

trong nha này.

Nguyễn Trọng Trạc có dáng vẻ, điệu bộ, rất "Tây", quần áo chải chuốt lịch sự. Nghe nói trước kia, Trạc có cộng tác với nhóm báo Ngày Nay của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam về mặt quản lý và quảng cáo.

Lê Văn Tiến dáng vẻ trẻ trung, đeo kính cận, lạnh lẽ, đẹp trai như một sinh viên... lai Pháp. Anh chừng như đã được cụ Phúc giới thiệu về tôi nên tỏ vẻ có cảm tình ngay với tôi, ân cần chăm sóc tôi về mọi mặt trong công việc.

Tiến đưa tôi sang Phòng Ba, tức là phòng văn nghệ - báo chí, giới thiệu tôi với chủ sự Dương Thiệu Thanh. Thanh có tác người cao lớn, bề vẻ, dáng vẻ và điệu bộ lịch sự, kiểu cách như một nhà quý tộc. Sau tôi được biết ông thuộc về một giòng "đanh gia thế phiệt" (đồng họ Dương ở V. Đình) và đã được du học tại Pháp nhiều năm (cùng lớp với Chu Mậu, Đỗ Văn).

Dương Thiệu Thanh ưa nói tiếng Pháp hơn là tiếng Việt, giọng rất "Pa-ri-diêng". Như vậy tôi làm việc ở phòng Ba, công việc của một biên tập viên.

Trong phòng này, tôi được làm quen với các bạn cùng phòng như: Thực Đức Trần Văn Mai, Hoàng Nguyên, Ngọc Giao, Nguyễn Hoạt (lúc này chưa có tên Hiếu Chân), Đỗ Tùng, Vũ Minh Thiệu, Nguyễn Lương Tài, Phạm Ngọc Phương, các họa sĩ Tạ Ty, Hoàng Lập Ngôn v.v...

Vào thời kỳ này, tôi được Như Phong Lê Văn Tiến đặc biệt giới thiệu với Trần Văn Mai và Nguyễn Hoạt. Tôi cũng biết ngay hai người này là bạn rất thân của Tiến. Tiến cho tôi biết: Trần Văn Mai đã từng du học ở Pháp, đậu Cử Nhân Triết ở Pháp, từng có thời kỳ hợp tác với ông Nguyễn Ái Quốc ở Pháp, cũng đã từng du học ở Nga cùng với Trần Văn Giàu trong Đông Phương Học Hiệu (Mát-cơ-va). Sau trở về nước, Mai trở thành một nhân vật tích cực chống Cộng Sản Việt Nam. Anh là tác giả tập sách "TRIẾT LÝ NHO VÀ MÁC XÍT". Ba chúng tôi đều tôn Mai là anh cả.

Về Nguyễn Hoạt, Tiến cho biết: Hoạt trước đây là Chủ nhiệm Việt Quốc ở một tỉnh nào đó, sau về hợp tác viết báo với nhóm Ngày Nay (Khái Hưng, Nguyễn Tường Bách) trong các tờ Việt Nam, Thiết Thực ở 80 Quan Thánh (Hà Nội) những tờ

báo này đã công khai chống lại Việt Minh ngay từ khi tổ chức Cộng Sản này cướp được chính quyền từ tay Nhật.

Lại qua Trần Văn Mai và Nguyễn Hoat tôi được biết ít nhiều về Như Phong Lê Văn Tiến.

Lê Văn Tiến có người anh ruột là đồng chí thân thiết của lãnh tụ đảng Việt Nam Dân Chính: Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, nhân vật chủ chốt của nhóm Phong Hóa Ngày Nay, Tự Lực Văn Đoàn. Người anh của Tiến, vì hoạt động cách mạng phải xa nhà, nên đã giao Tiến (khi Tiến còn nhỏ) cho Hoàng Đạo nuôi và cho ăn học. Tiến được vợ chồng ông Hoàng Đạo coi như em ruột. Tiến lớn dần lên trong không khí sinh hoạt chính trị của các đảng cách mạng chống Pháp, đã giúp lãnh tụ Nguyễn Tường Long trong nhiều công việc của một thư ký riêng, đặc biệt những công việc liên lạc với lãnh tụ của các hệ phái Việt Quốc, Dân Chính, và các đảng phái khác. Nhờ vậy Tiến rất am hiểu tình hình hoạt động của các đảng phái quốc gia tại cả ba miền nước Việt.

Tự nhiên tôi thấy gần gũi ngay ba người bạn mới này, tựa như có sợi giây đồng điệu tự bao giờ, dợt đúng lúc, kết hợp chúng tôi lại thành một khối.

Tuy nhiên, tôi thường đi chơi với Nguyễn Hoat, nên tôi gần Hoat nhiều hơn. Hoat có những sở thích giống tôi mà Tiến không có, nhất là về rượu.

Nhiều khi tan sở làm, tôi thường xuống nhà Hoat, khi gia đình Hoat còn ở trên giữa con đường Chợ Hẻm - Bạch Mai, sát bên con đường tàu điện. Hai chúng tôi thường ngồi bên nhau nhiều giờ, với chai rượu đế, vài bìa đậu phụ, mắm tôm chanh ớt, với ít củong rau kinh giới, rau mùi. Tiệc rượu luôn thanh đạm, chỉ có thế. Chị Hoat thấy tôi xuống xe đạp, là đã vội vàng đi chợ gần đấy mua thức nhắm mang về, cũng có khi, ngoài đậu phụ còn có đĩa lòng lợn, vài gói lạc rang nóng hổi. Chị người chân quê, nhưng rất vui vẻ chiều chuộng tiếp bạn. Vợ chồng Hoat lúc này chỉ có một cháu gái tên Vinh, và một con gái nuôi tên Thảo. Cả hai còn rất nhỏ. Với một bà chị của Hoat, cũng hoàn toàn quê mùa chất phác. Cuộc sống gia đình Hoat lúc này rất khiêm tốn.

Nhiều khi chúng tôi cũng đi uống rượu ở ngoài, khi tôi nhận được tiền nhuận bút của một tờ báo nào đó. Thời kỳ này Hoat nghĩ không viết báo nào. Đi chơi với chúng tôi, đi hát cô đầu, hay đi uống rượu, thường có thêm Dương Thiệu Mực (cũng đồng danh gia thế phiệt, họ Dương ở Vân Đình). Mực nổi tiếng đánh trống hay nhất ở xóm Yên hoa Hà Nội thuở ấy.

Hay đi với Hoat nên tôi có ít nhiều kỷ niệm với Hoat.

Hoat thường đưa tôi lại thăm Cụ Cử Ngô Thúc Dịch, một lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng, cũng là cậu ruột của Hoat. Hoat học được nhiều chữ Hán là ở cụ dạy.

Một bữa, Hoat và tôi đương ngồi hầu chuyện cụ Cử, bên ấm trà nóng để nghe cụ nói về thời thế, hoặc những kỷ niệm xưa về thời kỳ hoạt động cách mạng của cụ (thời kỳ Nguyễn Thái Học, xứ Nhu, Kỳ Con v.v...) bỗng có một khách lạ đột ngột mạnh bước lên lầu, nơi phòng riêng của cụ Cử ngồi, uống trà đọc sách.

Lúc ấy cụ Cử đương mặc bộ áo cánh (bà ba) lụa Hà Đông.

Khách lạ tới mà không thông báo. Đây là điều bất thường.



Hình căn cước nhà văn Nguyễn Hoat
Album của nhà văn Lương Minh Đức

Cụ Cử còn dương lộ vẻ ngạc nhiên, chưa kịp lên tiếng hỏi thì khách đã xà xuống chiếu, sảng khoái ngồi khoan chân, cười khà khà, tự giới thiệu:

- Tui là Nguyễn Văn Tâm đây! (giọng đặc sệt miền Nam). Tui xin lỗi Cụ Cử, đã tới thăm Cụ mà không xin phép Cụ trước. Đã thế vào nhà cũng không thông báo. Tui mong Cụ tha lỗi cho và cho phép được cư xử như chỗ thân tình.

Cụ Cử Ngô vội sửa lại nếp áo, khẽ kêu lên:

- Chết chết! Thì ra đây là Cụ Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm! Thế mà tôi không được nghênh báo để kịp nghênh tiếp cho phải lễ.

Ông Tâm cười xòa, nắm lấy tay Cụ Cử, kéo Cụ ngồi xuống:

- Thôi, xin Cụ! Cụ miễn cho! Miễn cho! Lễ nghi phiền phức không phải dành cho bọn chúng ta! Tôi xin phép vào ngay chuyện.

Cụ Cử chấp tay trước bụng, vừa nghiêm vừa điềm đạm:

- Có điều gì xin Cụ Thủ tướng cứ dạy bảo!

Ông Tâm cũng chấp hai tay lại, khẽ vãi một vãi lắt đầu:

- Xin Cụ Cử miễn thứ cho hai chữ "Thủ tướng". Tôi tới thăm cụ đây chỉ với tư cách Nguyễn Văn Tâm. Dạ, Nguyễn Văn Tâm mà đã có người kêu là "Việt gian", là "tay sai của Pháp". Thôi thì, mặc Nguyễn Văn Tâm có Việt gian, có là tay sai của Pháp hay không, ta hãy tạm gác sang một bên. Thừa cụ, tui mới được Quốc Trưởng Bảo Đại tín nhiệm giao phó cho việc thành lập một chính phủ mới. Tui tự thấy việc nước lúc này quá nặng. Tui lại tài hèn, tự lượng sức mình không kham nổi, nên với tấm lòng thành tới đây, xin cụ cùng ghé vai chia sẻ gánh nặng việc nước với tui. Tui trân trọng mời cụ làm Phó Thủ tướng và mời Cụ vào Nam, ta cùng làm việc với nhau. Tui được biết Cụ là một sĩ phu Bắc Hà nổi tiếng về lòng yêu nước, không ngại gian khổ, nên tui chắc Cụ sẽ không nỡ từ chối lời mời của Tâm này.

Lời mời quá đột ngột, quá bộc trực của vị tân Thủ tướng quả nhiên đã làm cho Cụ Cử Ngô dăm ra lúng túng.

Lúc này Nguyễn Hoat đã pha bình trà mới, rót vào hai cái chén cổ nhỏ đặt trước hai vị chủ, khách đương đàm luận việc nước quan trọng.

Cụ Cử cúi đầu suy nghĩ giây lát rồi ngẩng lên đáp, giọng vẫn giữ được vẻ điềm đạm như cũ:

- Xin đa tạ ông đã có lòng nhớ đến tôi. Nhưng việc này quá đột ngột. Vây xin ông ba ngày để tôi suy nghĩ thêm.

Ông Tâm nâng chén trà lên làm một hơi cạn, vui vẻ:

- Vây là "tam nhật nội"! Quý lắm rồi! Cụ không từ chối, như thế là cụ đã nhận lời một nửa. Còn nửa kia, tui xin dợi. Tui ước mong Cụ sẽ nhận lời. Thôi, xin Cụ cho tui lui!

Nói rồi, ông Tâm cầm mũ đứng lên. Cụ Cử vừa kịp đứng lên tiễn khách thì khách đã thoăn thoắt bước xuống khỏi lầu, bước nhanh ra cửa.

Tôi thấy khách bước lên chiếc xe hơi màu đen, loại xe traction của Pháp. Chiếc xe vọt phóng đi mà không có một xe nào hộ tống.

Ông Thủ tướng gốc miền Nam này, đã bãi bỏ tất cả những nghi vệ dành cho một "tể tướng đầu triều", vượt qua nghi lễ thông thường: Khi tới giản dị, khi đi cũng giản dị. Tánh cách ông thật rõ nét "dân Nam Bộ" đây về giang hồ khí cốt, hào hớn anh hùng.

Tôi ngẫm nghĩ về buổi đàm thoại lý thú này. Cả hai vị chủ, khách đã cư xử, đối thoại về quốc gia đại sự như những nhân vật chiến quốc.

Hôm ấy, sau khi ông Tâm đi rồi, Cụ Cử Ngô cũng có đọc cho Hoat và tôi nghe một bài thơ Đường luật của ông Tâm mới làm để khuyên một người bạn gái không nên đi tu. Bài thơ như sau (tôi không bảo đảm đúng từng chữ và tôi đã quên mất hai câu, bạn đọc nào nhớ được, xin gửi cho, rất cảm ơn):

"Sư đời ảm lạnh tự nơi lòng
Cái kẻ đi tu, cái kẻ cùng
Đưa, muối chua quên mùi tục lụy
Đá, vàng thà vịn nợ non sông
Kính kẻ riêng dành cho lũ sãi
Cửa không nào phải chốn vài hồng

HIẾU CHÂN NHÃ CA

Chúng tôi lại được cười về cái nét bực tức, bực tức đến thô lỗ trong thơ của một tay hào kiệt miền Nam, có thời đã được gọi là "Hùm Xám Cai Lậy".

Sau ba ngày (cái hẹn tam nhật nội) Cụ Cử Ngô Thúc Dịch đã nhận lời làm Phó thủ tướng của tân nội các Nguyễn Văn Tâm.

Trong ba ngày ấy, hân Cụ Cử cũng đã có bàn bạc với các đồng chí thân cận của Cụ. Rồi hai ngày sau, Cụ Cử đi Saigon nhậm chức, có Nguyễn Hoat đi theo với nhiệm vụ bí thư của Phó Thủ tướng.

Chúng tôi công nhận: Cụ Cử Ngô chuyển này, rời chốn ẩn dật của Cụ, quả là một cố gắng lớn lao của Cụ. Một chuyến đi với tinh thần "dấn thân gánh vác việc nước", còn chuyển thành bại là do ý Trời.

Còn lại ba chúng tôi: (Mai, Tiến và tôi) chúng tôi vẫn hằng ngày gặp nhau bàn chuyện viết lách. Lúc này tôi đã được giao phó làm tờ báo Thông Tin của Nha Thông Tin Bắc Việt. Tôi được tăng cường thêm họa sĩ Phạm Tăng (mới từ Nam Định lên) giúp phần minh họa cho tờ báo. Loạt bài "Triết Lý Nho và Mác Xít", của anh Trần Văn Mai được đăng từng kỳ trong tuần báo Thông Tin là vào dịp này. Tờ báo cũng đã được tăng cường thêm các anh Đỗ Tùng, Vũ Minh Thiệu viết bài, góp sức.

Sau 1954, vào Nam, tôi ra làm nhật báo Tự Do, cùng một loạt với Như Phong, Lê Văn Tiến, Vũ Khắc Khoan, Tam Lang, Vũ Đình Chí, Đình Hùng, Mặc Đỗ, Đỗ Quang Bình (tất cả những người kể trên đều trong Ban chủ trương, tức Ban Sáng Lập của tờ báo).

Lúc này, Nguyễn Hoat còn ở lại Hải Phòng tiếp tay làm việc với Hoàng Nguyên, Giám đốc thông tin Bắc Việt, trong thời hạn 300 ngày còn lại của chế độ quốc gia tại Hải Phòng. Lê Quang Luật, đại diện chính phủ, cũng đóng bản doanh tại thành phố cuối cùng này.

Khi hết hạn 300 ngày, Việt Minh Cộng Sản xuống tiếp thu nốt phần đất cuối cùng là Hải Phòng, các anh Nguyễn Hoat, Hoàng Nguyên mới vào Nam.

Nguyễn Hoat tiếp tay với Như Phong, trong việc soạn tin, viết tin do những nguồn tin của một số anh em còn ém lại ở Hà Nội gửi đi. Mục này vẫn ký tên người phụ trách "Cổ Thần", thực ra đó là tên chung của ê kíp soạn tin, có tên "Tin từ Hỏa Ngục Đỏ".

Trong đợt di cư cuối cùng từ Hải Phòng vào Nam có gia đình họa sĩ Phạm Tăng. Tăng gia nhập ngay vào nhóm Tự Do, phụ trách phần mỹ thuật (biếm họa, tranh bày, minh họa...) của tờ báo thay cho Đình Hùng. Những tranh hí họa của Tăng mau chóng thu hút được đông đảo độc giả.

Cố Phạm Tăng đỡ cho phần "họa", Đình Hùng có thêm thời gian chăm sóc cho mục "Đàn Ngang Cung", với cái tên "Thần Đấng" bất hủ của anh.

Nguyễn Hoat bắt đầu xây dựng mục phẩm luận hằng ngày "Nói Hay Đừng" với cái tên mới mẻ, lần đầu được đặt dưới bài: Hiếu Chân.

Vào thời kỳ này, Hoat rất say mê đọc các tác phẩm của Lỗ Tấn, đặc biệt là những tạp ghi của họ Lỗ. Những sách này in bằng chữ Hán, do Nguyễn Hưng Việt (không biết Việt sưu tầm ở đâu) tặng cho Hoat. Cho nên, ta không lạ khi thấy, giọng văn "cười cợt đến cay chua" trong "Nói Hay Đừng" được nhiều phong cách Lỗ Tấn. Mục "Nói Hay Đừng" của Hoat được ngay độc giả đón nhận nồng nhiệt.

Ngoài những giờ làm việc ở nhà báo, những lúc rảnh rỗi, tôi thường cùng đi chơi với Nguyễn Hoat và Đỗ Đức Thu. Có lần Nguyễn Hoat, Đ.Đ. Thu và tôi đã đi ra mấy ngày đi thăm Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, với trại Hoa Lan của ông ở Blao, sau đấy ghé thăm chị Thu Vân, một cây bút sáng giá của Nhóm Văn Hóa Ngày Nay, cũng ở Lâm Đồng. Những chuyến đi chơi này sẽ được kể tỉ mỉ trong những chương sau của tập hồi kí.

Sau này, khi tôi đã rời khỏi nhật báo Tự Do, đi làm những công việc khác, Nguyễn Hoat vẫn luôn luôn đi bên cạnh tôi, mặc dầu ít lâu sau, anh vẫn cộng tác với "nhóm Tự Do mới" của các anh Phạm Việt Tuyền, Kiều Văn Lân, Lý Trung Dung v.v...

Khi tôi mở nhà xuất bản Người Việt Tự Do ở đường Hiền Vương, Hoat đã giao cho tôi xuất bản tập LIÊU TRAI CHÍ DỊ, bản dịch của Nguyễn Hoat.

Khi tôi mở Trúc Lâm Trà Thất ở đường Ngô Tùng Châu, Hoat hằng ngày lui tới cùng uống rượu với tôi và với các anh Nguyễn Trọng Trạc, Hoàng Nhật Tiến, Nguyễn Hưng Việt, Đàm Quang Thiện, Dương Thiện Mục... Hoat còn cho vợ tôi Trúc Lâm Trà Thất hợp tác với vợ tôi trong việc nấu nướng các món đặc sản.

Tôi cũng không quên cái cảnh: Nguyễn Hoat ngồi mài mực Tàu ở ngoài hiên nhà Cụ Cử Ngô Mạnh Nghinh (cũng là cậu ruột của Hoat) mở hời mở kẻ nhể nhại trên mặt, trong khi tôi ngồi căng tấm giấy rộng lớn, để Cụ Cử vung bút say sưa viết bài "Họa Trúc ca" của Bạch Cư Dị cho tôi đem về treo lên bức tường lớn của Trúc Lâm Trà Thất. Sau này, những nhà trí thức Trung Hoa như các ông Sầm, Lý Hùng v.v... đều phải công nhận chữ của Cụ Cử Nghinh viết rất đẹp, đủ mức độ để những nhà thủ pháp Trung Hoa phải kính nể.

Rồi những lần Nguyễn Hoat, Phạm Tăng và tôi, cùng bị chế độ Đệ nhất Cộng Hòa bắt giam vào khám Chí Hòa với biết bao kỷ niệm khó quên.

Tôi cũng sẽ lần lượt kể từng chi tiết về những kỷ niệm này trong những chương kế tiếp... trong số có cả kỷ niệm khi Văn Bát Việt Nan lần đầu được thành lập (trụ sở Phan Đình Phùng) mà Hoat làm Tổng Thư Ký, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam làm chủ tịch.

Sau hơn mười năm trôi dạt trong các trại tù cải tạo, khi được trả lại tự do năm 1988, Như Phong và tôi đã tới nhà Nguyễn Hoat ở chợ Vườn Chuối, thấp nhen nhang lên bàn thờ Hoat. Chị Hoat lúc này đã trở nên ngờ ngẩn đến không nhận ra những bạn cũ rất thân của chồng.

Cũng người đàn bà đó, những năm xưa ở Bạch Mai (Hà Nội) đã nhiều lần vội vàng xách nón, xách giỏ đi chợ mua đậu phụ, mắm tôm rau kinh giới về cho Hoat và tôi uống rượu... Tôi bỗng nhớ đến hai câu thơ của Hoat. Hoat đọc cho tôi nghe khi chúng tôi còn bị giam ở khám Chí Hòa (thời cụ Ngô Đình Diệm):

"Chập chùng kim ốc giai nhân mộng
Mà đến bây giờ cũng thế thôi..."

Thật vậy, Hoat ạ! Cũng thế thôi. ■

(Trích Hồi ký Một Hạt Đồi,
chưa xuất bản)

Từa nắng. Một người mang áo vải xô, đội khăn gai, chít khăn tang, tay dắt xe đạp, từ phía nhà sách Ngoại Văn (*), băng qua đường. Anh ta đứng xe vào gốc cây me già, rồi tới trước cửa hàng 142, cúi đầu chào, chờ đợi.

Khi tôi bước ra, người mặc đồ tang nói: "Thưa cô. Cháu mang Bồ cháu lại chào cô".

"Bồ cháu?"

Người mặc tang phục, nét mặt trang trọng:

"Dạ. Thưa cô. Bồ cháu đây".

Hai tay anh ta chấp lại, xoay người về phía chiếc xe đạp dựng bên gốc me. Sau xe đạp có một gói nhỏ, bọc bằng vải xô. Người thanh niên mặc tang phục là chồng của cháu Vĩnh, con rể anh chị Hiếu Chân.

Bị bắt cùng lúc với các anh Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Khánh Giư, Hồ Văn Đồng... từ hồi tháng Năm, 1985, anh Hiếu Chân vừa chết trong nhà tù Chí Hòa. Gia đình và thân hữu lo lót, Thượng tọa Trí Quang và các tăng chùa Ấn Quang phụ giúp. Sau bao nhiêu thủ tục quanh co, mới hôm qua thôi, di hài anh vừa được hỏa thiêu.

Tôi đã bước tới gần chiếc xe đạp. Trong gói vải xô cột sau xe là một cái hũ đất nung. Anh Hiếu Chân. Đúng là anh, tro cốt anh, trong cái hũ đất bọc vải xô kia.

"Từ hồi sáng, Bồ cháu đã tới chào bác Giư, bác Sỹ. Chào cô xong, bây giờ cháu đưa Bồ cháu ra sông Saigon. Bồ cháu vẫn muốn khi chết, tro cốt ông được rải trên mặt sông. Cháu xin phép cô."

Chiếc xe đạp được dắt qua đường, đạp ngược về phía bờ sông. Mới chừng hai giờ trưa. Đường phố vắng lặng.

"Chuyện gì vậy, chị Vân?"

Có tiếng hỏi. Một người lối xóm.

"Có gì đâu. Đưa cháu đi qua nhà, ghé vô chào".

Tôi trả lời và ngạc nhiên thấy giọng nói của mình không hề có vẻ gì khó khăn, khác lạ. Vậy mà từ lúc bước ra đứng cạnh hũ tro cốt của anh Hiếu Chân, tôi đã tưởng mình không thể nói nổi thành tiếng.

Cửa hàng kế cận, lại có thêm mấy người bước ra. Bộ tang phục, cung cách khác thường của người con rể anh Hiếu Chân làm hàng xóm chú ý. Đứng dừng lại. Đứng vô nhà. Cũng dừng trả lời. Họ sẽ hỏi tới nữa. Tôi băng qua đường, đi dọc theo vỉa hè. Có nên ra bờ sông? Không kịp đâu. Bộ áo vải xô gai trên xe đạp đã khua ở góc

Nhà văn Hiếu Chân với Nhã Ca, Nguyễn Khánh Giư, Trần Việt Sơn. Cả ba nhà báo trên đều đã chết trong tù Cộng Sản.

Hình do Nguyễn Tăng Thanh chụp tại nhà Hiếu Chân, Sài Gòn, 1980.



đường Lê Lợi.

Anh Hiếu Chân Nguyễn Hoạt là một nhà văn, nhà báo lừng lẫy từ lúc tôi còn là con bé đồng nữ Phật Tử Hương Đàm. Từ 1945, thời chính phủ liên hiệp Quốc Cộng. Nghe đâu anh đã cùng với Khái Hưng làm tờ Việt Nam Hồn, báo của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Hà Nội. Báo quán bị Việt Minh tấn công, Khái Hưng bị thủ tiêu. Di cư vào Nam, trên nhật báo Tự Do, tờ báo nổi tiếng trong những năm 50, anh viết mục Nói Hay Đừng ký tên Hiếu Chân, truyện dài TỶ BÁT ký tên Nguyễn Hoạt. Khi Văn Bút Việt Nam vừa được thành lập, anh là Tổng Thư Ký cạnh chủ tịch Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Sau 1963, anh làm chủ tịch Việt Nam Nhật Báo với Vũ Khắc Khoan chủ bút. Tôi nghe tiếng anh từ nhỏ nhưng trước 1975, chưa hề được gặp mặt. Chỉ từ 1980, khi anh Doãn Quốc Sỹ từ trại tù Gia Trung trở về, mấy anh em mới có dịp lui tới rồi trở thành thân thiết.

Khi Cộng Sản bắt toàn bộ các nhà văn nhà báo miền Nam năm 1976, có lẽ vì đã rút lui khỏi làng báo, mai danh ẩn tích từ 10 năm trước đó, anh bị sót tên trong danh sách đi tù đợt đầu.

Thoát được cảnh tù ngục, điều mà mọi người cho là may mắn, với anh hình như lại là một ray rút tới mức không thể chịu đựng nổi. Nhiều lần, anh em gặp nhau anh thường tự dằn vò mình: "Tại sao chúng nó không bắt tôi. Tại sao lại vậy? Bộ các cậu tưởng tôi có thể chịu được cảnh này à?" Nghe vậy anh em nhìn nhau. Vừa thương anh, vừa buồn cười. Nhà có cái máy chữ cất giấu từ lâu, anh lôi ra, công khai gõ lóc cóc, cả ngày lẫn đêm, lui cui viết văn, dịch sách, bắt kẻ hàng xóm đi báo cáo. Cứ vậy mãi cho tới tháng Năm 1985, công an Cộng Sản mới chịu giúp cho anh thỏa nguyện là được cùng bạn hữu vô tù. Anh Hiếu Chân, cái gì gọi anh từ nhà tù mà anh phải vào đó bằng được để chết?

Trong những năm qua, ai nấy đều tự thu mình lại, mong sao yên thân. Anh Hiếu Chân hình như lại khác hẳn. Tuổi già sức yếu, anh vẫn ngày ngày đạp xe tìm thăm từng bạn văn đi tù về, lôi kéo bằng được mọi người phải ngồi lại với nhau.

Nhớ: ngôi nhà xiêu đổ của anh chị Hiếu Chân trong một xóm Dao đường Trương Minh Ký, từng là nơi mấy anh em lui tới. Anh Doãn Quốc Sỹ gầy gò mà tươi tỉnh

nhẹ nhàng. Anh Hiếu Chân, anh Trần Việt Sơn còm cõi như hai bộ xương khô. Anh Nguyễn Khánh Giư to lớn đến nỗi, mắt muốn lồi ra khỏi kính cận, còn ưa hất mặt lên, chòm râu coi hớn quá. Còn có cả anh Cao, một nhân sỹ Phật Giáo người Huế. Thêm Nguyễn Tăng Thanh, người em của anh Giư. Chị Hiếu Chân, với gánh hàng quà tần tảo chợ búa, những lần có bạn hữu, vẫn rán bột lại dầm miếng đậu hũ, vài ba gói bì cuốn...

Có hồi nghe tôi bệnh tim nặng, anh Hiếu Chân đạp xe tới tận nhà, nhất định dạy cách tập ngồi thiền để tự chữa bệnh. Anh Trần Việt Sơn còn tùm tùm cười, can:

"Thôi Ông ơi. Cô Nhã còn phải buồn bán dành sống. Tọa thiền không nổi đâu. Tập chữ lộn có khi quan trọng hơn là tập ngồi thiền."

Nhớ: hồi 1983, anh Trần Việt Sơn mất, quàng xác tại chùa Vĩnh Nghiêm, mấy anh em thay nhau đứng cạnh quan tài. Anh Hiếu Chân bàn giao phiên trực cho tôi xong, vẫn không chịu bỏ về.

"Anh em mình cùng ở lại với ông ấy, cô ạ. Có đông đủ bạn hữu, ông ấy sẽ cảm thấy ấm hơn."

Chớp mắt, tất cả đã tan tác.

Bây giờ, tôi phiên anh Hiếu Chân. Tro cốt anh, giờ này, hẳn đang cùng người con rể lênh đênh trên một chiếc xuồng nhỏ. Cũng có thể đã được rải trên mặt sông. Nước sông Saigon đang chảy về phía nào, lên núi hay ra biển? Đâu còn bạn hữu nào ở bên anh phút này. Nguyễn Khánh Giư, Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy... đang ở trong tù. Nguyễn Tăng Thanh nghe đâu đã vượt biên. Chỉ còn mình tôi lang thang trong thành phố. Cũng đâu chỉ mình tôi. Quay lại: bên kia lề đường, một cái bóng vừa khuất sau gốc cây. Vẫn cái đuôi công an canh chừng đấy thôi. Thấy kẹ. Cứ phải ra bờ

sông, phải nhìn thấy dòng nước. Anh Hiếu Chân, anh thông thả, tôi tới.

Loanh quanh một lát, đi hết đường Tự Do, mặt sông Saigon hiện ra trong nắng trưa chói chang. Có mấy chiếc xuồng nhỏ qua lại giữa dòng. Nhìn coi, không thấy bóng người con rể. Tro cốt anh Hiếu Chân được rải trên mặt sông, chắc giờ này đã tan vào dòng nước.

Lại cái bóng quen thuộc của anh chàng công an bên kia đường. Mời theo. Tôi tới nơi hẹn bí mật với thành phần nguy hiểm đây: dòng sông đang lấp lánh chảy về phía Nhà Bè.

... Có thể sẽ không còn chúng ta
Như đã không còn Vũ Hoàng Chương
Nguyễn Mạnh Côn, Hồ Hữu Tường
Trần Việt Sơn, Nguyễn Hoạt
Không còn

Như bao anh em khác
Có thể không còn

Cũng chẳng mất đi đâu
Dòng chảy nào không hao hụt, bốc hơi
Có thể chúng ta vẫn quanh quất đâu đó
Như bọt nước tung tóe reo vui
Nơi này. Nơi kia.
Trong bước đi bất tận
của dòng suối sinh nở

Anh Hiếu Chân,

Bao năm day dứt. Điều gì đã gọi anh từ nhà tù. Gọi cách nào mà khiến anh phải vào tù cho bằng được để chết? Có phải đó là tiếng gọi bạn hữu, tiếng gọi tư cách người cầm bút?

Vào tù. Vào lửa. Vào nước. Thỏa lòng rồi. Anh yên tâm chưa, khi tro cốt đã tan vào dòng sông, thành bọt nước tung tóe reo vui, nơi này, nơi kia? ■

(Trong Hồi Ký Một Người
Mất Ngày Tháng, Nhà Ca,)

(*) Tên gọi mới của nhà sách Xuân Thu, đường Tự Do, Saigon.

NHƯ BỌT NƯỚC...

NHỮNG NGƯỜI VẮNG MẶT

VIÊN LINH

Khi nói về Một Nền Văn Học Của Những Người Vắng Mặt là nói về sự hiện diện của những người không có mặt nơi đây, chỉ có tác phẩm của họ ở đây. Họ không có mặt nơi đây song thơ văn của họ, hình ảnh màu sắc tiếng nói của họ vẫn có đó. Có những người vắng mặt vì đã chết. Có những người vắng mặt vì mất tích, không ai cả quyết họ đã chết, song không ai biết giờ này họ ở đâu. Có những người vắng mặt vì họ im lặng, hay bất buộc phải im lặng. Đó là nói về những người sáng tác, những tác giả, nhất là những tác giả chính của giai đoạn 1954-1975 ở Miền Nam Việt Nam, mà tác phẩm tràn ngập các nhà sách Hải ngoại từ sau 1975 cho đến nay.

Mặt khác không những chỉ có các tác giả vắng mặt, mà còn những độc giả vắng mặt. Sao lại có những độc giả vắng mặt? Tại sao họ vắng mặt mà ta lại biết là họ sẽ là những độc giả của nền Văn Học ấy? Muốn đi tìm những độc giả này, phải làm như thế nào? Câu trả lời không khó khăn gì, nếu chúng ta xét đến vấn đề Ngôn Ngữ chung của Dân Tộc, truyền thống Dân Tộc, và Ý thức hệ chung của Thời đại trên phần đất khai sinh nền Văn Học ấy.

I.

MỘT NỀN VĂN HỌC DÂN TỘC

Không phải là người viết luận thuyết, tác giả bài này chỉ là một người làm thơ, một người viết văn, cho nên những điều trình bày sau đây chỉ là những nhận định từ thực tế, và kinh nghiệm.

Kể từ Tháng Bảy 1954 đến Tháng Tư 1975, Miền Nam Việt Nam có một nền Văn Học mới, biến đổi hẳn so với giai đoạn trước thời gian đó, khi sinh hoạt Văn Chương qui tụ quanh nhóm Chân Trời Mới của Tam Ích, Thiên Giang, Thê Húc; hay các nhà văn nhà thơ đầy hào quang kháng chiến, những Lý Văn Sâm, Vũ Anh Khanh; hay các nhà văn nhà thơ trẻ tình như Thẩm Thệ Hà, Kiên Giang; những cây bút xã hội như Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Ngọc Linh. Từ 1954, và mấy năm sau đó, với các nhà văn nhà báo di cư, như các tờ Ngày Nay của Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Tự Do của nhóm Mặc Thu, Mặc Đỗ, Tam Lang, Đình Hùng, Như Phong, Ngôn Luận rồi Chính Luận với Thái Lân, Từ Chung, Sống của

Chu Tử, bộ mặt Báo chí Miền Nam thay đổi. Các nhà văn xuất hiện thường xuyên, ngoài nhật báo, còn trên các báo định kỳ, và thành từng nhóm. Các nhà văn Miền Nam qui tụ trên các tờ Đời Mới, Nhân Loại (Bình Nguyên Lộc, Ngọc Linh, Sĩ Trung, Kiên Giang). Các nhà văn miền Trung trên tờ Văn Nghệ Mới, Bách Khoa (Nguyễn Văn Xuân, Võ Phiến, Đỗ Tấn, Vũ Hạnh, Võ Hồng); các nhà văn "di cư" xuất hiện trên Đất Dừng, Chỉ Đạo, Sáng Tạo, (Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nguyễn Mạnh Côn, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền) hay Văn Nghệ (Dương Nghiễm Mậu, Viên Linh, Trần Dạ Từ).

Tại Miền Nam, các nhà văn, các tư nhân có quyền ra báo, lập nhà xuất bản riêng, sáng tác theo ý mình, viết theo niềm tin và tín ngưỡng của mình (Vạn Hạnh, Tuệ Sỹ, Phạm Công Thiện, Nguyễn Hữu Hiệu, Trình Bày, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Thê Nguyễn). Mặc dù Cộng Sản bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, song các nhà văn Thiên tả vẫn tạo được diễn đàn riêng (Tin Văn), hay liên diện trong sinh hoạt Văn Bút (Vũ Hạnh).

Cũng khởi từ 1954, những sinh hoạt văn nghệ tương tự không thể xảy ra tại Miền Bắc, nhất là sau khi Hà Nội đóng cửa các báo Trăm Hoa của Nguyễn Bính, hay các báo Nhân Văn, báo Giai Phẩm của nhóm Nguyễn Hữu Đang, Phùng Cung, Phùng Quán. Báo chí xuất bản Miền Bắc nằm trong tay Đảng và chính quyền. Cho nên chính Ý thức hệ chính trị là khác biệt khởi đầu và căn bản của hai nền Văn Học của một Dân Tộc cùng ngôn ngữ.

Nền Văn Học Miền Nam do đó còn được gọi là Văn học Tự do, Văn học Dân tộc; để phân biệt với Văn học Chính ủy (chữ của Hồ Hữu Tường), hay văn học mác-xít. Sau 1975, nền Văn học này nổi dài ra Hải Ngoại, vì cũng vẫn gồm phần lớn các nhà văn của Miền Nam di tản, và phần lớn độc giả Miền Nam di tản. Nền Văn Học này, cho tới nay, đã là 44 năm, tuy rằng ở giai đoạn sau, từ khi bức tường Bá Linh sụp đổ, tháng 11-1989, chúng ta có thêm một lớp cầm bút khác, và một lớp độc giả khác, tất cả đến từ Đông Âu. Nền Văn Học Tự Do ở Hải Ngoại từ đó thêm sinh khí, và phát triển mạnh mẽ hơn.

II.

CÁC TÁC GIẢ VẮNG MẶT

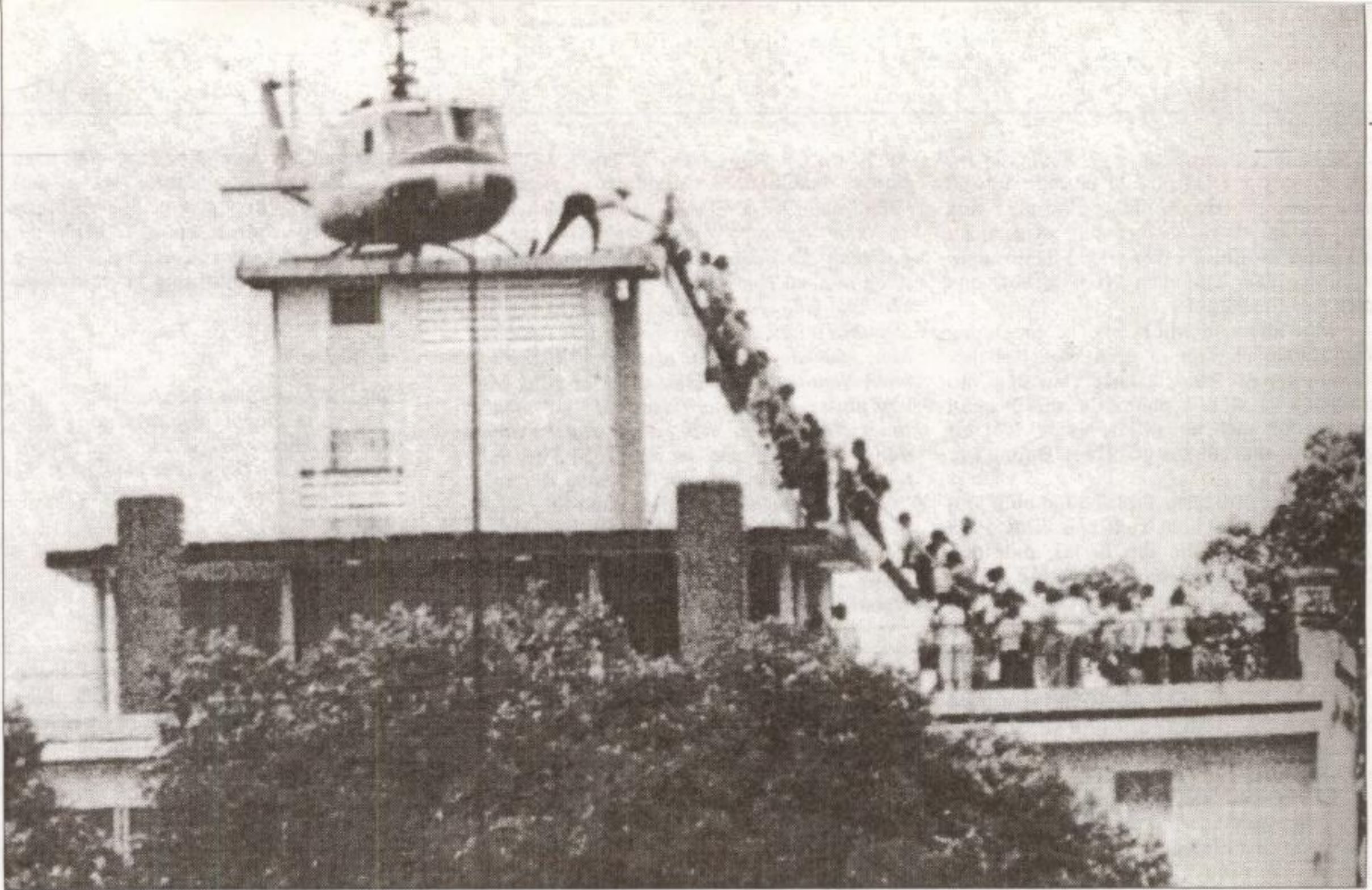
Văn Học Hải Ngoại phát triển mạnh mẽ, song đa số các tác giả của nền văn học ấy vắng mặt. Họ vắng mặt song sách của họ được in ra tràn ngập, ảnh hưởng của họ còn đó, độc giả của họ còn đây.

Nói về sự vắng mặt của những người này, chúng ta cần ít ra là một bộ sách. Nhiều tác giả đã chết. Cộng Sản ruộng bắt các nhà văn Miền Nam hàng loạt một, giống như Đức Quốc Xã ruộng bắt dân Do Thái, đưa vào các trại tập trung, vì những gì họ viết ra, vì sự suy nghĩ của họ, vì những gì họ có trong đầu, trong trái tim, và trên trang giấy. Phần lớn là những trang giấy đã in ra trước 1975, khi Cộng Sản chưa nắm được Miền Nam.

Nhiều nhà văn Miền Nam chết trong tù, nhiều người vừa ra khỏi cửa nhà tù thì chết ở ngưỡng cửa nhà mình. Có người chết trên xe, chiếc xe đang chạy trên đoạn đường từ nhà giam, từ trại tập trung, trên đường hướng về nhà cũ. Đó là trường hợp các nhà thơ Vũ Hoàng Chương, trí thức Hồ Hữu Tường.

Đây là danh sách các trí thức văn nghệ sĩ Miền Nam chết trong nhà tù của Hà Nội từ sau 30 Tháng Tư 1975: Anh Tuấn Nguyễn Tuấn Phát, Dương Hùng Cường, Hồ Hữu Tường, Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Hoàng Vĩnh Lộc, Huy Văn (1), Lê Bá Lăng, Mạc Ly Châu, Minh Kỳ, Minh Đăng Khánh, Nguyễn Mạnh Côn, Tiến sĩ Công Pháp Quốc Tế Nguyễn Ngọc Trại (bị xử bắn trong trại), Phan Huy Quát, Phạm Văn Sơn, Trần

(1) Huy Văn, Đại Úy, Tổng thư ký Nhật báo Tiền Tuyến, tờ nhật báo duy nhất của Quân Lực VNCH. Có bốn đời chủ nhiệm: Thiếu tá/sau Đại Tá Hoàng Đạo Thế Kiệt; Thiếu tá/sau Trung Tá Lê Đình Thạch; Thiếu tá/sau Trung tá Phạm Xuân Ninh (Hà Thượng Nhân); và sau hết Đại Tá Nguyễn Huy Hùng (72-75). Thư ký Tòa Soạn qua ba chủ nhiệm đầu, từ 1966 đến 1972 là Viên Linh; cũng là quyền chủ nhiệm và quyền chủ bút tờ nhật báo này, khi Chủ nhiệm, Trung tá Phạm Xuân Ninh, hiện ở San Jose, và Chủ bút Trung tá Phan Lạc Phúc (Ký giả Lô Răng), hiện ở Sydney, Úc, công du Đại Hàn trong hai tuần lễ.



Người Mỹ và một số người Việt được chọn lựa đang leo lên trục thang, đậu trên nóc một cao ốc thuộc Tòa Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn, ngày 30-4-75, và được bay ra hạm đội đậu ngoài khơi. Hình UPI.

Văn Tuyên, Thục Vũ, Trần Việt Sơn, Trần Khánh Vân, Vũ Hoàng Chương, Vũ Ngọc Các...

Trầm tịch ngoài biển đông có Chu Tử, Bùi Kim Đình, Hồ Điệp, Trần Đại...

Mất xác trên đường bộ có Khả Năng.

Đó là chỉ kể những người tôi được biết. Tôi được quen hầu hết những người ấy trong thời gian làm báo ở Việt Nam, trừ những Hồ Hữu Tường, Trần Văn Tuyên, Phan Huy Quát, và Nguyễn Ngọc Trự.

Trong khoảng 20 năm từ ngày 30 Tháng Tư 1975 tới 1995, số các văn nghệ sĩ ký giả Việt Nam chết trong tù nhiều hơn con số các văn nghệ sĩ ký giả Việt Nam chết trong 115 năm Pháp thuộc.

Sau 30 Tháng Tư 1975, chúng ta cũng biết nhiều người quyết tử vì phần nọ. Nhiều người thăm tử vì không được sống như con người. Tôi nghe tin nhà văn giáo sư Thạch Trung Giả tự sát. Còn vô số những cái chết khác của Văn Chương Chữ Nghĩa dưới chế độ Cộng Sản. Sau 30 Tháng Tư 1975, nhiều người nằm xuống trên đất khách mà thân nhân trong nước không có mặt lúc lâm chung, cũng không thể viếng mộ bây giờ. Có thể kể rất sơ sài: Thanh Nam, Vũ Khắc Khoan, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Ang Ca, An Khê, Phạm Đình Chương, Vũ Huyệt, Tử Vi Lang, Xuân Hiến, Trần Cao Linh, Đặng Phương Nguyễn Ngọc Huy, Mai Thảo, Bảo Vân Bùi Văn Bảo... và chắc chắn còn một vài người nữa.

Còn sống, nhưng những năm sung sức nhất hủy hoại trong tù, cũng chỉ vì ngồi bút, vì những gì đã viết đúng theo óc nghĩ và tìm cảm- còn một Mặc Thu Người Chép Sứ mong manh, hơn 12 năm; Như Phong Khói Sóng, hơn 12 năm; Nguyễn Sỹ Tế, Tiếng Hát Gia Trung, hơn 12 năm; những Hà Thượng Nhân Bên Trời Lặn Đạn, Phan Lạc Phúc Tập Ghi, Tô Thùy Yên Tuyển Tập;

Trần Dạ Từ Việt Báo, Hoàng Hải Thủy Tại Ngục Vĩnh Kiêu; Hoàng Ngọc Liên thơ có lửa; Nguyễn Hữu Hiệu Bác Sĩ Zhivago; Ngô Thế Vinh Vòng Đại Trắng; trẻ hơn là những Hà Thúc Sinh Đêm Hè, Hồ Minh Dũng Câu Nam Ai Thất Lạc; Trần Hoài Thư Ban Mê Thuật Ngày Đầu Ngày Cuối; Nguyễn Chí Kham Trăng Ở Thơ Ấu Mãi; những Hoàng Lộc, Trần Yên Hòa, Thành Tôn, Lê Nguyễn... trên dưới 8 năm... Tôi không thể nhớ hết để kể hết, chỉ biết đó là những người cầm bút đã bị Cộng Sản giam giữ và đẩy ải, vì Văn Chương. Mà Văn Chương là Ánh Sáng, Cõi Ca Ngợi Lòng Đời và Lòng Người, Cái Đẹp, Điều Thiện, Sự Thật ... Suốt đời họ dù thế nào, chẳng thế nào yêu và ca ngợi Bóng Tối, Cái Ác, và Mau Trá.

Cùng với bằng hữu, những người đó tạo ra Văn Học Miền Nam Việt Nam, Văn Học Tự Do. Nền Văn Học họ tạo dựng là nền văn học của chúng ta. Nền Văn Học ấy dù ở ngoài nước đang còn tồn tại, và ở trong nước thì đang phục sinh. Ra ngoài nước, những người mới được trả tự do, nhiều người đã trở lại với bằng hữu cũ, hay cộng tác với các lớp sau, những người chỉ khởi sự cầm bút và làm báo sau 1975. Mặt khác, đến từ Đông Âu, những người ra đi từ Hà Nội, Hải Phòng, cũng đã gia nhập Nền Văn Học này. Tôi chưa thấy một ai, trong số những người này, lên tiếng phủ nhận Văn học Miền Nam Việt Nam và Văn Học Hải Ngoại.

Dù họ vắng mặt, ta đang đọc họ. Văn chương họ làm ra, nền Văn học họ tạo dựng, vẫn ảnh hưởng tới chúng ta. Và họ vẫn luôn luôn bị Hà Nội tìm cách hủy diệt, nếu không cả bóng lẫn hình, cả thể chất vật lý lẫn tinh thần thăng hoa, thì cũng là những chụp mũ xuyên tạc và rỉ tai bêu riếu, mạ lỵ, man tố, qua những tờ báo lá cải, quảng cáo đóng dấu trên trán, và rao hàng dịch vụ trên mặt nhan lòe loẹt. Vì sao? Vì họ viết về Tổ Quốc chia cắt, Dân Tộc phân ly, Chiến tranh ý thức hệ. Vì họ ra đi trong Di cư 54, Di tản 75, về Lưm vong, về Nhà tù, về trại

Tập trung, và kể cả vì im lặng không viết, nếu họ đang còn ở trong nước. Họ không những vắng mặt ở đây, mà còn vắng mặt ở đó, ngay trên Quê hương mình. Như một câu thơ của Vũ Hoàng Chương, làm sau 75, ngay tại Sài Gòn:

Gần xa chiều xuống, đâu Quê quán?

III.

CÁC ĐỘC GIẢ VẮNG MẶT

Phần trên nói về các tác giả vắng mặt. Phần này nói về các độc giả vắng mặt.

Trong hai mươi năm, từ 1954 tới 1975, Miền Nam sản xuất khoảng 2000 tác phẩm một tháng, kể cả truyện thơ lẫn biên khảo, sáng tác lẫn dịch thuật. Một nửa dân Việt, những người sống ở Bắc Vĩ Tuyến 17, không được đọc những cuốn sách này. Sau Tháng Tư 75, họ được đọc, và đọc ngẫu nhiên.

Nhiều lời kể, nhiều bài viết đã cho chúng ta biết về hiện tượng đó. Sách ngụy, Nhạc vàng đã trở ngược ra Bắc như thế nào, chúng ta từng nghe. Không phải vì sách báo Miền Nam xuất sắc về phẩm chất, tôi không nói thế. Miền Bắc có nhiều nhân tài, và văn tài chắc chắn không thua Miền Nam. Song người vào Nam đọc ngẫu nhiên một mặt vì sự đa dạng, sự phong phú; mặt khác, còn vì Miền Nam là xã hội mở cửa, nhập qua cửa khẩu sách báo thế giới: trong các thư viện, tại các quầy hàng, trên cả vỉa hè, không chỉ có Văn Chương người Việt, còn có Văn học Thế giới. Từ năm cửa ô vào Hà Nội, trước 1975, nhìn cho xa cũng chỉ có thể thấy Văn học Mát-Cơ-Va, tâm tình Đông Âu, tư tưởng Bắc Kinh. Ở Sài Gòn, ngoài những thứ đó dĩ nhiên ít hơn- chúng ta còn đón nhận sách báo Pháp, Mỹ, Anh, văn chương Châu Mỹ La Tinh, triết lý Phương Tây và Huyền nhiệm Ấn Hoa. Chúng ta còn nghìn lẻ những ngọn đèn thần và thắp bay Á Rập.

Có từ sa mạc Bắc Phi tới tuyết băng Tây Bá Lợi Á. Một nửa Dân tộc bị bịt mắt suốt 20 năm trước đó. Họ là những độc giả vắng mặt, và khi có mặt, cũng nhờ ưu tiên, dù chậm lụt họ tìm lại được Tâm Tĩnh người Việt, và Tâm Hồn Đất Nước người, qua sách báo còn sót lại.

Một nhà văn Miền Bắc là cô Dương Thu Hương đã viết ra điều này, đại thể: "Trong khi các phụ nữ khác chú ý đầu vào son phấn và xiêm y phòng the thì tôi ngẫu nhiên đọc sách báo Miền Nam." Tôi rất quý sự trực tính của tác giả Thiên Đường Mù qua lời nói ấy.

Biển số 30 Tháng Tư 1975 mở biên giới Ý thức, khiến sách cũ xuất bản trước 1975 tại Miền Nam được dịp in lại, mới đầu không in tên tác giả, hay bịa tên tác giả vô danh, mãi sau này tự do hơn, mới thấy tên cũ xuất hiện trở lại. (Năm nay, 1998, trong mười cuốn sách bán chạy nhất tại Việt Nam, có 9 cuốn là sách cũ trước 1975, một cuốn mới do một nhà văn Miền Nam (Sơn Nam) viết. Xin xem *Khởi Hành* số 16). Văn Học Miền Nam đang tìm thấy những độc giả vắng mặt.

Những độc giả vắng mặt này lại có nhiều lớp. Lớp thứ nhất đã trưởng thành khi Đất Nước chia đôi vào năm 1954, họ có thể đã đọc Hồ Biểu Chánh trong Nam, hay nhóm Tự Lực Văn Đoàn ngoài Bắc. Họ chỉ vắng mặt có 20 năm, và chỉ cần tìm đọc để lấp khoảng trống 20 năm đó. Hình như vào năm 1975, dân số Việt Nam là 50 triệu người, mỗi miền giả dụ có 25 triệu. Như thế, có ít ra là chục triệu người ở tuổi trưởng thành, tuổi hiểu biết, đã không có cách để tự mình tìm hiểu cho nên không biết một tí gì về Miền Nam từ 1954 đến 1975, ngoài hiểu biết qua Đài, hay qua những tờ báo viết bởi các cây bút ăn lương nhà nước. Hãy tưởng tượng khoảng trống mênh mông trong đầu óc 25 triệu người này về một nửa Dân Tộc, đồng bào của họ. Khoảng trống tâm thức ấy chính là khoảng phân chia đau đớn giữa người Việt Nam với người Việt Nam.

Đó lại chỉ là lớp độc giả vắng mặt thứ nhất. Còn một lớp độc giả vắng mặt nữa, tạm gọi là lớp thứ hai: những người không biết gì về 20 năm Văn Học Hải Ngoại. Nếu người độc giả này sinh ra vào năm 1950 ở Miền Bắc, cho tới nay 48 tuổi, nếu tình cờ thấy một tờ báo Hải Ngoại, họ không biết những cái tên như Nhất Linh, Khái Hưng, Võ Phiến, Mai Thảo, Lê Tất Điều, Tô Thùy Yên, Nhã Ca, Phạm Công Thiện, là gì, đừng nói tới lớp nhà văn trẻ hơn.

Đối với anh ta, 20 năm phân ly đất nước và 23 năm hải ngoại của chúng ta: có tới 43 năm xa lạ với đầy đủ ung độc, rong rêu, tù hãm và băng hoại do sự phân tán và khác biệt gây ra. Trong suốt 48 năm hiện diện ở đời, ví dụ biết đọc tiểu thuyết như tôi vào năm 8 tuổi, thì từ 1954 đến nay, anh ta chưa một lần được đọc sách của các nhà văn nhà thơ vừa kể trên, và những người đồng thời, hay kế tiếp khác. Có tới 40 năm chúng ta trống vắng trong lòng anh. Sự trống vắng của nhiều thế hệ đồng bào trong lòng anh. Và anh chỉ là một người, trong số 25 triệu giống như anh vào năm 1975. Tới nay, 1998, hình như dân số Việt Nam đã là 75 triệu người, con số như anh còn nhiều hơn nữa.

Chuyện gần đây nhất cho thấy sự trống vắng này. Nhà văn Phạm Thị Hoài, tác giả THIÊN SỬ và MARIE SÉN, khoảng trên 30 tuổi, tốt nghiệp Đại học Hà Nội, (hình như về

môn Sử), đã không phân biệt được danh từ SÉN và danh từ XÉN. Cô viết: [*Có người cho "sén" quan hệ với "sen" (trong "con sen"), và "xén" (trong "cô hàng xén"), đều chỉ cô gái bình dân hoặc hạ lưu.*] Qua hơn mười dòng nữa, cô Hoài viết: [*"Sén" trong "nhạc sén" dùng để chỉ thứ nhạc mùi mẫn, da dằm.*] (Danh) Từ này xuất hiện ở miền Bắc sau bảy lăm, vận vào một loại nhạc nhất định của miền Nam trước bảy lăm, sau ghép rộng rãi vào những loại nhạc, hoặc loại "gu" nghệ thuật bình dân, rẻ tiền, xi rô của/cho đám đông. Như vậy, xem ra cũng chính là thứ nhạc/nghệ thuật được các "cô hàng xén" và "con sen" ưa chuộng." (MARIE SÉN, phần phụ lục, Về Cái Tên Marie SÉN, trang 157. Có thể xem thêm *Khởi Hành* số 13/14, tháng 11/12-97, bài Khi Cô Tấm Bước Ra Ngoài Cổ Tích của Nguyễn Tà Cúc).



Nhà văn Phạm Thị Hoài là một cây bút được các nhà văn trẻ hải ngoại hết lời ca ngợi. Tôi đã đọc hết các tác phẩm của cô, kể cả Từ Man Nương Đến AK và Những Tiểu Luận. Tôi cũng trực tiếp hỏi về cô với một thầy dạy của cô ở Hà Nội, là giáo sư Trần Quốc Vương, chủ tịch Hội Sử Gia Việt Nam. Ông cho biết cô Hoài rất thông minh. Có văn tài. Nhưng khoảng trống đau đớn đã khiến cô viết như trên. Hôm đầu tháng 4-98, cách đây vài ngày, nhân nhà thơ Nguyễn Chí Thiện ghé thăm, tôi có hỏi anh về chữ SÉN, là ở Hà Nội, anh có nghe chữ đó không. Anh nói nghe luôn từ khi còn trẻ. Không giống như cô Hoài.

Một người thông minh trí thức như Phạm Thị Hoài mà sai lầm, sai lầm một cách tự tin, thì lỗi ấy không ở cô, mà ở nền giáo dục đã đào tạo ra cô. Ở khoảng trống đau đớn của Dân Tộc.

Chưa hết. Còn một lớp độc giả vắng mặt nữa, chính là con em chúng ta ở Hải Ngoại. Ví dụ chúng 4, 5 tuổi vào năm 1975, lưu lạc khắp thế giới cùng cha mẹ. Chúng nói đủ thứ tiếng, bao nhiêu trong số đó nói được tiếng Việt? Chúng không biết 20 năm trước, cũng không biết cả 20 năm sau. Lớp độc giả này nếu chưa vắng mặt bây giờ, cũng sẽ vắng mặt ngày mai. Lớp này cũng sẽ tạo ra những vắng mặt khác của Dân Tộc sau này.

Năm 1982, khi nghĩ về chuyện này, tôi có làm một bài thơ, đã in trong THỦY MỘC QUAN. Bài thơ nói về trẻ Việt lưu lạc khắp trái đất, hẳn nhiên chúng nói tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thái, tiếng Mã, tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Tiệp, tiếng Ba Lan...Giả dụ một ngày nào đó đám con ấy trở lại Đất Nước, chúng nói được hàng trăm thứ tiếng khác nhau. Và giả dụ chúng đương đầu với một thống khổ

chung, không lẽ chúng khóc bằng một trăm thứ tiếng khác nhau? Nhân loại đã có một tháp Babel, trẻ Việt cũng có riêng một tháp Babel nữa? Hy vọng là không. Và bài thơ của tôi hy vọng rằng các con có trở về, hãy chỉ khóc bằng một thứ tiếng là tiếng Việt mà thôi.

TRĂM DÒNG

Sinh ở đâu mà giạt bốn phương
Trăm con cười nói tiếng trăm dòng
Mai sau nếu trở về Quê cũ
Hy vọng ta còn tiếng khóc chung. (2)

IV.

HIỆN DIỆN

Trên tờ *Thế Thao Văn Hóa* số tháng 12-1997, xuất bản tại Sài Gòn, đã dành nhiều chỗ nói về hiện tượng mà báo này viết là Cuộc Sống Mới Của Những Cuốn Sách Cũ.

Bài báo ngắn, chỉ có một cột, trên trang 26. Nhưng ở trang 28, cũng số này, có một thông tin khác, nhan đề Sách Bán Chạy Nhất Tháng 11-1997. Trong những cuốn bán chạy nhất, phần lớn là những cuốn của các tác giả tiền chiến: *Nửa Chừng Xuân* của Khái Hưng, *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh, *Tập Truyện Ngắn* của Vũ Trọng Phụng, *Sống Mòn* của Nam Cao, *Truyện Tiền Chiến* của Tô Hoài, nhiều cuốn của Nguyễn Hiến Lê (có kể ra *Đại Cương Văn Học Sử Trung Quốc*, *Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ*, *Khổng Tử...*), *Lịch sử Khẩn hoang Miền Nam*, *Hương Rừng Cà Mau* của Sơn Nam,... (Có thể xem thêm *Khởi Hành* số 15, tháng 1-1998, trang 2). Bài báo có ghi chú: "Số liệu do Công ty Phát hành FAHASA cung cấp".

Sách cũ bán chạy hàng đầu ở Sài Gòn vào cuối năm 1997, vì sách cũ mới tìm ra độc giả vắng mặt. Sách cũ trước 1975 ở Miền Nam đang là sách mới được đọc nhiều nhất tại Việt Nam, 1997.

Không bao lâu nữa, khoảng trống đau đớn sẽ được lấp đầy.

Tưởng bây giờ là bao giờ

(KIỀU)■

Bài Nói tại Atlanta trong dịp thành lập Trung Tâm Văn Bút Georgia, 1995. Sửa lại tại Little Saigon, California, Tháng Tư 1998.

(2) Bài thơ này in trong *Thủy Mộc Quan*, trang 38. Sách do Thời Tập in năm 1982, Hoa Thịnh Đốn; *Thế Giới tái bản tại California năm 1992. Học giả Huỳnh Sanh Thông dịch ra Anh ngữ, in trong Vietnam Forum*, 1983. Bài này được dùng để mở đầu cuốn *LANDSCAPE AND EXILE*, tuyển tập các nhà văn lưu vong thế giới của tiến sĩ Marguerite Guzman Bouvard, trang xiii, do Rowan Tree Press, Boston, Massachusetts xuất bản, 1985, (ISBN 0-937672-16-5).

A HUNDRED TONGUES

Born somewhere, scattered out to the four winds,
a hundred children will speak a hundred tongues.
Tomorrow, if we all should go back home,
let's hope we'll speak the common speech
of tears.



TIẾNG VỌNG QUÊ HƯƠNG

Tặng Lê Văn Vị, K3 Thủ Đức

Sớm nay lần đầu tiên
Sau bốn chục năm dang dẵng
Tôi diện thoại về nhà
Nơi thành phố Hà Nội
Có cây sấu cây me
Mùa xuân hoa đào nở
Mùa hè tiếng ve ca
Mùa sen sóng hồ bạc
Thu về hương hoa quả
Nhấn ổi cốm hồng na
Càng nhắc càng thêm thêm
Bún ốc nhồi rau muống
Ăn ngon tuyệt cú mèo
Tìm đâu ra mà ham!
Lần đầu tiên trong đời
Ôi tha thiết
Và biết bao mừng tủi
Làn sóng điện viễn liên
Ta cảm ơn người nhiều.

"Này đây anh Vị già"
Của con người sáu tám
Nghe xa lạ muốn phần
Tiếng ông già ồm ồm
"Âm thanh đầu vô cái"
Sau mới biết chỉ là
Đổi thay vì cải tạo
Tù đầy tiếng dăng ta.

Ôi người anh uy dũng
Thời Protectorat
Dẫn đầu học sinh Việt
Đi đánh tội trò Tây
Vang danh nhiều năm tháng
Cựu học sinh trường Bưởi
Cả trường nể vì anh
Giờ nghe tiếng sao nhĩ
Sau nhiều năm tù đầy
Ăn lá sắn dây khoai!

Em hẹn anh cuối năm
Sẽ về thăm quê Mẹ
Liệu anh chân còn vững
Cùng nhau đua bơi không?
Nhớ xưa anh một mình
Vượt Hồ Tây trong xanh
Hàng tuần chúng ta bơi
Hai cái đầu nhấp nhô
Trên làn sóng hồ trắng
Hẹn nhau bên bờ thôi.

Có lần coi múa lân
Bọn du côn đứng múa
Không cho anh nhìn coi
Đuổi anh ra nhường chỗ
Anh bức mình phần nộ
Liền lập tức ra oai

Giật di đầu sư tử
Xem chúng làm gì ta
Bọn chúng nghe oai anh
Liền năn nỉ xin lỗi
Giờ đây nghe tiếng anh
Như vọng từ đáy vực
Của gầy mòn bệnh hoạn.
Hôm qua nghe người bạn
Từ Hà Nội 54
Vừa về thăm Hà Nội
Có ghé nhà thăm anh
Nói "cái bạn khốn nạn"
Bắt anh uống thuốc lao
Làm hư mòn lá phổi
Làm hấn phải tức giùm
Còn tôi nghe rơi lệ.

Than ôi người anh tôi
Tài hoa đủ mọi mặt
Từ đánh bi đá cầu
Môn nào anh cũng nhất
Đi câu lại càng tuyệt
Trong ao cả chục cần
Riêng mình anh cá cần
Mang về khoe cả sấu!

Đi săn mồi anh thích
Săn vịt săn chim gáy
Chưa hề về tay không
Đá cầu ôi trái cầu
Rơi từ đầu xuống chân
Qua cái vai cái gối
Rồi tung ngược trở lên
Rớt theo khuôn ngực xéo
Lại trúng đầu ngón chân
Đá văng lên trên không
Lộn một vòng xuống đất
Dùng gót hất văng lên
Dùng đầu đỡ nhẹ nhẹ
Trái cầu như hân hoan
Rơi theo lòng người đá
Cả nửa giờ biểu diễn
Trái cầu văng tung tăng
Chưa muốn xa không khí
Cuối cùng anh đỡ nhẹ
Bỏ vào túi đi luôn
Mặc cho tôi bờ ngỡ
Nhìn sân trống buâng khuâng
Như vừa mơ giấc lạ
Anh tôi bị mẹ rầy
Đôi giày mau mòn gót
Vì đá bóng đá cầu.

Tài đàn sáo của anh
Thực làm tôi thần phục
Bài *diligence sous bois*
Tiếng madoline rộn rã

Như chân ngựa, đá reo
Của chiếc xe qua rừng
Tiếng suối reo, chim hót
Tiếng nhạc tiếng ngựa hí
Tôi nghe như lạc theo
Chuyến xe về xứ lạ.

Tiếng sáo thần của anh
Như thác ngàn đổ xuống
Một vụng thăm không màu
Rồi chan hoà tỏa ra
Màu nước bạc xa xa
Trôi về miền biển rộng

Có lúc sáo run lên
Như thương hoa sắp rụng
Như sợ nắng tan mau
Trong lòng tôi nóng bỏng
Những ước vọng nhiệm màu
Theo tiếng sáo bay cao
Làm chim trời biển sóng.

Bạn bè của anh tôi
Dù ở xa phương trời
Vẫn phục người uy vũ
Không khuất phục bạo tàn
Ra tay giúp kẻ yếu.

Có lần trên hè phố
Một em bé hàng rong
Đang đứng bán táo giấm
Xe prevost tây say
Đụng bể luôn bốn táo
Còn đòi bắt em đi
Anh ra tay can thiệp
Đòi phải đền tiền em
Nếu không thì đi kiện
Cuối cùng tây chào thua
Người anh nhiều máu nóng.

Khi hòa bình trở về
Năm 54 hồi ấy
Anh là sĩ quan tây
Bỏ cuộc sống vinh quang
Cà phê thuốc lá rượu
Để sống với gia đình
Chung vui trên đất mẹ
Xây đắp cuộc sống lành
An khang niềm mơ mộng
Của người dân yêu đời
Yêu tình người chân thật.

Bốn mươi năm xa cách
Giấc mộng thật nhỏ nhoi
Bọn cộng sản ác tàn
Đã gây bao chua xót
Để lại bao oán than
Nước hồ tây ứa lạt
Hoa Phượng cũng thẹn thùng
Tiếng ve thêm nức nở.

SONG HỒ

THIÊN THU

Xác đã chết rồi
Nơi nghĩa địa.

Hồn còn sống mãi
Chốn phòng thư.

Đá kia cứng dần
Còn tan vỡ.

Giấy này mềm mỏng
Chẳng hoại hư.

Thịt xương trả Đất
Không thể thiếu.

Tim óc cho Đời
Thế mà dư.

Thế nhân đều biết
Điều hơn thiệt.

Không phù du
Mà là Thiên Thu.



Lê Đức Vi

GIỮA DÒNG NGUYỄN TÀ CÚC

Việt Nam là một nước nhiều sông rạch. Biên giới của cả một nửa nước tiếp giáp với Thái Bình Dương. Lịch sử Việt, ngay từ thời khai quốc, cũng đã có nhiều giai thoại, huyền thoại, chứng tích liên quan đến sông biển, nước. Khởi đầu cũng là một sự chia lìa khi Lạc Long Quân nói với Âu Cơ để mỗi người mang 50 con ra riêng, nửa lên núi nửa xuống biển.

Những cuộc tình duyên kế tiếp, trọn vẹn hay chia lìa, cũng có sông nước làm địa điểm, nhân chứng. My Nương bị cha già Thục Phán giết oan trên bờ biển vì Trọng Thủy, máu nàng làm những hột ngọc trai vùng này bóng lộn hơn. Sơn Tinh can qua với Thủy Tinh. Công chúa Tiên Dung gặp Chử Đồng Tử khi quây màn tắm, nước đổ làm lộ anh chàng không có cả một chiếc khố che thân. Khi Tiên Dung và Chử Đồng Tử hóa tiên, chổ ở cũ thành Đầm Nhất Dạ. Huyền Trân công chúa với cuộc thủy trình về lại quê hương dài bất thường (gần hai năm) cùng với tướng Trần Khắc Chung.

1 Thế kỷ làm than nhân loại ốm
Trời đau nhan sắc ám mây đen
Tháng tư huyết hải trào trong miệng
Thượng Đế se mình giáng lộn kinh
(Viên Linh)

Những cuộc can qua trong lịch sử với những giòng sông Gianh, Bến Hải. Tháng tư, 1975, dân Việt thoát thân ra khỏi nước bằng đường sông rồi đường biển. Vô phúc thuyền tan thì "nuôi cá". Chẳng may bị vỡ lỗ, công an, lính tuần phòng bắt được thì "má nuôi con" ít nhất là vài tháng. Nếu đã từng bị bắt trước đó có thể vài năm tù nữa là thường. May mắn xuôi chèo mát mái, dù bị cướp bóc, hăm hiếp, sống sót thì được các quốc gia khác nhận để làm lại cuộc đời. Mà việc đầu tiên phải làm ngay là kiếm tiền gửi về cho những người còn trẻ cũng có phương tiện ra đi như mình. Mẹ cha già không đi nổi thì "con nuôi má" Hầu như không có gia đình người Việt nào mà không ở trong tình cảnh này, có người hội đủ cả ba hoàn cảnh trên, cộng thêm những mất mát hãi hùng trên biển cả.

Trong hoàn cảnh rối bời ấy, người Việt sống sót vẫn viết. Mới đầu chỉ là những tờ thông tin vài ba trang. Sở trường này là của những du học sinh chống cộng đang ở ngoại quốc. Một sớm một chiều, bức màn đen sập xuống, họ không biết gia đình, bạn bè sống chết ra sao. Nghe những tin đồn sách bị tịch thu, phá hủy bên nhà, họ lật đật xung công hết những sách chữ Việt mà họ mang theo được, làm một thứ thư viện lưu động. Khi bắt liên lạc được với những người bạn chạy thoát, một trong những câu đầu tiên mà họ hỏi là "Có mang đi được cuốn sách nào không?"

Thư viện chổ bạn ở có sách Việt Nam không? Làm ơn copy rồi gửi cho tui ngay..." Họ xúm nhau viết những cuốn sách thô sơ dạy trẻ em học tiếng Việt. Họ lăn vào những công việc tình nguyện. Họ không được chính phủ nào giúp đỡ, cũng không biết đến những loại ngân sách của chính phủ dành cho việc văn hóa. Mà thời đó, miền Nam mới bị xóa tên trên bản đồ thế giới, không chính phủ nào nghĩ đến việc làm này cả. Họ thay nhau đánh máy bản thảo, bỏ dấu, rồi hề hui góp tiền, xin tiền để in sách của tác giả miền Nam hay bất cứ tác giả nào chống cộng. Không riêng gì họ, nhiều giới khác cũng tham dự tích cực. Tờ Văn Học Nghệ Thuật bộ Mới, số 2 (tháng 6, 1985, chủ nhiệm Võ Phiến, chủ bút Lê Tất Điều, thư ký tòa soạn Nguyễn Mộng Giác) có đăng một quảng cáo như vầy:

Bạn thích nữ nghệ sĩ Kim Cương trong các vai cô gái quê.

Bạn thích chương trình gia đình Bác Tám

Bạn sẽ không bỏ qua truyện dài:

LỚP SÔNG PHỂ HÙNG

của Hồ Trường An

Một tác phẩm đồng quê với lối văn giản dị và diễm, cam đoan làm hài lòng các ông già vố, các bà già trâu mà còn làm thỏa mãn những kẻ yêu quê mền đất.

Sách do nhóm Phong Trào Thanh Niên Hành Động xã hội xuất bản. Sách biểu không. Địa chỉ liên lạc:

182 bis Rue de Charenton

75012 Paris, France

Tel: (16-1) 344. 49. 75

Sau này mới thấy hội các cụ "bô lão Diên Hồng" hoạt động chứ lúc đầu, toàn thấy nhóm, đoàn ...của các "thanh niên" thôi. Nhưng họ không phải là những người chuyên nghiệp viết, chuyên nghiệp phổ biến tin tức mà quan trọng hơn, họ không chuyên nghiệp hay ràng buộc gì nhiều với việc viết văn đang ở vào cái lúc cần "đem tâm tình viết lịch sử" (Nguyễn Mạnh Côn). Việc ấy phải đợi đến các nhà văn, nhà thơ, ký giả sau khi đã tạm yên phần sinh nhai, nôm na là cái phần "thê tróc tử phục".

2 ...Mỗi tác phẩm là một hồ sơ cáo trạng.
Văn học và nghệ thuật Việt- Nam hải ngoại được nuôi dưỡng bằng tủ nhục đó, lớn lên trọn vẹn là một nền văn học và nghệ thuật lưu đày...(Vũ Khắc Khoan)

Lục tục, các nhà văn tiếp nhau xuất hiện làm báo, viết văn, làm thơ. Tây Hoa Kỳ có tờ Văn Học Nghệ Thuật ra đầu năm 78. Đông Hoa Kỳ có tờ Thời Táp (chủ nhiệm Viên Linh) ra đúng

*Má ơi, con lạy má, con đi
Một là con nuôi cá
Hai là má nuôi con
Ba là con nuôi má*

(Xuất hiện sau 1975, sau khi Nam Việt Nam mất, chỉ tâm tình của người dân Việt bỏ trốn ra ngoại quốc bằng đường biển để lánh nạn Cộng Sản)

tháng 4. 79. Khá tẻ nữa, họ loay hoay in sách của chính họ hay những tác phẩm chống cộng. Thí dụ điển hình là tập "Tiếng Vọng Từ Đáy Vực" do dịch giả Nguyễn Hữu Hiệu và nhà thơ Viên Linh xuất bản năm 1980 của nhà thơ Nguyễn chí Thiện, lúc đó đang bị tù vì chống cộng sản tại Việt Nam. Tập thơ này do chính nhà thơ Nguyễn Chí Thiện liều mình xông vào tòa Lãnh Sự Anh tại Hà Nội và giao cho một nhân viên sứ quán. Nhiều tổ chức khác, sau đó, cho phổ biến rộng rãi hơn cũng bằng cách biểu không. Như thấy trong mục Thư Tín của tờ Nhân Văn (Chủ nhiệm Thượng Văn- Phụ trách ấn bản Úc Châu: Hồ Đắc Túc, Thường Quán):

-...nếu quý vị thích có tập thơ Tiếng Vọng Từ Đáy Vực, của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện, xin gửi một đồng tiền tem đến địa chỉ sau đây và cho phép chúng tôi một thời gian từ hai đến bốn tuần lễ để gửi sách tặng đến quý vị...

(Nhân Văn, số 49, tháng 8. 86)

Lúc đó, cái cảm tưởng bị phản trần lan. Chống cộng là đương nhiên. Không có vấn đề xét lại. Nhưng cũng như những giai đoạn lịch sử trước đó, văn chương không tránh khỏi cái bóng của thời thế. Có khi hắt hiu, có khi sáng lòa nhưng cái bóng thời thế vẫn lủi thủi đi sau, đi ngang hay tiện dịp, muốn lẩn lên lên đàng trước. Dòng sông văn học tưởng đâu chỉ có một dòng, sau chỉ mười năm đã phát hiện nhiều nhánh. Một lần nữa, các nhà văn trở lại tình cảnh vài mươi năm trước kia, như số nhà cầm bút miền Bắc di cư vào miền Nam. Chỉ khác là lần này, thay vì vượt một dòng sông, lại là một bể cả mệnh mông, xa cách hơn nhiều. Thay vì chống cộng nhiều hay ít, hoặc đứng dưng như tại miền Nam sau 54, đã có những vấn đề khác với những nhiều nhân sự khác.

Sau hai mươi ba năm, các nhà văn Việt viết tiếng Việt, từng cầm bút tại Việt Nam trước 75 hay thực sự viết tại ngoại quốc sau 75, không thể nào không dính líu ít hay nhiều tới hiện trạng này. Một việc rất đơn giản buổi đầu (phải chống cộng chứ) nay xoay ra chống bằng cách nào, cách nào thì chấp nhận được, có nên chống nữa thôi, tại sao số nhà văn này vẫn chống quyết liệt nay không chống nữa, tại sao nhà văn kia vẫn tiếp tục...

3 Và ở Sài Gòn vẫn còn Bùi Giáng
Tối tối về chùa đêm làm thơ
Ngây ca múa khóc cười giữa chợ
Kẻ sỹ điên thế kỷ mù rồi...
(Mai Thảo)

Nhìn lại các tác giả và báo chí văn học xuất bản tại Hoa Kỳ- nơi quy tụ đông đảo người Việt "chạy giặc" và người viết nhất - người ta cũng

Người Việt di tản đều được chở tới Guam, tạm trú trong Thành Phố Lều (Tent City). Những "tờ báo" đầu tiên: nhắn tin, tìm thân nhân, bạn hữu; giấy là đủ thứ viết lên được, kể cả các đĩa giấy.
 Hình P.J. Ryan, Pacific Daily News.
 Tài liệu Nguyễn Tà Cúc.



thấy thay đổi, nhiều khi rất rõ ràng. Điển hình là tờ Văn Học Nghệ Thuật. Tự nhận là "tạp chí văn nghệ đầu tiên của người Việt hải ngoại", tờ này phát hành số đầu tiên vào đầu năm 1978 mà chủ nhiệm là Võ Phiến, chủ bút Lê Tất Điều, giám đốc trị sự Trần Đình Long. Ra được 13 số thì ngưng. Tờ này ra số tục bản bộ mới vào tháng năm, năm 1985 cũng với các ông Võ Phiến, Lê Tất Điều, Trần Đình Long nhưng thêm thư ký tòa soạn là Nguyễn Mộng Giác. Ông Võ Phiến từng bị chính quyền Cộng Sản kết án tử hình khiếm diện, ông Lê Tất Điều tiếp tục chống cộng ra mặt bằng nhiều bút hiệu: Cao Tần với "Thơ Cao Tần" năm 1977, Kiều Phong với "Một Quả Cười Mùa Xuân" (Bút Lửa xb, 1978, Hoa Kỳ; Văn Nghệ tái bản 1989, Hoa Kỳ), Chân Dung "Bác" Hồ (Bất Khuất, Hoa Kỳ, 1989)... Nhưng sau khi Văn Học Nghệ Thuật đình bản sau đó không lâu (tháng 1.86), giới thiệu và giao cả độc giả dài hạn lẫn chủ trương lại cho ông Nguyễn Mộng Giác lập tờ Văn Học thì càng lúc càng rõ nét có một hướng đi khác.

Mới đây nhà văn Mai Kim Ngọc (cũng trong nhóm chủ trương Văn Học) chính thức kêu gọi "về nguồn", không những thế còn mặt sát những người trẻ bất đồng ý kiến với tác giả về việc trở "về nguồn" xây dựng quốc gia nhà và kết tội lớp người già là ra đi mang theo một thứ hận thù truyền kiếp.

Thay đổi một cách nhẹ nhàng hơn thì có tờ Văn. Nhà văn Mai Thảo sau khi không kham được nữa vì lý do sức khỏe, đã giao tờ Văn lại cho nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng không lâu trước khi qua đời. Mai Thảo nhìn thấy sự thay đổi phải có ấy trước hơn ai hết thấy cho nên gần 4 năm trước khi chết, ông đã nói thẳng:

[...] Có một điều tôi muốn nói về tạp chí Văn. Tờ Văn và tôi là hai thực thể không thể chia cắt. Tôi nghĩ rằng trong một tương lai không xa tôi sẽ cho đình bản tờ Văn. [...] Rất nhiều bằng hữu của tôi không muốn tờ Văn bị đình bản, họ có thể lèo lái cho nó sống. Nhưng đó là một tờ báo khác, chỉ có cái vỏ là tờ Văn mà thôi, còn cái ruột có thể là một tờ nào đó. Tôi không để cho tờ Văn mang hình ảnh của một con ốc mượn hồn...

(Gối Đầu Lên Chữ Nghĩa- Phỏng vấn nhà văn Mai Thảo, Hoàng Khởi Phong, Văn Học số 101, tháng 9. 1994, trg. 9, Hoa Kỳ, Chủ Nhiệm Trịnh Y Thư, Chủ Bút Nguyễn Mộng Giác.)

Lời tiên tri này rất đúng. Chủ nhiệm (quá cố) Mai Thảo người cao lênh khênh, ốm nhom ốm nhách những xương cùn cùn, không nói thì thôi mà hễ nói thì cả nước phải nghe, không thì ông quát cho phải biết. Chưa kể cái tính nát rượu.

Nhưng lúc nào những câu những chữ viết ra cho bạn bè, cho người đi sau cũng từ tế, lịch sự. Ông khen có chừng, ông phê có mực mà không chê ai cả. Người đọc nhận ra lòng thành của ông với văn chương, với đồng nghiệp, với những người viết mới dù ông không có may mắn như nhà văn Võ Phiến là khám phá được những tài năng mới, nhất là tài năng phái nữ như khi ông họ Võ trông nom tờ Bách Khoa.

Ông họ Hoàng lên thay cho một ông trùm văn nghệ như Mai Thảo kể đã khó khăn, vất vả rồi mà dù không so sánh thì ông cũng khác nhiều lắm. Trùm Mai Thảo đi đến đâu nổi đình nổi đám, đến nổi ngay khi còn sống, ông đã tưởng tượng ra là "miếu đền" có tên ông. Sự khác biệt giữa hai người càng rõ hơn qua mục Sổ Tay:

... Tại nhà Nguyễn khắc Nhân câu chuyện bỗng nổ ra một hướng khác. Một khách trẻ của gia chủ bỗng nhiên đề cập đến vài tên tuổi trong giới văn học nghệ thuật, và anh thắc mắc tại sao có một khoảng cách quá lớn giữa tác giả và tác phẩm. Anh đòi hỏi con người làm văn học nghệ thuật trước hết phải là một con người đạo lý... (Sổ Tay Tháng Mười Một, Nguyễn Xuân Hoàng, Văn số 162, tháng 11. 1996)

Cam đoan nếu là Mai Thảo thì ông sẽ không viết ra để gọi thắc mắc (đương nhiên) cho độc giả về "đạo lý" của "tên tuổi" nào đó mà vì "tên tuổi" thì chắc chắn là phải có quen biết với ông rồi. Trong đời Mai Thảo, phải biết là có vô số những buổi "năm ngày tiệc nhỏ, ba ngày tiệc lớn" Nhưng không bao giờ ông viết ra về những câu chuyện nói nhăng nói cuội trong bàn tiệc, trong vòng thân hữu.

Nhưng cái chính vẫn là quyết tâm chung thủy với văn chương. Trước sau, Mai Thảo vẫn là người nặng lòng với bạn hữu còn ở lại và tờ Văn của ông thể hiện việc làm ấy công khai, minh bạch. Minh bạch đến nỗi ông từ chối không để ý nhiều đến văn chương của "phía bên kia":

...Cái đọc một đời của tôi, ưu tiên là đọc những bằng hữu của tôi trước đã. Những bằng hữu đó, trong suốt mấy chục năm vừa qua, đã phải đi vào con đường khổ hình gọi là đi tù. Cộng sản bắt họ đi tù, họ không còn viết gì được nữa, hoặc là những điều viết ra đều không được nhắc, in ra, không được phép phổ biến..."

(Phỏng vấn Mai Thảo, Nguyễn Nam Anh, Thế Kỷ 21, số 56, tháng 12.1993, Hoa Kỳ)

Hai lần vượt sông cùng biển, thái độ các nhà văn - chống hay không chống cộng- giải thích như thế nào? Liệu tiếp tục chống bằng cách nói mãi như Nguyễn Chí Thiện, như Lê Tất Điều có lỗi thời quá không? Có ai muốn nghe nữa không? Lần vượt sông Bến Hải, khi thế lúc đầu bùng bùng. Mới chỉ có mặt miền Bắc, vẫn còn miền Nam để làm lại, anh em - nhất là anh em di cư văn nghệ-bảo nhau thế. Nguyễn Mạnh Côn "đem tâm tình viết lịch sử", Mai Thảo thời kỳ mới vào, Chu Tử, Nguyễn Hoạt, Đoàn Quốc Sỹ... viết rất mạnh. Sáng Tạo ra đời. Nhưng chưa được mười năm, cái ồn ào ấy lắng hẳn xuống.

Lúc đó là thời kỳ chán ngán, sẫm soi chính mình kiểu "tôi nhìn tôi trên vách" (Túy Hồng), hoặc thật ra nếu không trên vách thì chỗ nào cũng thấy tôi là tôi. Rất nhiều tác phẩm mà nhân vật chính là

"tôi". Cũng có thấy cái khó khăn, cái đau đớn, cái chia lìa ...gây ra bởi chiến tranh nhưng tội do ai gây nên thì không thấy nhắc đến:

...Cho nên sa đọa, hoang mang, chán chường, độc tài gia đình trị, kiếp sống bất trắc trong thời chiến tranh, cảnh đời loạn lạc, tương lai bế tắc v.v...là đề tài của Nguyễn Thị Hoàng, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nhã Ca, Nguyễn Xuân Hoàng v.v...Những cái ấy là đề tài, chứ không phải chống cộng là đề tài...

(Tập Luận, Vô Phiến, trg. 89, Văn Nghệ xb, Hoa Kỳ)

Tình cảnh ấy có khác gì tình cảnh chúng ta bây giờ? Cũng mười năm sau khi thế bùng bùng tương tự, chúng ta không những có người quay lưng ẩn dật mà còn có người đặt vấn đề xét lại inh ỏi lên? Nhiều tác phẩm của chúng ta xoay lại thời mấy chục năm trước đây: chỉ ghi chép mà không có thái độ chống cộng. Ngày xưa ghi chép về gạo củi đắt đỏ, tình trạng thiếu an ninh, thuyết hiện sinh, buồn di bất tay, Sartre, Camus, Alain Delon, những mối tình diễm lệ đứt gánh nửa đường vì chiến tranh...Hồi này ghi chép về sự sinh sống chật vật khiến nhà văn không có thì giờ sáng tác, tình trạng ông bà già vào nhà an sinh, trẻ con vào nhà khuyến trị, thuyết cứu nước, luận đề giải phóng nhân dân Việt còn kẹt lại, các MC, phim bộ Hồng Kông, những mối tình diễm lệ cũng đứt gánh nửa đường.v.v...và v.v....

4 ...Ai là kẻ cầm bút ở miền Nam chưa bị tù đầy? Những người trốn khỏi thì đành lưu lạc tha phương vô hạn định. Xưa nay có một giới nào trong xã hội ta đóng góp cho xã hội với một tỷ lệ cao hơn thế? Đó là một bất hạnh cho văn nghệ. Cũng là một vinh dự cho văn nghệ. Chúng ta không thể để những hy sinh ấy qua đi trong quên lãng...(Vô Phiến)

Làm sao giải thích những hiện tượng này? Cho là nhà văn Mai Kim Ngọc- cũng là bác sĩ Vũ Đình Minh- là người thuộc giai cấp trưởng giả, xa quê hương đã lâu, chưa bao giờ phải đi gác cầu hay đối diện tử thần lúc ra trận nên cả tin Cộng sản. Nhưng còn những ông mặc áo lính, sao có ông quyết liệt chống đến cùng, lại có ông tham dự vào việc gọi là giải hòa bằng văn hóa, văn chương khi nhà cầm quyền tại Việt Nam bây giờ vẫn chưa cho văn nghệ có tự do?

Hồi đó những tác giả chưa phải chạy giặc như anh em văn nghệ di cư vào, họ ơ thờ với chuyện chống cộng là phải. Chứ bây giờ, đã nếm mùi cộng sản trong trại tù, sao vẫn có sự ơ thờ hay "hòa hợp hòa giải, về nguồn"? Sao vẫn Nam Bắc phân tranh, mà lần phân tranh này coi mỗi rắc rối, nhiều khê hơn vì xảy ra giữa những người từng cùng đứng một phía, cùng là nạn nhân của cộng sản.

Dĩ nhiên cái yếu tố góp phần không nhỏ vào việc ơ thờ lãnh đạm này của không riêng gì giới văn nghệ mà của cả nhiều giới khác nữa là người ta bỏ xứ càng lâu, người ta càng mất dần liên lạc, kinh nghiệm cần thiết để chống cộng. Thử nhìn sang phía bên kia xem sao: người cầm bút chống lại đã đành mà nhân dân- cái thành phần thấp cổ bé miệng- cũng chống cộng không kém. Sau khi người ta biết rõ thì cả nước chống bằng đủ mọi cách. Chống tích cực không được vì không có vũ khí thì chống tiêu cực bằng cách bỏ đi bằng thuyền, bằng đường bộ, bằng cách không sản xuất...Trước khi chết, Nguyễn Hiến Lê - nhà văn từng từ chối giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật do chính phủ miền Nam trao tặng- viết hồi ký bày tỏ sự sai lầm của mình về việc tin tưởng vào sự sáng suốt, trong sạch của giới lãnh đạo cộng sản cùng liệt kê những tội ác họ gây ra.

Nhưng khi xa xứ, với thời gian, mọi vết thương đều lành và người ta trở nên an phận, coi như một thứ "tai trời, ách nước" chung. Chưa kể, cái tâm lý chán nản đó còn được tiếp trợ bằng ngay cái kinh nghiệm đau thương đã xảy ra cho họ, cho phần đất miền Nam: bao nhiêu là quân lính,

vũ khí, lại có cả một đại cường quốc đứng đằng sau mà không xoay sở được, nói gì bây giờ, nói gì ở một nơi đất trịch? Lòng tin đã bị phá tan hoang, ngậm ngùi với người chết, chán ngán với người sống, tình thần đâu, nghị lực đâu mà "bước đi bước nữa"?

Còn nếu không lãnh đạm thì cũng những kinh nghiệm ấy sau 1975 (những ngày đầy đọa trong tù, những gian nan, khổ nhục khi ra đi, những cảnh huống nghèo đói quá sức tưởng tượng của con người, sự phá sản trầm trọng về đạo lý của cả một dân tộc), nhất là kinh nghiệm người cùng một nước mà có thể đối xử với nhau tàn độc hơn cả thực dân, người Tàu như bắt dơi phân mộ, phá hủy đền đài, miếu mạo, nghĩa trang...lại làm họ quyết tâm tìm kiếm một giải pháp để giải hòa mà cứu nước. Giải hòa bằng cách nào? Không thể bằng súng đạn nữa rồi. Cũng không thể bằng những tác phẩm chống kỳ cùng, chống quyết liệt. Đối với họ, "đề tài" không còn là "chống cộng" mà là "giải hòa". Nhưng ai là đối tượng của sự giải hòa này? Đây chính là tâm điểm của vấn đề khiến cũng mười năm nay- nghĩa là gần nửa thời gian chúng ta lưu xứ- đã có những cuộc thảo luận vòng vòng



hoặc những vụ chống đối mãnh liệt. Kết quả chưa biết ra sao nhưng rõ ràng là những cuộc thảo luận hay góp ý này chỉ có hay được sự tham dự của những người cầm bút có cùng ý định giải hòa. Những người cầm bút khác làm cho người ta có cảm tưởng rằng họ không bằng lòng nhưng họ cũng không muốn tranh luận. Trừ bài của Nguyễn Chí Thiện trả lời Nhật Tiến, những nhà văn này hoàn toàn không lên tiếng.

Nguyễn Chí Thiện, người không có quá khứ văn chương ở Việt Nam như những nhà văn khác, tiếp tục ra mặt chống lại Cộng Sản. Suy nhược nặng, ông vẫn sẵn sàng đi nhiều chỗ:

*Chế độ Mác Lê tôi sẽ đi nói nhiều
Tới mức phát nhảm phát chán
Vi thực tế không nhảm, không chán
Mà kinh hoàng ai oán lắm bạn ơi!
Tôi sẽ nói khắp nơi
Sẽ nói suốt đời
Nói tới muôn đời
Nói mãi!*

B ăng đi nhiều năm, ông Lê Tất Điều mới xuất hiện trở lại với cuốn "Thư Về Bloomington, Illinois." Đây là một tập gồm nhiều bài ngắn đã đăng rải rác trên Thế Kỷ 21, Văn, Khởi Hành. Chủ ý của ông là viết về những chân dung đích thực của một dân tộc đánh nhau tàn khốc, liên miên trong nhiều năm. Thấy các nhà làm phim sản xuất những bộ phim mà ông cho là làm nhem nhuốc những chân dung này, thấy các nhà

thông tin viết sai lầm về cả một dân tộc, ông xót xa, lo lắng lắm. Bao nhiêu người đàn ông Việt lịch sự, can đảm chẳng lẽ lại được đại diện bởi một anh chàng không nên thân như nhân vật công tử trong "Mùi Đu Đủ Xanh" (từng được đề nghị dự giải Oscar)? Hay người lính miền Nam thì bệ rạc, mọi rợ như thấy đóng trong "Trời Và Đất" của Oliver Stone? Có cô gái Việt nào lại "bạo" như cô nhân vật Lệ Lý? Nhìn ra chung quanh, thấy cả ta lẫn họ tung hô vạn tuế những trò nhảm này, ông bức lắm.

"Thư Về Bloomington, Illinois" là lập trường không thay đổi của một người (đàn ông) Việt nhìn thấy trước cái độc hại của một thứ chủ nghĩa vô nhân, bạc ác, phá hoại đến kỳ cùng nền tảng gia đình, đạo đức của con người. Cái độc hại ấy tràn lan bằng những thứ vô bồi nhọc cực kỳ thâm hiểm sứt tỹ nữa tàn hại hết cả những gì là tinh hoa của dân tộc. *Ngộ độc rồi, lại chuốc độc lẫn cho nhau* (thơ Phùng Quán, Nguyễn Chí Thiện thuật lại, Khởi Hành số 12, tháng 10, 97) Những nhà văn ở lại đều vào tù, những nhà văn thoát thân ra ngoại quốc, lạc lõng hoang mang trước tình cảnh mới. Nhưng nhờ văn chương, người ta- như Lê Tất Điều- nhìn quá được tình cảnh hỗn độn nhất thời mà tìm sự sống sót với cái vẫn được coi là siêu hình và trung thành với những giá trị tiêu biểu của một dân tộc mà chiến tranh gây ra từ sự thôn tính của Cộng Sản làm cho điều đúng.

Những nhà văn thanh niên của văn học miền Nam nay đã già hơn cả lứa tuổi của những Nguyễn Mạnh Côn, những Đoàn Quốc Sỹ, những Vũ Bằng... thời 54, thời Bến Hải. Thay vì tiêu tan nhuệ khí, họ tiếp tục viết, tiếp tục hoạt động để tưởng nhớ, lên tiếng cho những nhà văn còn bị giam giữ ở miền Nam hay là miền Bắc và không "giải hòa" với những người mà họ cho là có trách nhiệm đã giam giữ họ. Với họ, công, ác phân biệt rõ ràng: một đảng là đồng bào, dù là Nam dù là Bắc, đều là nạn nhân cả. Đã cùng là nạn nhân thì đâu có chuyện hiềm thù gì mà phải giải hòa? Sau nữa, miền Nam tuy có nhiều khuyết điểm, nhưng chỉ là những tai nạn trong một xã hội tự do với những người lãnh đạo bất tài, thiếu đức chứ không phải là chính sách. Như chính sách của miền Bắc là giam người dân vào tù bao nhiêu năm cũng được chỉ vì họ phải phục vụ chế độ họ đã sống tại miền Nam hay không để cho họ được tự do tư tưởng. Những thứ chính sách này hủy hoại con người mà bằng cơ thấy đầy dẫy ngay tại xã hội: những đứa trẻ tảo tợn, những thầy cô phải bán hàng rong, những "nhà văn" miền Bắc gọi kẻ chống lại mình trong quá khứ là "ngụy" hay vu cho họ đủ thứ tội ác tày trời. Dĩ nhiên miền Nam cũng có những kẻ bệnh hoạn, nhưng lần nữa, những trường hợp quá đáng ấy không phải là chính sách như chính sách của nhà cầm quyền miền Bắc (rồi cầm quyền cả nước Việt Nam) sau này. Những sự kiện lịch sử đã xảy ra như đầu tổ để con cái xử cả bố mẹ, chôn sống hàng ngàn dân Huế, xiềng chân lính (Cs) để họ chịu chết chứ không bỏ chạy được, pháo kích vào trường học, ân thưởng hay trừng phạt căn cứ trên lý lịch ba đời...là chính sách soạn thảo, toan tính rõ ràng để đạt được kết quả kinh khủng nhất mà nhà cầm quyền cộng sản mong muốn.

Trong bao nhiêu năm đảng đảng, từ lúc bị đánh cho đến lúc phải tháo lui, tâm tình người dân và người viết miền Nam không có sự hằn thù dữ dội, cá nhân đó. Nguyễn Bắc Sơn tự nhận là "lính cẩu", Tô Thùy Yên còn tưởng tượng những chuyện chỉ có nhà thơ mới tưởng tượng được:

*Ta phá lên cười, ta phá lên cười
Khi tưởng tượng người cùng ta gặp gỡ
Ở cõi âm nào người vốn không tin
Hồi nhau chơi thỏa chút tính bông đùa
Người cùng ta ai thật sự hy sinh
Cho tổ quốc Việt Nam - một tổ quốc...
Các việc người làm*

Người tưởng chừng ghê gớm lắm
Các việc ta làm
Ta xét thấy chẳng ra chi
Nên người hằng diễn, còn ta âm đạm
Khi cùng làm những việc như nhau...

(Tuyển Tập Thơ, tr. 71-72, Tô Thùy Yên, 1994, Imn xuất bản, Đức Quốc)

Dù sau khi thừa sống thiếu chết trong tù ra, văn thơ của họ cũng không có sự thù ghét, oán hận ty tiêu. Đa số những người trẻ cách đây chỉ 40 năm ở miền Nam viết tự do: viết về hiện sinh, ngã tư đèn vàng, nhạc chủ đề Nguyễn Đình Toàn với những lời than khóc của em-yêu-dấu... nay thành lớp người cầm bút đầu tiên ở ngoại quốc vì lý do chính trị. Cái kinh nghiệm đặc biệt này làm cho phản ứng họ cũng đặc biệt. Và khác biệt. Một đảng không tin họ có thể giải hòa với những người không muốn giải hòa mà vẫn tiếp tục cầm giữ bạn bè họ. Đảng kia quả quyết rằng cứ lo giải hòa đi cái đã vì họ cho rằng nhân dân hai miền vẫn còn hận thù nhau. Dù là loay hoay đi tìm được người Việt Nam nào đúng nghĩa thù hằn này quả cũng thiên nan vạn nan: lịch sử đã chứng tỏ là những đoàn tù (có cả cựu quân nhân) từ miền Nam ra vẫn được người miền Bắc tiếp tế ngay trước mắt lính gác bằng cách ném thức ăn cho (dù họ cũng đói nghèo thê thảm). Mà tù miền Nam cũng vẫn nhường thuốc, lợp nhà, chữa bệnh cho dân địa phương.

Lần chạy giặc thứ hai ít nhất kết quả trông thấy là người ta không có chỗ để lùi như lần chạy giặc lần đầu. Cho nên tuy lịch sử quay đúng một vòng (lại di cư, lại vượt sông, vượt bể) mà lớp sóng của những người vẫn chống cộng hay chống chính phủ thừa kế của cộng sản vẫn không chịu rút đi như vài lớp sóng trước họ. Lần trước, cái khí thế bùng bùng không giữ được lâu vì người viết chống cộng sau một thời gian ngắn ngủi chỉ hoạt động văn nghệ thuần túy. Nhóm Sáng Tạo và nhiều nhà văn di cư khác không xây nhà Ánh Sáng, không cùng là đảng viên của một đảng phái nào như nhóm Tự Lực Văn Đoàn, không đề ra chương trình nào để thay đổi xã hội, không tham gia chính trị... Họ nhập vào những người viết quanh họ. Họ không có ảnh hưởng đủ để hướng dẫn ai. Lần sau, những nhà văn bỗng dưng bị lưu đày biệt xứ sau khi không còn chỗ nào mà đứng ở quê hương mình, nhận ra điều mà họ đã hoặc không nhận ra từ quê nhà:

...Và qua những tin tức mới nhất mà Văn và nhiều diễn đàn bạn nhận được, ngót bốn chục nhà thơ nhà văn miền Nam khác cũng vừa bị bắt... Nó chỉ đặt ra lại với chúng ta đã ra đi, một ý thức trách nhiệm chung với người ở lại. Ý thức trách nhiệm này không phải là chưa có. Đã có. Nhưng chưa mạnh mẽ, chưa tận cùng, chưa thường xuyên, chưa tích cực. Ý thức trách nhiệm này phải được triển khai thành rộng lớn, thành tận cùng, thành thường xuyên, thành hành động....(Mai Thảo, Văn Một Kẻ Thù)

Khởi Hành chú trọng
Bán Qua Đường Bưu Điện
Giá \$24 mỹ kim một năm
12 số, kể cả bưu phí.
(Giá lẻ: \$3.50 một số)

Ngân phiếu để
KHỞI HÀNH
P.O. BOX 670
MIDWAY CITY, CA. 92655

...Chúng ta ở ngoài mỗi khi được tin dữ tất nhiên phải lên tiếng phản đối, tố cáo....Và yếu hơn nữa cái dũng lực của người ở lại. (Mặc Đỗ)

Lênh đênh qua bể Thần Phù này rồi ra lại là một lần biến động có liên quan nặng nề đến bể sâu, nước thăm. Số phận những nhà văn, lần này như những mỹ nhân, xuôi hay ngược dòng trầm luân, khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.

Phải đợi đến lần chạy giặc thứ hai, khi những người cầm bút miền Nam còn ở lại chịu sự bắt bớ, trừng phạt như những nhà văn miền Bắc trước đó; khi dân chúng cả hai miền nhận rõ ràng chân dung (tàn tẻ) đích thực của người cộng sản, những ảo vọng, mơ mộng của lần chạy giặc lần trước mới biến; dù biến từ từ, chậm chạp.

Cách đây gần 16 năm, văn học hải ngoại có phần lặng lẽ.

...Tại sao niềm im lặng mệnh mông? Tại sao nhà văn Mặc Đỗ, một trong những cây bút chủ chốt của nhóm Quan Điểm, đã im lặng?... Tại sao Võ Phiến của Thời Mới Bách Khoa đã không còn thấy tiếng? Người Tù của dĩ vãng chẳng? Trong Mất Lưới nào Dương Kiên đã mất?... Những Phan Lạc Tiếp, vườn xanh có khi nào Lá Mực? Rồi Nhật Tiến thao thức Thềm Hoang; Cao Tiêu trình gì sử lý? Những Trúc Chi mệnh mông hồi tưởng. Những Lê Tất Điều khắc khoải cơn mơ. Rực rỡ ngày nào trong dĩ vãng. Mù soi nhan sắc sớm hôm nay. Nhớ nhau hồi bóng tường im lặng. Lửa tắt lâu rồi anh có hay. (Viên Linh, Văn, 1982)

...Sau bảy năm, ngoảnh lại chưa thấy xuất hiện được mấy tên tuổi mới. Hãy nhớ lại hồi chúng ta còn ở trong nước: đâu có khoảng thời gian nào (cần cố) lâu đến thế? Tôi sốt ruột mong chờ một lớp mới...(Võ Phiến)

...Tuy nhiên những nỗ lực này chưa đủ để xác định được rằng đã có một dòng văn chương ở hải ngoại...(Nhật Tiến)

...Đâu những ngày Bếp Lửa
đâu những đêm Cát lầy
mạch thơ tràn theo ý
lòng vô ngại thênh thang...
(Nghiêm Xuân Hồng, Hình Hải)

Có ngờ đâu, Mai Thảo lẻo khoẻo, lẻo khoẻo mà duy trì được từ Văn cho đến khi nhắm mắt, Võ Phiến vẫn Thơ Thần quanh anh em văn nghệ, Lê Tất Điều viết (tâm) thư về cho Illinois và cho cả nước, Viên Linh hết làm báo Thời Tập lại Khởi Hành bằng hai bàn chân Giao Chỉ, Cao Tiêu vẫn còn làm thơ sử lý và hát á đào, Tô Thùy Yên in tập thơ đầu tiên của đời mình tại ngoại quốc, Phan Lạc Tiếp Lá đầu có Mực, vẫn có những lá mới, vẫn xuất bản đều đặn. Phan Lạc Phúc đi muộn nhưng vẫn kịp để viết bài ngậm ngùi khóc bạn Mai Thảo. Rồi Hà Thúc Sinh loay hoay Dưa Cỏ Mầm Muối, Hồ Minh Dũng tìm ra Câu Nam Ai Thất Lạc, Luân Hoán Gối Đầu lên Cổ Hoa, Hoàng Xuân Sơn Buồn Chi ở Canada cùng Lưu Nguyễn, Võ Kỳ Điền? Hiện tượng khác đáng chú ý là những hồi ký có nội dung như những "bản cáo trạng" mà nhà văn Mặc Đỗ nói đến cách đây mười mấy năm, bán rất chạy. Như Hồi Ký của Nguyễn Hiến Lê, Đêm Giữa Ban Ngày của Vũ Thư Hiên...



V.
Mấy thu lìa cửa lìa nhà
Văn chương đã chắt đầu mà trí thân
(Nguyễn Du)

Nguyễn Du, nhà thơ có những câu thơ bất an về đời sống trong một thời kỳ chưa hẳn đã "thái bình ba trăm năm cũ", gợi câu hỏi ấy cho nhà văn của những thời loạn lạc sau này. Văn chương có thể không là chỗ trú thân cho riêng ai nhưng rất có cơ là chỗ trú thân của sự thực. Một sự thực không cần tranh luận./



HOÀNG LỘC

VIẾT TẶNG CHIÊU QUÂN

Hán đế một lần lên ái bắc
mà lòng không dám giữ Chiêu Quân
chao ôi, uống một tay hùng liệt
dành chống gươm đau một khúc đàn

Thuở ấy làm vua ưa để tiếng
ngó ra trăm họ tưởng con mình
ví ông một quyết hoà ra chiến
đã tránh đời sau chút trọng khinh

Ông làm như chính ông từng đã
(thì đưa Mao Diên Thọ đấy rồi!)
Chiêu Quân kia với người thiên hạ
nỡ lòng ông chọn cái không vui

Ta chẳng từng lên chi ái bắc
gã làm thơ đầu thế là vua
ý như có bữa làm vua thiệt
một phút, quân reo giữa đất Hồ

Ý như có bữa làm vua thiệt
chỉ khắp bêu rêu một khúc đàn
tình ta, lại cả ta-quyền-lực
không để rời đầu em, Chiêu Quân!

NGUYỄN CHÍ KHAM

BUỔI MAI

Ngày qua thôn bản mưa còn ướt
Xứ lạ mùa sim tím giữa rừng
Lòng quê nghiêng mái chiếu dốc cũ
Suối chảy đầu còn nghe dừng dừng

Chiếc cầu đang xuống miền tóc bạc
Người già hẹp cửa dưới mây trôi
Thiếu nữ làm gì hoa trắng mãi
Một thời nhung nhớ bỗng xa xôi

Hôm ấy trên đường đi tải gạo
Niềm vui bờ ngõ gọi đôi lần
Vội thoảng nụ cười trong ánh mắt
Xin đời xanh lại tuổi yêu em

Sau mộng tàn phai cảnh hoá thần
Khi lòng thấp ánh lửa vô ngần
Buổi mai quê quán người du mục
Vỗ sóng lênh đênh tiếng gọi thăm

NGƯỜI TÌNH CỦA PASTERNAK

NGUYỄN PHƯƠNG TUẤN

NÀNG LARA CỦA BÁC SĨ ZHIVAGO LÀ MỘT K.G.B.?

Từ cuộc sống, người tình bước vào văn chương nghệ thuật và là nguồn cảm hứng của thi nhân, là khuôn mặt trên tranh của họa sĩ, là một nhân vật nào đó trong truyện của nhà văn. Olga Ivinskaya bước vào cuộc đời Boris Pasternak, là thư ký của ông, là người tình của ông, trở thành nàng Lara Shmara trong tác phẩm "BÁC SĨ ZHIVAGO", cuốn sách được trao giải Nobel văn chương năm 1958. Nhưng nay nàng Lara trong đời thực, người tình, nguồn cảm hứng, người phụ tá của Pasternak, bà Olga Ivinskaya, vừa bị phanh phui là đã phản bội Pasternak, đã báo cáo về ông với cơ quan mật vụ K.G.B.

Năm 1961, Olga Ivinskaya bị kết tội đã cấu kết với Pasternak và bị đưa vào tù. Từ trại khổ sai bà viết thư cho thủ tướng Liên Xô lúc bấy giờ là Nikita Khrushchev xin được trả tự do.

Trong thư bà kể công trạng đã cộng tác như thế nào với chính quyền hầu ngăn chặn Pasternak. Bà kể với lãnh tụ Xô Viết đã làm cách này cách kia để cản trở những cuộc gặp gỡ giữa nhà văn với người ngoại quốc, đã hợp tác chặt chẽ với Ủy ban Trung ương Đảng Cộng Sản Liên Xô cố gắng trì hoãn việc ấn hành tác phẩm "BÁC SĨ ZHIVAGO" ở phương Tây, một thiên truyện về một nhà thơ Nga cùng người tình của mình bị vây hãm trong cơn lốc cuồng loạn của cuộc Cách mạng Tháng Mười ở Nga. Bà còn thuyết phục Pasternak bỏ ý định rời Liên Xô sau khi ông bị ép buộc từ chối giải Nobel trao cho ông năm 1958. (Bức thư mới đây được đưa ra từ nguồn văn kiện lưu trữ trước kia thuộc Ủy Ban Trung Ương Đảng Cộng Sản và được đăng tải từng phần trên nhật báo Moskovsky Komsomolets ở thủ đô Mạc Tư Khoa).

Trong thư đề ngày 10-3-1961 Olga viết: "Tôi đã làm mọi sự trong khả năng của tôi để ngăn ngừa thảm họa, nhưng thật vượt quá sức tôi khi phải cấp thời hóa giải ngay hết mọi chuyện. Tôi muốn nói cho rõ rằng chính tự Pasternak đã viết cuốn truyện, chính ông ấy nhận tiền tác quyền theo cách thức ông ta chọn. Đừng mô tả ông ta như một chú cừu ngây thơ".

Việc công bố lá thư đã làm sững sốt văn giới, nơi Pasternak vẫn hằng được tôn sùng. Nó gây chấn động hơn là giận dữ.

Phần lớn người Nga đều quá biết về những vụ thỏa hiệp, sự bội phản mà hàng triệu người bị buộc phải làm để bảo vệ thân mình và gia đình khỏi tay mật vụ K.G.B. Nên trước những phát giác do vụ công bố bức thư, nhiều người bất bình, mà cũng có kẻ thích thú. Những người bất bình, trong số có cả trưởng nam của Pasternak, cho rằng bài báo có tính cách "mạ lỵ, thấp kém". Dư luận chung thì ngơ ngàng trước việc tờ báo công bố lá thư, viết cách đây 37 năm, nỗ lực tối hậu của một người đàn bà tuyệt vọng mong tự cứu mình.

Cụ bà Natalya Volkova, 70 tuổi, giám đốc Sở Văn Khố Quốc Gia về Văn Chương và Nghệ Thuật ở Mạc Tư Khoa nói: "Đó là bằng chứng cụ thể đầu tiên chỉ rõ Olga đã cộng tác với Sở Mật Vụ K.G.B. Thật ra mà nói, chúng tôi cũng đã đoán được chuyện này từ lâu".

Boris Pasternak và bà vợ sau, Zinaida, chụp năm 1957.



Bà Volkova cùng một nhóm nhỏ các học giả và giới trí thức tin rằng Olga đã hợp tác với mật vụ. Ít ai trong hoàn cảnh Olga mà không làm vậy.

Họ cũng có cảm nghĩ bà ta đánh giá quá cao sự quan trọng của mình trong vai trò nguồn cảm hứng và tình nhân của Boris Pasternak.

Olga Ivinskaya (Lara trong tác phẩm Bác Sĩ Zhivago) hợp tác với KGB?





Omar Sharif, Julie Christie trong vai bác sĩ Zhivago và người tình Lara, trong phim Bác Sĩ Zhivago

Cụ bà Volkova còn nói: "Bà Zinaida, vợ kế của Pasternak mới thực sự là thiên thần hộ mệnh ông". Bà mỉa mai: "Nhưng nhân tình nhân ái bao giờ cũng thú hơn vợ nhà".

Boris Pasternak có một đời tư phức tạp, tuy vậy không có gì phải nghi ngờ là ông đã từng yêu Olga, viết một số những bài thơ hay nhất của ông về bà, và vẫn một lòng một dạ với bà cho đến hơi thở cuối cùng.

Pasternak gặp Olga năm 1946, lúc ông 56 tuổi, đã có vợ và là nhà thơ nổi tiếng. Nàng Olga là một góa phụ yêu kiều, 34 tuổi, đang làm việc cho Tạp chí Văn học Novy Mir. Ông khởi sự viết "Bác sĩ Zhivago" năm 1948. Cuốn sách bị nhà cầm quyền Xô Viết kiểm duyệt ngăn cấm, cho rằng nó là một văn phẩm xúc phạm trầm trọng đến cuộc cách mạng Nga. Qua năm 1949, Olga bị bắt giữ, bị kết án bốn năm khổ sai về tội đã hợp tác với Pasternak.

Olga viết hồi ký ghi rằng trong trại tù bà đã bị sẩy thai, cái thai nhi có với Pasternak. Còn Yevgeny Pasternak viết tiểu sử bố, lại ghi: Mỗi liên hệ giữa bố tôi và bà Olga Ivinskaya chấm dứt vài tháng trước khi bà bị bắt. Trước đó hai người không mật thiết gì với nhau lắm, nhưng đến khi bà vào tù, bố tôi phải trợ giúp mấy người con của bà ta. Tôi quyết chắc nếu bà ta không bị bắt thì hai người sẽ chẳng thân cận gần gũi gì với nhau nhiều.

Yevgeny Pasternak tiết lộ thêm Olga vốn là cựu tù nhân thì hiển nhiên là cái đích cho K.G.B. chiếu cố đến, nhưng bố ông, tuy biết bà hằng tuần đều gặp gỡ các nhân viên mật vụ, vẫn tin tưởng bà ta bảo vệ bao che ông. Yevgeny Pasternak lại không chắc như thế, ông nói: "Thực ra chỉ có Trời biết bà ta có thể đã nói những gì về bố tôi".

Dù sao Yevgeny nói ông ta không muốn phán xét bà Olga qua một lá thư được viết khi bà đang ở trong trại tù khổ sai. "Khi bà ấy bị bắt giữ lần thứ hai thì còn biết làm gì hơn là viết thư cho Khrushchev?"

Năm 1953, khi Olga được phóng

thích lần thứ nhất, bà dọn tới ở trong một căn nhà nhỏ gần tòa nhà của Pasternak và trở thành thư ký riêng và chuyên viên lo về việc giới thiệu, ấn hành các tác phẩm cho ông. Ban ngày nhà văn kể chuyện với Olga, ban đêm ông mới trở về cùng gia đình vợ con. Chỉ một thời gian ngắn sau khi ông mất, bà Olga lại bị bắt vì tội chuyển lậu tiền tệ ngoại quốc - tiền bản quyền các tác phẩm của Pasternak mà bà thu nhận được từ phương Tây.

Bà ở tù bốn năm, rồi được chính thức phục hồi thân trạng năm 1968, cũng là thời gian "BÁC SĨ ZHIVAGO" được xuất bản tại Nga. Bà mất năm 1995, thọ 83 tuổi.

Trong tập hồi ký KÈ BỊ GIAM Hãm TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA bà viết chính quyền đã ép buộc bà đóng vai trung gian giữa họ và Pasternak. Bà kể lại đã cố sức ra sao để bảo vệ nhà văn khỏi những khủng bố đàn hặc của nhà cầm quyền.

Bà không đề cập gì về những chuyện báo cáo, tiếp xúc với nhân viên mật vụ như bà từng viết trong thư gửi Khrushchev.

Từ Paris, trong một cuộc nói chuyện bằng điện thoại Irina Yemelyanova, con gái của Olga Ivinskaya bảo: "Mẹ tôi lúc bấy giờ đang ở trong trại tập trung. Quý vị cứ thử tưởng tượng xem bà đang lâm vào một tình huống như thế nào?" Năm 1960 Yemelyanova cũng bị bắt giữ vì là kẻ đồng lõa với mẹ. Yemelyanova ở tù hai năm trước khi di cư qua phương Tây. Bà bảo bà khiếp đảm khi đọc bài báo về mẹ bà.

Yemelyanova nói: "Bức thư cũng chỉ là bức thư thường tình diễn hình như cả triệu thư khác do những người trong trại giam viết. Mẹ tôi trải qua tám năm trong trại khổ sai - bảo rằng bà là một nhân viên mật vụ K.G.B thì cũng thật hổ nhục cho bà"

Có những bất đồng ý kiến khá lớn giữa các vị học giả về mối liên hệ Olga - Pasternak. Những người thiên về Olga Ivinskaya xác quyết rằng bà là mối tình lớn trong đời nhà văn. Phe công lịch bà - cũng lắm kẻ - lại đưa ra luận điệu Olga khéo léo lợi dụng cái mặt cảm Pasternak tự cho là mình có tội để len lỏi vào cuộc đời nhà văn.

Bức thư gửi Khrushchev đã làm bùng nổ cuộc tranh luận.

Thêm chuyện nữa là cuộc tranh luận bộc phát như cái bóng đen u ám đúng vào lúc đang diễn ra vụ kiện tụng giữa những người thừa kế Pasternak và những người thừa kế Olga về quyền sở hữu những tài liệu, văn bản của Pasternak. Những tài liệu này thu từ nhà bà Olga sau ngày bà bị bắt, gồm luôn một phần bản khởi thảo tác phẩm BÁC SĨ ZHIVAGO với lời đề tặng Olga Ivinskaya. Những tài liệu này bị tịch biên vì bị xem là những văn bản có tính cách xáo động quần chúng chống lại chính quyền và được gửi tới Sở Văn Khố của cụ bà Volkova, rồi bây giờ chúng hóa thành "tài sản quốc gia".

Một năm trước khi lìa đời, bà Olga kiện Sở Văn Khố xin thu hồi các tài liệu của bà. Phản ứng của Sở Văn Khố là kết bè với những người thừa kế của Pasternak để chiếm giữ những tài liệu kể trên. Theo lệnh tòa án, mở tài liệu đó hiện vẫn nằm ở Sở Văn Khố, và vụ kiện cứ rỉ rả kéo dài.

Cụ bà Volkova lo ngại những người thừa kế của Olga sẽ bán những tài liệu trên ra ngoại quốc. Cụ nhắc ra vụ gần đây, những người thừa kế này xoay sở cố bán những bức tình thư Pasternak viết gửi Olga cho Trung Tâm bán đấu giá Christie's ở Luân Đôn. Những bức thư được rao bán khởi đầu với giá 700.000 đô la, nhưng chưa có ai mua.

Đối với một số người, lá thư gửi Khrushchev ít nhất cũng khiến ta nghĩ Olga Ivinskaya không đáng tiếp nhận những tài liệu trên vì bà bất xứng với mối tình Pasternak dành cho bà.

Lá thư gửi Khrushchev có thể làm khởi điểm đưa dẫn các nhà viết tiểu sử, các sử gia đào sâu thêm vào phần đời bí ẩn khuất dấu của Olga - Ivinskaya, nhưng bằng hữu và đồng nghiệp của Pasternak đều nghĩ nên để câu chuyện này lắng xuống, chum sâu vào lớp bụi thời gian yên tĩnh.

Nhà thơ Andrei Voznesensky, bạn thân của Pasternak nói: "Pasternak đã yêu nàng. Nay chúng ta có quyền gì mà phán xét người trong mộng của chàng". ■

HAI NĂM VỚI CÁC THẦN LINH

VICTOR HUGO NGUYỄN HỮU HIỆU

C tiếp theo và hết

à Chúa Jesus, Muhammad, Galileo và Isaiah. Cả con chim bồ câu của con Tàu Cứu Nạn của ông Noah và con Lừa của Tiên tri Balaam! Nhà văn André Maurois, trong cuốn sách viết về tiểu sử của Victor Hugo mang tựa đề Olympio (New York, 1956), đã nhận định rất đúng rằng: "Victor Hugo đã cực kỳ coi trọng những sự phát lộ (của những linh thần) này và (...) xúc động sâu xa khi thấy rằng những linh hồn đã nói bằng ngôn ngữ của chính ông, và công nhận triết lý của chính ông. Những cuộc lên đồng tại Marina Terrecia đã đóng một vai trò lớn lao trong sự phát triển của cá tính ông. Ông nghĩ rằng những linh hồn xuất thể đã chọn một cái bàn ở đảo Jersey như một phương tiện truyền thông là một điều hoàn toàn tự nhiên. Ông chán thành nghĩ rằng triết lý của ông, bằng cách này, đã nhận được từ cội nguồn của linh thánh một sự chuẩn nhận trang trọng."

Trong một bức thư viết cho Mme de Girardin ngày 4 tháng Giêng năm 1855, Victor Hugo viết:

"Những cái bàn nói với chúng tôi những điều kỳ lạ nhất. Tôi mong có thể nói với bà về những điều này và hôn tay - hay đôi cánh tay của bà!... Cả một hệ thống vũ trụ Khai tịch luận mà tôi từng suy ngẫm - và một phần đã viết ra - trong hai mươi năm trở lại đây, đã được xác nhận bởi những cái bàn, và với những sự trau chuốt huy hoàng. Giờ đây chúng tôi sống trong dung quang của một chân trời huyền bí đang đổi thay tất cả mọi viễn tượng của cuộc lâu dài của chúng tôi; và chúng tôi thường nghĩ tới bà, người mà chúng tôi hàm ân đã mở ra cho chúng tôi cánh cửa này."

"Những cái bàn khuyến bảo chúng tôi phải im lặng và giữ kín - trừ hai chi tiết quan trọng, thực thể - bà sẽ không thấy điều gì liên quan tới chúng trong cuốn Những Suy Tưởng của tôi."

Một cách ý thức, Victor Hugo đã "không pha trộn với thơ tôi một dòng nhỏ nào của những dòng thơ mà các linh thần đã đọc qua cái bàn đó, cũng không chiếm hữu một ý tưởng nào từ nguồn đó." Ông tuyên bố: "Bao giờ tôi cũng kính cẩn coi chúng thuộc về Đấng Bất Khả Tri, tác giả duy nhất của chúng." Dù e sợ thần linh, dù muốn tôn trọng những lời khuyến bảo và tác quyền của Đấng Vô Hình, một cách vô thức, Victor Hugo vẫn đặt một số thơ "phụng bút" (được cái bàn "đọc cho phép") vào phần kết tập cuốn *Les Contemplations*. Hai phần ba thi tập này

dành cho những đề tài trần gian, bài trường thiên có tính chất Tiên tri ở cuối tập - bài *Bouche d'ombre* (Miệng âm u) đã làm những độc giả trung thành của Thi hào phát run vì ông đã công nhiên luận bàn về những phát lộ của những thần linh. Trong bài thơ này cũng như trong bài *Thượng Đế* và *Chung Cuộc của Sa-Tăng* những tác phẩm chỉ được xuất bản sau khi tác giả qua đời - "những sự huyền nhiệm của Mật giáo Cabbala (trong Cựu ước) và của triết thuyết Pythagora mà ông từng suy ngẫm nhiều năm đã được trải ra dưới hình thức triết luận hay suy lý. Chủ đề trung tâm của những bài thơ tiên tri trường giang này là sự chiến thắng của đức hạnh thiêng liêng trên mãnh lực của cái ác xấu và bóng tối" (Matthew Josephson, Victor Hugo, 409).

"Hệ thống vũ trụ khai tịch luận" (Cosmogonie) của Victor Hugo gồm những điểm chính như sau:

1. Quan niệm "Linh hồn chuyển sinh" (Transmigration des âme) hay Luân hồi (Orphisme, Pythagoréisme (Pythagoreanism)).
2. Quan niệm "Hóa thể" (Transubstantiation): mọi vật thể đều sống, cảm, nghĩ và tiến hóa trên quá trình siêu vượt về Thượng Đế.
3. Quan niệm Phiếm thần (Pan-théisme): vạn sự, vạn vật, dù vô tri như vật chất, cũng đều là một phần của Thượng Đế.

Vũ trụ Khai tịch luận trên của Victor Hugo có tính cách lạc quan vì thi hào tin rằng: mọi sự vật đều hóa sinh và tiến hóa từ những trạng thái thấp kém lên những trạng thái cao hơn.

Bằng cách nào? Theo Hugo tiến trình thăng hoa của linh hồn gồm ba cấp:

1. Bằng con đường đau khổ: đó là cái phải trả cho những lầm lạc, là sự bồi thường và điều này giải thích mọi khổ đau trên đời, mọi ác xấu trong thế giới.
2. Bằng tri thức: là sức mạnh giải phóng con người khỏi sự ác xấu. Người ta độc ác, do đó đau khổ, vì vô minh.
3. Cuối cùng bằng tình thương yêu: là ân huệ tỏa ra từ Thượng Đế, là tính chất lý tưởng của mối liên hệ giữa con người với con người và vạn vật.

Đặc tính của Vũ trụ Khai tịch luận của Victor Hugo là không có sự ác xấu "tuyệt đối", Thi sĩ không chấp nhận quan

niệm về sự Sa ngã, ý niệm căn bản của Thần học Thiên Chúa giáo.

- Tại sao Thượng Đế lại tạo ra sự ác xấu và bóng tối vô minh?

- Bởi Ngài "cần" những sinh vật kém cỏi hơn thay vì đồng thể tẻ nhạt với Ngài. Và quan trọng hơn, sự ác xấu là điều "cần thiết" để con người có cơ hội phát huy khả năng sáng tạo. Vì nếu con người luôn luôn được sống trong vinh phúc thì thử hỏi nó còn có buồn làm những kỳ công? Có cơ hội tạo nên những tuyệt tác? (tương tự quan niệm "bất lợi" của chư thiên của Phật giáo). Chỉ có qua khổ đau, bất hạnh, tai họa mà con người mới khám phá ra sức mạnh thần thánh trong mình.

Kẻ tội lỗi, theo những phát lộ huyền bí của Hugo, bị trừng phạt bằng cách chuyển thể thành súc vật, cây cối và đất đá. Nhưng tuy kẻ tội lỗi bị trừng phạt bằng cách thác sinh vào những hình thức hạ đẳng, tôn giáo của Hugo quan niệm có sự cứu rỗi và sự cứu rỗi bao dung lồng lộng này là một trong những Giáo lý căn bản của ông. Đó là Tôn giáo, theo lời nhà thơ "yêu kẻ bị ghét bỏ và cứu vớt kẻ hư mất". Do đó, hiệu quả tích cực cụ thể của kinh nghiệm siêu hình của Hugo là, sự thù hận, vốn ngự trị trong lòng nhà thơ lưu vong bao năm nay, sau cuộc đảo chính hụt năm 1851, đã tiêu tan và dần dần biến mất khiến ông trở thành một con người tâm hồn trong sáng, an bình hơn trước rất nhiều.

Mặc dầu Thượng Đế đã phải để cho sự ác xấu hiện hữu. Ngài đã sắp đặt để những "Thái dương thể"; những hữu thể mặt trời của Ngài, những kẻ mà sức mạnh của thần tích được tập trung cao độ trong mình, "mang ngọn lửa trung tâm về cho hành tinh", Hugo đã viết một cách lạc quan như vậy trong thiên nghiên cứu huyền bí "William Shakespeare" của ông. Ông tin tưởng rằng nhân loại sẽ được cứu chuộc bởi những Đạo sĩ - những Vị nhân được tuyển chọn của ông như Shakespeare, Socrates, Galileo, Dante, Voltaire... - những người mà sức mạnh tinh thần cuối cùng sẽ chiến thắng sức mạnh gươm đao của những Caesar Borgia hay Louis Bonaparte.

Một trong những thông điệp mà Victor Hugo nhận được từ những buổi hầu đồng có những lời như sấm động như sau - tôi viết hoa và viết nghiêng: "KHÔNG CÒN BẤT CỨ MỘT ĐỊA NGỤC NÀO NỮA... HỒI CON NGƯỜI, HỒI CỎ CÂY, HỒI MUÔNG

THÚ: TẤT CẢ LÀ TÌNH YÊU. HỒI BẦU TRỜI, HỒI CHÚNG SINH, TẤT CẢ LÀ SỰ THA THỨ TỐI THƯỢNG TỐT CÙNG."

Lấy Thi ca làm công cụ truyền cảm, nhà thơ này là kẻ Tiên tri hay Đạo sĩ, tự thấy mình có sứ mệnh rao giảng tình thương yêu rộng lớn và sự tha thứ cùng cực, tình huynh đệ giữa con người và con sự phá hủy địa ngục, tựu thành công việc của cuộc Cách mạng Pháp. Trong một bài thơ siêu phàm trong thi tập *La Légende des siècles* (Truyện Thần Tiên của những Thế kỷ) Victor Hugo mô tả một con ngựa bị chủ đánh đến chết đã hướng cặp mắt thương xót về Trời và cầu nguyện cho đến khi tắt thở. Cảm thức về tình thương bao la này là điều mà Hugo chưa bao giờ đạt tới và sau đó sẽ thể nhập vào khuôn mặt hệ lụy của Jean Valjean trong *Những Kẻ Khốn Cùng*. Theo ông, cuộc Cách mạng Pháp là một giai đoạn, quyết định trong hành trình về sự cứu chuộc con người, bị ngăn trở đời này qua đời khác bởi những sức mạnh tiêu cực của cái ác xấu. Bài thơ tràn ngập "Chung Cuộc của Sa-Tăng" gồm một loạt những biểu tượng, bắt đầu bằng khổ nạn của Đấng Christ và đi tới giai đoạn cuối cùng giải phóng con người - với "Sa-Tăng được xá tội" - tiếp theo sự tái diễn của Cách mạng Pháp trong thời tương lai.

Trong thời gian kinh qua kinh nghiệm huyền bí này, rất nhiều ngày, nhiều tháng Victor Hugo đã ngủ rất ít và viết thư điên cuồng. Những cuộc "đổi

thoại" của ông cho thấy ông lúc ngập tràn hy vọng, hân hoan, tin tưởng, lúc hồ nghi, thất vọng, ưu uất. Cuối cùng, sau nhiều suy tư khắc khoải, ông chấp nhận huyền nhiệm với một thái độ khiêm cung rất triết lý:

"Tôi sẽ không nài nỉ nữa; rõ ràng đối với tôi là thế giới cao siêu, dù tương thuận truyền thông với cái thế giới mờ tối của chúng ta, đã lường lự khi bắt buộc, ngay cả khi sự tò mò của ta chỉ do lòng tôn sùng Thượng Đế và kính cần đối với vô biên mà có. Thế giới cao siêu muốn mãi mãi cao siêu... nhưng cũng không hẳn như vậy; thế giới đó muốn viễn quan của chúng ta chứ không muốn khoa học của chúng ta. Ngay cả khi nó biểu lộ những ý chỉ của mình một cách dễ hiểu hơn đối với con người, nó vẫn sẽ không chấp nhận sự trợ giúp của bằng chứng khoa học và nỗ lực thâm nhập và quan sát của lý trí chúng ta. Tất cả một lời nó thích con người cứ tiếp tục hồ nghi. Luật lệ đó đã quá hiển nhiên, và tôi đành cam chịu vậy."

Những cái bàn lên đồng đã cảnh giác Victor Hugo phải dè dặt và khiêm tốn trước Bất Khả Tri. "Kính nhi viễn chi" vậy. Nhưng Thi hào đã được hân hạnh giao tiếp. Có điều, trong nhiều cuộc phụ đồng bàn liên tiếp, "Bóng Tối" đã chỉ thị ông không nên làm cho những người đồng thời kinh sợ bởi những phát lộ đột ngột và táo bạo vì họ chưa được sửa soạn mà chỉ nên khai tâm họ dần dần: "Hãy cẩn thận, hồi con người trần, hồi kẻ bị phóng tục, hồi con người của thế kỷ kia..."

Tốt hơn hãy làm một việc có tính cách tích cực đối với Thế Kỷ Hai Mươi hơn là làm một việc mơ hồ đối với Thế Kỷ Mười Chín." Victor Hugo hoàn thành hai thi phẩm tiên tri *Thượng Đế, Chung Cuộc của Sa-Tăng* năm 1856 ở Guernsey và quyết định chỉ cho in hai thi tập này sau khi ông qua đời, tuân theo "mệnh lệnh" chỉ truyền đạt những phát lộ về một hệ thống tôn giáo mới từ bên kia năm mờ. Trước đó, ngày 22 tháng Mười năm 1854, lúc còn ở đảo Jersey, ông đã dặn dò con cái và thân hữu về những biên bản ghi chép lại những cuộc phụ đồng bàn như sau: "Văn kiện này chắc chắn sẽ trở thành Thánh Kinh của tương lai, nhưng hiển nhiên là không thể công bố trong lúc sinh thời của bất cứ người nào trong chúng ta, những kẻ đối thoại với những hữu thể huyền bí này."

Việc công bố những văn kiện trên bởi Gustave Simon - *Chez Victor Hugo: Les Tables Tournantes de Jersey*, Paris, 1923 - cùng với những cuộc lên đồng của các Thi sĩ Louis Singer, Robert Graves, W.B. Yeats... những phụng bút và tự động bút (automatic writing) của bà Rosemary Brown, Ruth Montgomery... sau này chắc chắn đã đem lại nhiều khả tín cho tân chủ thuyết Duy linh - Tôn giáo mới của thế kỷ 20. Những tín đồ đạo Cao Đài ở Tây Ninh, Việt Nam, đã tôn thờ Victor Hugo và đã noi gương thi hào, dùng bàn cơ (coeur) làm phương tiện phụng bút để nhận lãnh Sấm Truyền của Đức Giáo Chủ.

Tháng Tư 1990



Bác Sĩ Tâm Lý LÊ ĐÌNH PHƯỚC (DR. DANIEL D. LEE, FACFE, DABMP, DABFM) LICENSED CLINICAL PSYCHOLOGIST

Fellow, American College of Forensic Examiners
Diplomate, American Board of Medical Psychotherapy
Professional Member, National Academy of Neuropsychology
Board Certified & Diplomate, American Board of Forensic Medicine



- ❑ Tốt nghiệp chuyên khoa Tâm-lý Trị-liệu, Tâm-lý Pháp-lý, Thần-kinh Tâm-lý.
- ❑ Nguyên Giáo Sư Viện Đại Học Đà Lạt, Viện Đại Học Vạn Hạnh (1973-1975)
- ❑ Nguyên Giám Đốc Chương Trình Định Cư và Chương Trình Sức Khỏe Tâm Thần, International Institute of Los Angeles, L.A., CA. (1975-1977)
- ❑ Nguyên Giám Đốc kiêm Bác Sĩ Tâm Lý, Chẩn Y Viện Tâm Thần cho người Đông Dương (Indochinese Mental Health Clinic, County of L.A., CA. (1980-1983)
- ❑ Nguyên Assistant Clinical Professor of Psychiatry and Behavioral Sciences, School of Medicine, University of Southern California, L. A., CA. (1980-1984)
- ❑ Bác Sĩ Tâm Lý tại các Bệnh viện Tâm Thần ở vùng Orange County và Los Angeles County từ năm 1984.

Chuyên môn:

- ❑ Thẩm Định Thần Kinh Tâm Lý và Tâm Lý Pháp Lý (Neuropsychological & Forensic Psychological Evaluations).
- ❑ Thẩm Định và Trị Liệu các tổn thương về Tâm Lý do các loại tai nạn gây ra (Personal Injury, Workers Compensation)
- ❑ Chẩn Bệnh và Trị Bệnh Tâm Lý cho người lớn và trẻ em (Psychological Evaluation & Psychotherapy)
- ❑ Cố vấn các khó khăn giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái, tâm thần suy nhược, chán nản, buồn phiền, lo sợ, căng thẳng tâm trí.

27 năm kinh nghiệm chuyên nghiệp trong ngành sức khỏe tâm thần

2021 East Fourth St., Suite 102 • Santa Ana, CA 92705

(714) 834-1074 Xin lấy hẹn trước

MỘT NƠI CHUYÊN NGHIỆP-UY TÍN VỀ LÀM ĐẸP CHO CẢ PHÁI NỮ & NAM

AC COSMETIC SURGERY MEDICAL CENTER

Nếu Bạn Muốn Có:

- MỘT ĐÔI MẮT ĐẸP
- MỘT NÉT MŨI THANH
- MỘT CHIẾC CẪM XINH
- HAI BỜ MÔI QUYẾN RŨ
- MỘT BỘ NGỰC HẤP DẪN
- MỘT LÀN DA TƯƠI TRẺ
- MỘT CHIẾC BỤNG THON
- MỘT THÂN HÌNH LÝ TƯỞNG
- SỬA CÁC TẬT BẨM SINH..
- DẠY XÂM THẨM MỸ

Tất cả sẽ được như ý khi
đến với **AC Medical Center**

GIẢI PHẪU TỔNG QUÁT

Có Bác sĩ chuyên môn
Giải Phẫu chữa bệnh Trĩ,
Mạch Lươn, Cột ống dẫn
tinh, Cắt da qui đầu, cắt
bướu sữa các vết sẹo. Giải
Phẫu không đau, có kỹ
thuật gây mê an toàn. Có
thể ra về trong ngày.

Xin liên lạc cô Xuân Uyên
để được giải đáp thỏa đáng

 **(714) 848-9889**

Toll Free 1-888-842-6691

Pager: (714) 218-1561

17672 Beach Blvd., Suite A&B
Huntington Beach, CA 92647
(Giữa Slater & Talbert)

BÁC SĨ NGUYỄN DUY CUNG, M.D.

- Hội viên thực thụ Hàn Lâm Viện Giải Phẫu Thẩm Mỹ Hoa Kỳ
- Bác sĩ tham vấn Hội Giải Phẫu Thẩm Mỹ Quốc Tế (ISPARS)
- Giáo sư Danh Dự Hội Giải Phẫu Thẩm Mỹ Tây Ban Nha (SECE).
- Nguyên Giáo Sư Giải Phẫu Đại Học Y Khoa Sài Gòn.

**GIẢI PHẪU THẨM MỸ TẠI TRUNG TÂM - MÁY MÓC
TỐI TÂN - GÂY Mê AN TOÀN**

Medical Board Permit number: FNP 25036





TRUNG TÂM BĂNG NHẠC ASIA

Thân ái gửi đến quý khán giả khắp nơi

1 TUYỆT PHẨM VIDEO 

GÓI GÉM TẤT CẢ Ý NGHĨA VÀ TÌNH CẢM THÂN THIẾT NHẤT DÀNH CHO SÀI GÒN NĂM XƯA



ASIA VIDEO

NHỚ SÀI GÒN

PHÁT HÀNH
CUỐI THÁNG 4 - 1998

- LẦN ĐẦU TIÊN MỘT SÂN KHẤU VĨ ĐẠI CHƯA TỪNG CÓ ĐƯỢC DÀN DỰNG ĐỂ LÀM SỐNG LẠI HÌNH ẢNH CỦA SÀI GÒN NĂM XƯA.
- LẦN ĐẦU TIÊN CẢ TRĂM NGƯỜI CÙNG THAM DỰ TRÌNH DIỄN TRONG NHIỀU HOẠT CẢNH ĐỂ LÀM SỐNG LẠI CÁ HỒI THỞ CỦA SÀI GÒN NĂM XƯA...

■ Mời bạn xem để thấy với ánh sáng tân kỳ và xảo thuật Video hiện đại sẽ làm sống lại cảnh Sài Gòn nắng sớm rực rỡ, mưa buồn se thắt, cảnh Sài Gòn ban đêm rộn rã niềm vui, cảnh Sài Gòn tan tác trong khói lửa chiến tranh. Sài Gòn muôn vẻ cảnh cũ sẽ sống lại trên từng lối đi...

■ Mời bạn xem để nghe kỹ thuật âm thanh và hòa âm tuyệt vời của Asia sẽ làm bạn thích thú đến ngỡ ngàng qua giai điệu của những bài ca từ thập niên 20 được diễn đạt hoàn toàn bằng nhạc cụ cổ truyền, đến những nhạc phẩm hát về Sài Gòn được trình bày bằng lối hòa âm độc đáo hiện đại.

■ Nhớ Sài Gòn: 22 bài ca, 22 dòng nhạc tràn cảm xúc của các nhạc sĩ tài danh: sẽ được diễn tả bằng tất cả trái tim ngập tràn cảm xúc của các ca sĩ hàng đầu hiện nay: NGỌC LAN, KHÁNH HÀ, KHÁNH LY, HOÀNG OANH, THANH THÚY, THANH LAN, THANH TUYẾN, ELVIS PHƯƠNG, THÁI CHÂU, VŨ KHANH, LÂM THÚY VÂN, LÂM NHẬT TIẾN, GIA HUY, SHAYLA, THANH TRÚC, DUY LINH, NINH CÁT LOAN CHÂU, LÊ TÂM, YẾN PHƯƠNG, TRIST THÙY TRANG, BẢO TUẤN...

■ Mời bạn xem để thấy lại Sài Gòn qua những đoạn phim tài liệu quý hiếm từ năm 1990, hình ảnh, thơ văn, về Sài Gòn thân yêu tuyển chọn theo năm tháng sẽ được giới thiệu đến bạn qua Việt Dzũng người MC tài hoa được mến chuộng nhất hiện nay.

■ Sài Gòn muôn thuở, cho dù có bị đổi tên, Sài Gòn vẫn luôn luôn là Sài Gòn, tên gọi trong lòng người.

ASIA ENTERTAINMENT, INC: 12832 GARDEGROVE Blvd. Suite C & D GARDEN GROVE CA. 92843. Tel: 714-636-3002

9550 BOLSA Ave. #105 WESTMINSTER CA. 92683. Tel: 714-775-8264. Toll free: 800-345-7047

WEB SITE: www.vietnam-asia.com - EMAIL: vietnam@vietnam-asia.com

TỜ BÁO, BẠN ĐỌC

Sau khi đóng khuôn số 17 (chấm dứt đánh máy bài vở thư tín), ngày 8 tháng 3, kể từ ngày 9 tháng 3-98, Khởi Hành đã nhận được thư từ, bài vở, ngân phiếu mua dài hạn cũng như sách báo liệt kê dưới đây.

BẠN ĐỌC MUA DÀI HẠN

Bs NGUYỄN Ý ĐỨC (LA), NGUYỄN CHINH (CA), Ô. NGUYỄN HỮU KHÁNH (CA), BS NG H HẢI (CA), BS V T TIẾN (CA), TUẤN BUI (MN), HỒ CHUNG (COLO) Ô. PH CẢNH (SA), JOSEPH LUẬN NGUYỄN (CA), HARRY HẢI NGUYỄN (HI), ĐÀO H DƯƠNG (đổi địa chỉ), BUI NGOC TUẤN (MN), TRẦN VINH (CA), THAO DOAN (CA), LÊ ĐÌNH (CA), NGUYỄN ANH LIÊU (CA), SONG CHÂM (HI), NGUYỄN NGUYỄN HIỂU (TX), LÊ GIA NGUYỄN (OR), LIÊU HỒNG CÚC (HI), NGUYỄN K. TÔN (CA), BUI ĐỨC LẠC (CA), BS HẢI HOÀNG NGUYỄN (CA), BS NGUYỄN VĂN BẦY (CA), LÊ ĐỨC VI (OR), BẢO NGUYỄN (đdc), ĐẶNG HÒA BÌNH (VA), NGUYỄN THANH HÙNG (TX-TLG gửi), Bs VŨ TRỌNG TIẾN (CA).

NHẮN TIN

—Ông PHẠM CẢNH (SA). Nhạc sĩ Anh Việt Trần Văn Trọng, đúng như ông viết trong thư, là người Rạch Giá, và cùng quê với ông. Tôi đã chuyển lời của ông

ngay cho ông, thế nào ông cũng nhận được thư từ San Jose gửi xuống.

Chúng tôi đã gửi thêm cho ông số Khởi Hành có bài Tiền Kiếp của tác giả Bằng Phong Đặng Văn Âu. Anh Âu nguyên thiếu tá không quân, lái tàu vận tải, chính là người lái cái phi cơ bị bắn đó, hiện ở Hạ Uy Di. Anh nói với tôi đó là chuyện thật, nhưng viết thành truyện như truyện ngắn, vì nếu ghi là chuyện thật thì thế nào cũng bị ...mĩa mai là mê tín dị đoan. Lần sau, nếu ông muốn gửi tặng bạn báo, xin cho địa chỉ, tòa báo sẽ gửi giùm ông, khỏi qua hai lần bưu phí, và thời gian.

Chúng tôi rất cảm kích về những lời ông viết trong thư, cho Khởi Hành cũng như cho riêng người chủ biên. Xin đa tạ.

—Ông ĐINH HỒNG PHONG. (Thay mặt Việt Mỹ Out Let) Trân trọng cảm ơn ông.

—Anh VŨ TRỌNG (BOSTON) Chúng tôi đã chuyển địa chỉ của anh cho nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn. Như vậy tốt hơn.

—Anh NGUYỄN TRỌNG LÊ (CA). Chúng tôi rất thích bài tiểu sử về nhà thơ Edgar Allan Poe anh dịch cho Khởi Hành. Thế nào cũng có dịp đăng. Trong khi đó, từ nay Khởi Hành sẽ có thường xuyên các bài tương tự về các nhà văn khác, như trên số này là chuyện về nhà văn Boris Pasternak của Nguyễn Phương Tuấn. Nếu anh cho phép, sẽ gửi anh một hai tài liệu nhờ anh dịch giùm? Vì hơn năm nay, Bộ Biên Tập cơ

BÙI GIẢNG

ĐI VÀO CÔI THƠ

CUỐN MỘT

THI CA TƯ TƯỚNG

CUỐN HAI

"...Ngôn ngữ thơ trong vài thế kỷ này đã nảy nở xum xuê, thiên hình vạn trạng. Hoặc ẩn mật thần bí, hoặc đơn giản như một lời ca dao, thì ca vẫn có sức đưa dẫn người ta vào giữa huyền nhiệm của cuộc sống."

Bùi Giảng - Thi Ca Tư Tướng

AN TIÊM XUẤT BẢN

Nhà Văn Nghệ Phát Hành

hữu tại Tòa soạn chỉ có hai người, nay mới có thêm GS Nguyễn Phương Tuấn giúp sức. Mong tin. Nhân đây, xin được cáo lỗi với bạn đọc về tên Edgar Allan Poe, kỳ trước có hai chỗ in sai là Allen. Những chỗ khác đều in là Allan, mới đúng.

—Anh LÊ ĐỨC VI. Nghe Anh về thăm nhà, tôi cũng nhớ lắm. Đọc bài Tiếng Vọng Quê Hương của Anh, tôi nhớ ông Anh của Anh luôn, dù tôi chưa bao giờ gặp. Anh tương tự một bạn thân của chị tôi, tuyệt cú mèo về đua xe quanh hồ Tây, bơi ở Nghi Tâm và đứng trên yên xe đạp trong khi xe chạy, để...hái trộm ổi trên cành cao quanh hồ. Có gì thay đổi chăng, những con đường xuống chùa Hai Bà ở Đồng Nhân, Láng?

ĐỒNG NAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ

9081 Bolsa Avenue, Suite #108 * Westminster, California 92683
(Gần tiệm Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank of California)

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU - Dược sĩ TRẦN THỊ LƯU ÁI

Tel: (714) 397-5072 * Fax: (714) 379-5074

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- * Các loại dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- * Các loại sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống truyền vào ruột hay truyền vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products).
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products).
- * Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- * Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- * Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital beds & Accessories).
- * Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products).
- * Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor), máy đo huyết áp (Blood Pressure Monitor).

**NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...**

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00AM - 7:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 5:00PM

Một bộ Video để xem, để nhớ và để tặng cho người yêu...

Chủ Đề:
ĐÀN BÀ

Là một kiệt tác của vũ trụ (Alfred De Musset)

*Một trà một rượu một đàn bà
Ba cái lãng nhăng nó quấy la
Chứa được thứ nào hay thứ ấy
Có chăng chứa rượu với chứa trà*

(Tú Xương)

Vì trần gian không thể thiếu ĐÀN BÀ
Khách yêu nhạc không thể thiếu VIDEO

PARIS BY NIGHT 43

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Một chương trình ca vũ nhạc tuyệt vời với sự góp mặt:
**Ái Vân, Như Quỳnh, Lưu Bích, Thanh Lan, Hương Lan,
Hoàng Lan, Thùy Dương, Thanh Hà, Lynda Trang Đài, Hồng Đào,
Trang Thanh Lan, Trúc Lam, Trúc Linh, Mỹ Huyền, Thiên Kim, Don
Hồ, Thế Sơn, Nguyễn Hưng, Mạnh Đình, Tommy Ngô, Hoài Nam,
Ban nhạc M.F.L và vũ đoàn Paris By Night**

Giá
\$28
1 Bộ

Xin liên lạc: **THÚY NGÀ**

MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683

Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673

ÂU CHÂU:

44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-34-30

ÚC:

323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia.

Tel: (02) 796-7227

MỜI PHÁT HÀNH: Băng đọc truyện đặc sắc nhất của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn,
giọng đọc Hồng Đào cùng tác giả:

- Món quà cuối năm (Audio Book 40) - Ngày trở lại (Audio Book 41)
- Thời vận (Audio Book 42) - Bên hành lang tòa án (Audio Book 43)



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643

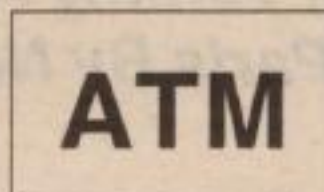
Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CỒNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà **Lê Văn Khá** trực tiếp điều khiển

ĐẶC BIỆT:

- * TÔM
- * GÀ
- * CÁ
- * MỰC



BEER & WINE



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 3:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình **ÁNH HỒNG** kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

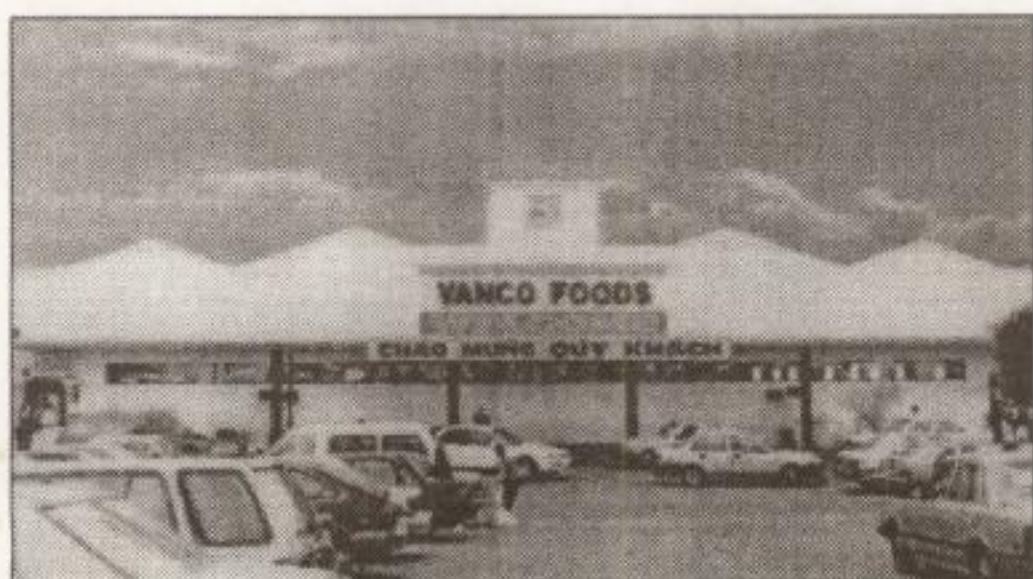
808 Geary Ave.
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805

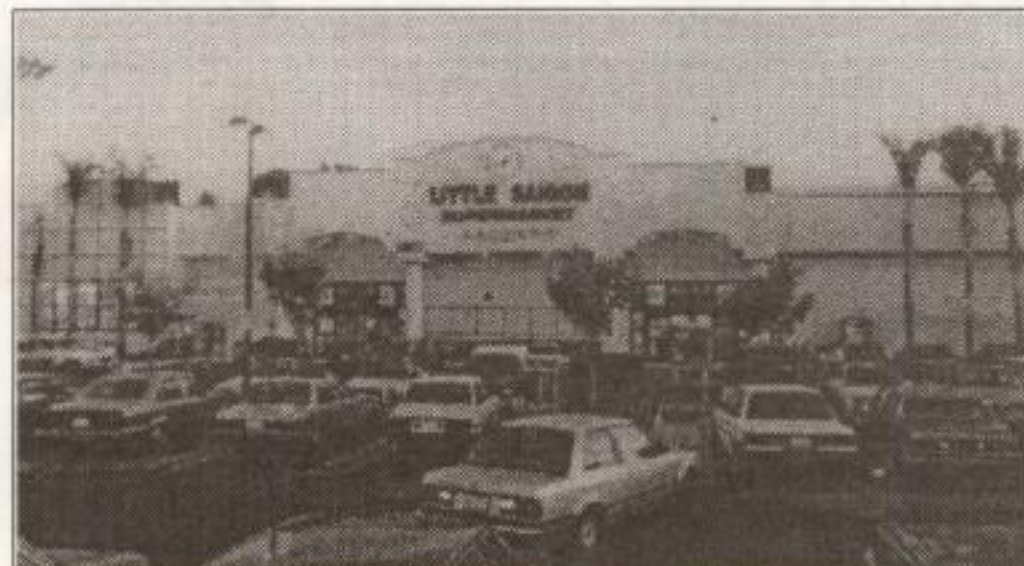
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO SUPERMARKET



10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
TEL. (714) 530-2999

LITTLE SAIGON SUPERMARKET



9822 BOLSA AVE
WESTMINSTER, CA 92643
TEL. (714) 531-7272

*Quanh Năm Tận Tụy Phục Vụ
Đáp Ứng Đúng Nhu Cầu Bà Con
Nhiều Đợt Sale và Tặng Quà Liên Tiếp*

CHỢ CHÚNG TÔI CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và được mọi người ưa thích NHẤT



Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



P.O. BOX 670 MIDWAY CITY, CA. 92655

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
WESTMINSTER, CA
PERMIT NO. 49

NORTHRIDGE

Khởi Hành số 18 Tháng Tư 1998 ■ Giá 3.50 Mỹ Kim

QUÊ HƯƠNG TÌNH YÊU

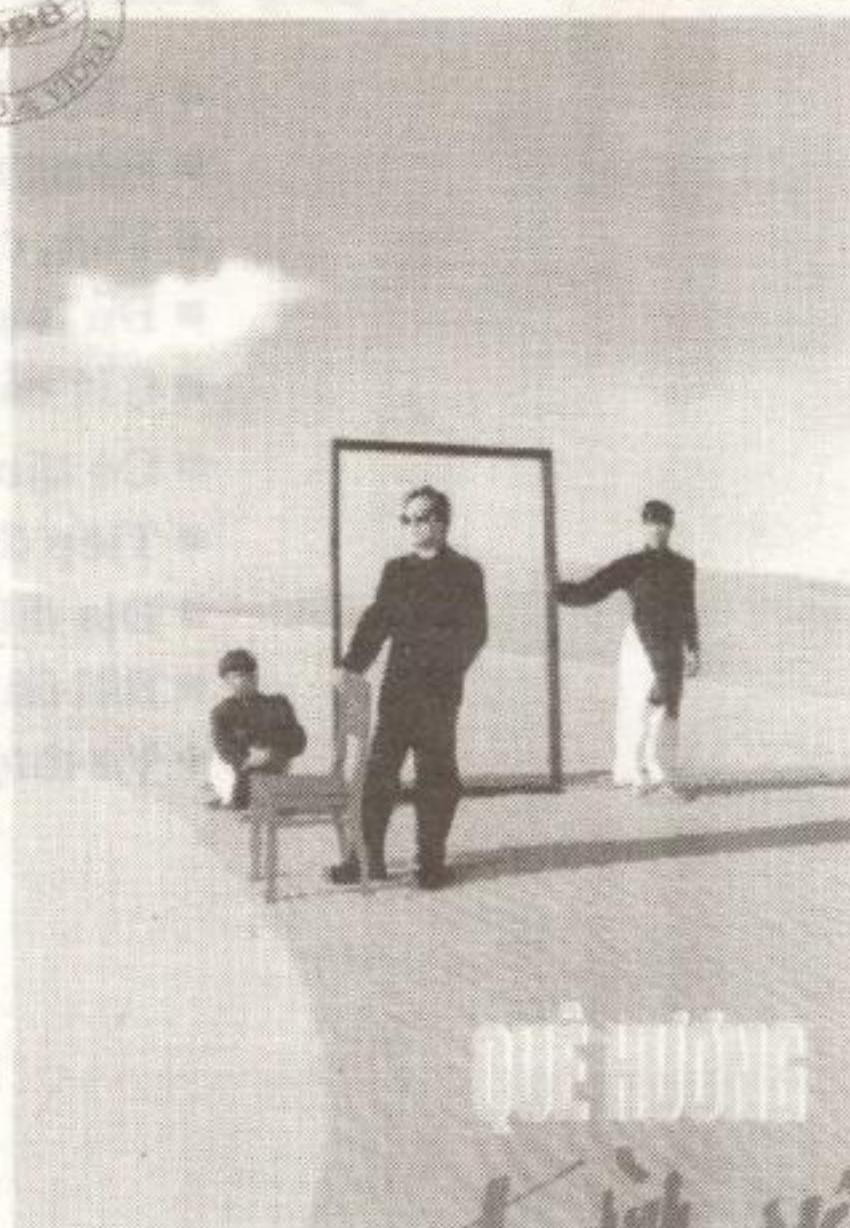
glavis
P. HƯƠNG

Video EP 1998

17831 KENSINGTON AVE
CERRITOS, CALIFORNIA 90703
TEL: & FAX (562) 802 - 2909



EP PRODUCTIONS



QUÊ HƯƠNG

Tình yêu